

GEORGE J. VEITH

PHAN LÊ DŨNG

chuyển ngữ

**TUỐT KIÊM
PHƯƠNG XA**

những giấc mơ

tan vỡ

của

MIỀN NAM VIỆT NAM



Virginia 2023

Lời Cảm Tạ

Người dịch xin chân thành cảm tạ chị Trịnh Bình An đã giới thiệu dịch giả với tác giả để có ấn bản tiếng Việt, tác giả George J. Veith đã tạo mọi cơ hội để giúp bản dịch nhanh chóng đến tay độc giả, anh Đào Trường Phúc đã giúp liên lạc với tác giả về tác quyền, anh NVB đã góp ý với những lời khuyên chân tình và đặc biệt là nhà báo Uyên Thao đã kỹ lưỡng đính chính những danh từ hành chánh, quân sự, đa số các địa danh và thời điểm lịch sử.

Tuy đã cố gắng, chắc chắn vẫn có những sơ sót khó thể tránh khỏi, người dịch mong được sự chỉ bảo của độc giả để những ấn bản sau có thể hoàn thiện hơn.

• PHAN LÊ DŨNG

Lời Người Dịch

Max Hastings, một sử gia Anh, một ký giả đã tường trình cuộc chiến cho đến phút chót, viết: "Cuộc chiến Việt Nam là một *Đại Bi Kịch*." *Đại Bi Kịch* đó khởi nguồn thế nào? Và kết thúc thế nào?

Theo sử gia George J. Veith thì *Đại Bi Kịch* đó mở màn bằng cái nhìn tranh tối tranh sáng được mô tả trong thiên *Corinthian* của Thánh Kinh và kết thúc bằng chuyện "Tuốt kiếm" trong thiên *Leviticus*.

Các sử gia thường cho rằng chất liệu "lịch sử" chỉ hiện rõ sau 50 năm. Điều đó có nghĩa là những vấn đề gây xôn xao dư luận, những vấn đề thời sự sôi bỏng, đã tan biến để những hình ảnh rõ hơn của lịch sử từ từ xuất hiện. Sau 50 năm, chẳng mấy ai còn bàng hoàng vì những bức ảnh thô thúc sự suy diễn, chẳng mấy ai còn bị ám ảnh vì những cảm xúc dày vò, dễ làm mờ trí phán đoán người nhìn, như bức ảnh tự thiêu của hoà thượng Thích Quảng Đức, bức ảnh một tù nhân Việt Cộng bị tướng Nguyễn Ngọc Loan bắn vào đầu, hoặc bức ảnh "Napalm Girl" của Nick Ut. Những bức ảnh đó không phải không còn giá trị, nhưng giá trị của các bức ảnh đó được đưa vào những chỗ đứng tầm, đứng cỡ, ở những viện bảo tàng chiến tranh để vẽ lại những sự tàn khốc của cuộc chiến, những sự tàn khốc hằng hiện hữu trong mọi cuộc chiến, chứ không phải chỉ duy nhất trong cuộc chiến Việt Nam.

Trong *Tuốt Kiếm Phương Xa*, George J. Veith không chú trọng vào những bức ảnh, những bản tin chiến sự một thời sôi động đó. Ông nghiêm túc tìm hiểu cuộc chiến Việt Nam qua ba nguồn tài liệu chính, tài liệu được giải mật của CIA, của Tòa Đại Sứ Mỹ ở Việt Nam, và các tài liệu Việt Nam. Một điểm khiến Veith khác hẳn với những sử gia Tây Phương khác là nguồn tài liệu chính của ông được rút ra từ sự phối hợp và đối chiếu các tài liệu của CIA và Tòa Đại Sứ Mỹ với các tài liệu của Việt Nam Cộng Hòa, kể cả những cuộc phỏng vấn các nhân vật lãnh đạo Miền Nam Việt Nam trong suốt 20 năm. Ngoài ra, Veith còn có một lợi điểm hơn các sử gia khác: Ông là một sĩ quan Thiết Giáp trong quân đội Hoa Kỳ đóng ở Đức. Khía cạnh đặc biệt đó khiến ông vừa có thể đồng cảm với các sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa, vừa nhìn ra được một số những điểm sai, ít ai để ý nếu chưa từng là lính, hoặc ngồi trong xe thiết giáp. Khi nhận định việc Tổng Thống Diệm bị bắn trong xe thiết giáp, George J. Veith viết: "*Không quân nhân chuyên nghiệp nào có thể xử dụng tiểu liên khi ngồi trong xe thiết giáp.*"

Veith không bắt đầu ngay từ thời Đệ Nhất hoặc Đệ Nhị Cộng Hòa. Ông lùi lại vừa đủ xa để độc giả có thể có cái nhìn khái quát hơn trước

khi vào cuộc qua những mâu thuẫn tôn giáo, những kỳ thị địa phương của các miền, những di sản bệnh hoạn guồng máy cai trị Pháp đã để lại, những tư tưởng bè nhóm — kể cả Thế Lực Thứ Ba của những người Việt lưu vong ở Pháp. Những khối thành kiến bị dồn nén, đè ép đã lắng sâu trong tiềm thức người Việt, khi bị những mũi dùi thời sự chọc vào, bắt chọt bùng ra như những miếng nham thạch của hỏa diệm sơn chôn vùi tất cả những nhân vật quốc gia kể từ Tổng thống Ngô Đình Diệm, Văn sĩ Nhất Linh, cho đến Thủ tướng Phan Huy Quát, Dân biểu Trần Văn Văn, Ký giả Tử Chung, Viện trưởng Nguyễn Văn Bông... Trong *Tuốt Kiếm Phương Xa*, Veith đã dùng tài liệu Mỹ để lấy cái nhìn ban đầu, đối chiếu với những gì được nghe, rồi suy ngẫm, phân tích để tìm hiểu căn nguyên của sự việc.

Mở đầu bằng bối cảnh lịch sử Việt Nam, *Tuốt Kiếm* lần theo dấu một vết rạn chia rẽ dân tộc để nói về vấn đề tôn giáo, vùng, miền. Veith đã lấy bối cảnh này làm bàn đạp để đẩy câu chuyện về hai hướng khác nhau, một đi sâu vào những biến chuyển thời thế, những khắc khoải nội tâm của các chính khách, các nhân vật lãnh đạo MNVN; một tỏa rộng ra bên ngoài với ảnh hưởng tàn dần của Pháp, và ảnh hưởng ngày càng lớn của Mỹ, của Đại Hàn, của Đài Loan.

Rồi những hình ảnh bên ngoài, bỗng vượt lên phía trước, quành lại để biến thành áp lực. MNVN bỗng nhiên khựng lại vì hai mũi dùi khốc liệt: Mũi dùi xâm lược của Bắc Việt và mũi dùi Dân Chủ của Mỹ. Mỗi bước đi của MNVN là mỗi bước quẩn quại, không chỉ với hai mũi dùi này luôn luôn canh cánh bên sườn, mà còn với những khích động, khuynh đảo bên trong bởi hàng loạt gián điệp nội tuyến, bên cạnh những tranh chấp nảy lửa, và những chia rẽ ngày càng cay đắng của những người Quốc Gia. Trong khung cảnh khắc nghiệt đó, những đóa hoa tiềm năng nhân bản và dân chủ MNVN tuy vẫn nở, nhưng thường nở ở những góc khuất, không đủ ánh sáng mặt trời, như những thành quả kinh tế của Phạm Kim Ngọc, như những nỗ lực tái định cư cố tìm cách để người dân tị nạn vô gia cư được sống với lòng tự trọng của bác sĩ Nguyễn Phúc Quế, như cuộc cải cách điền địa Người Cày Có Ruộng đầy sáng tạo của Cao Văn Thân, những thành quả Nông Lâm Súc đáng nể của Phạm Quang Minh và những chiến dịch Nhân Dân Tự Vệ khéo léo của Nguyễn Văn Thiệu.

Éo le thay, thế giới lại chọn cách nhìn MNVN qua một lăng kính khác. Lăng kính của các cuộc biểu tình Phật Giáo của Thích Trí Quang, lăng kính đàn áp Tổng Hội sinh viên của Huỳnh Tấn Mẫm, lăng kính các cuộc tàn sát của lính Mỹ ở làng Mỹ Lai, lăng kính buồn lậu có hệ thống được sự bao che của chính Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm và lăng kính đàn áp dân chủ của cuộc độc cử 1971.

Trong 20 năm nghiên ngẫm, đào sâu vào cái biển tài liệu của CIA, của văn khố Quốc Gia Mỹ, của sách vở, hồi ký của những người MNVN, Veith đã vẽ lại một hình ảnh MNVN khác, một hình ảnh chuyển dạng, biến những bức tranh Picasso loạn sắc, khó hiểu của MNVN thành những

bức tranh trong sáng, giản dị hơn, chuyển những góc khuất về một hướng rõ hơn, chuyển những góc phóng đại về những vị trí hợp lý hơn để đưa ra một hình ảnh MNVN ít thành kiến hơn, công bằng hơn. Trong nỗ lực đó, Veith dường như đồng cảm hơn với những kẻ ngã ngựa.

Không chỉ thách thức độc giả nghĩ lại về chuyện "Được làm Vua, Thua Làm Giặc", Veith còn muốn nước Mỹ có một cái nhìn khác, một cái nhìn từ vị thế của thế kỷ 21, khi những biến động thời sự đã thực sự lắng xuống, khi "*Than Hồng Chiến Cuộc*" đã tàn lụi, chỉ để lại những đứa con hoang của bên bại trận còn tan tác khắp nơi, không chỉ ở trại cải tạo, trong lòng đại dương, mà còn ở gần như khắp mặt địa cầu, như những mảnh vụn của một bức tranh bi thảm vĩ đại chưa bao giờ được ghép lại.

Để tương phản với giai đoạn mở đầu của MNVN như cảnh nhà nhem tối được mô tả trong thiên *Corinthian* của Thánh Kinh, George J. Veith đã vẽ lại hình ảnh tan hoang, hoảng loạn lúc cuối của MNVN bằng cảnh tượng kinh hoàng trong thiên *Leviticus* khi Thượng Đế Tuốt Kiểm để xua đuổi chính con dân của mình ra khỏi tổ ấm. Veith đã nhìn cuộc xua đuổi đó trong thương cảm, thắc mắc và muốn kể lại một cách công bằng: "*Theo cái nhìn của kẻ bị xua đuổi.*" Qua cái nhìn ám ảnh đó, cội nguồn giấc mơ của những kẻ chiến bại hẳn rõ hơn, tâm tư của họ được ghi lại như những bản nhạc hùng tráng, buồn bã. Veith muốn ghi lại tất cả, và kêu gọi tất cả những người MNVN chiến bại hãy im lặng hãy lên tiếng.

Qua *Tuốt Kiểm Phương Xa*, ông muốn góp những bản nhạc bi tráng, buồn bã đó thành một Thiên Anh Hùng Ca kêu gọi con cháu của những người MNVN tiến lên, nhặt lại những hạt giống tốt đã khô cằn của thế hệ trước, tiếp tục chăm bẵm, gieo trồng những hạt mầm mộng mơ đó trên những miền đất lạ, để một ngày nào đó, những hy vọng tan hoang của thế hệ trước lại theo mây gió chuyển về, vẽ lại những hình ảnh tươi sáng đã bị chôn vùi trong quá khứ. George J. Veith hy vọng lịch sử sẽ phán xét rộng lòng hơn với Miền Nam Việt Nam.

Một thế hệ Sử Gia mới đang cân nhắc, nhận định lại cuộc chiến Việt Nam, và quan trọng hơn: nhận định lại tâm tư, ước vọng của những người Việt Quốc Gia chiến bại và con, em họ. George J. Veith là một trong những sử gia đầu tiên bắt tay vào công cuộc vĩ đại đó. Ông đã nói với người dịch rằng "*Tôi muốn mở ra một hướng mới, một cái nhìn đứng đắn mới để bổ túc, hoặc cân bằng với những quan niệm đã được chấp nhận.*"

Sau hai mươi năm nghiên cứu, George J. Veith đã hài lòng với tác phẩm của ông. Nhưng *Tuốt Kiểm Phương Xa* sẽ để lại những hình ảnh nào trong tâm người đọc?

Câu trả lời xin được nhường cho độc giả.

Arlington, 26/3/2023

PHAN LÊ DŨNG.

GEORGE J. VEITH * 11

LỜI MỞ ĐẦU

ẤN BẢN TIẾNG VIỆT

• GEORGE J. VEITH

Đã hơn 20 năm tôi thu thập những ký ức của các sĩ quan cao cấp và các viên chức cao cấp dân sự MNVN.

Đối với tôi, bảo tồn những câu chuyện của họ để thế giới biết đến lịch sử của họ là điều tối quan trọng. Tuy trong tâm khảm của đa số người Mỹ cuộc chiến đã mờ dần, tôi không muốn tiếng nói của những người MNVN biến mất. Quan trọng không kém, là việc hiểu cách quan sát biến cố của những nhân vật lãnh đạo cao cấp này để có chiều sâu trực giác về những biến cố quan trọng đã xảy ra. Đây là điều cần thiết vì các sử gia Mỹ thường quên không đưa người MNVN vào trong sách vở, và các bài viết của họ.

Hai quyển sách của tôi, *Tháng Tư Đen: Sự Gục Ngã của Miền Nam Việt Nam, 1973-75*, và *Tuốt Kiếm Phương Xa: Giấc Mơ Tan Vỡ của Miền Nam Việt Nam*, kể lại câu chuyện đấu tranh giành độc lập, tự do của người dân MNVN.

Giờ đây, nhờ nỗ lực to lớn của Phan Lê Dũng, *Tuốt Kiếm* đã được dịch sang tiếng Việt và có thể được chia sẻ với người Việt.

Tháng Tư Đen, cũng được xuất bản bằng tiếng Việt qua nhà xuất bản Tiếng Quê Hương, mô tả lòng can đảm và khả năng chiến đấu của quân đội MNVN để bảo vệ đất nước sau Hiệp Định Ba Lê.

Tuốt Kiếm vạch ra đại cương sự thăng trầm của Miền Nam Việt Nam, nhất là vai trò tổng thống Nguyễn Văn Thiệu trong việc xây dựng đất nước.

Những nỗ lực chính trị, kinh tế, xã hội, và ngoại giao của chính phủ để tạo lập một nền dân chủ và phát triển đất nước trong lúc chiến tranh được trình bày chi tiết. Sách cũng vẽ ra đại cương những thành công, những thắng lợi lớn của nỗ lực

đó, và đồng thời nhìn nhận những khó khăn, những lỗi lầm. Tuy thế, trong cốt lõi *Tuốt Kiếm* vẫn là câu chuyện trường thiên về một dân tộc anh dũng chiến đấu để cải thiện đời sống.

Tôi xin được kết lời bằng cách lặp lại những gì tôi đã nói trong mọi bữa ăn và trong mọi cuộc tiếp tân của người Việt tôi từng tham dự: Hãy viết lại ký ức của bạn, hãy kể lại cho con cháu các bạn, và nếu có thể, hãy xuất bản những câu chuyện đó. Đây là cách duy nhất để bảo tồn quá khứ của bạn. Một ước mơ vĩ đại của tôi là, nhiều năm sau, khi đọc những quyển sách tôi viết, độc giả sẽ thấy rõ hình ảnh hãnh diện của những người Việt ở Miền Nam Việt Nam đã đứng lên chiến đấu cho quốc gia. Tôi chỉ có thể viết vì những độc giả như các bạn đã chia sẻ những kinh nghiệm của họ với tôi.

Cám ơn các bạn.

Được kể lại câu chuyện của các bạn là vinh dự của tôi.

• GEORGE J. VEITH

MỤC LỤC

Tr. 009 * PHAN LÊ DŨNG
Lời Người Dịch

Tr. 013 * GEORGE J. VEITH
Lời Mở Đầu Ấn Bản Việt Ngữ

Tr. 019 * GEORGE J. VEITH
Mở Đầu



CHƯƠNG 01 * Tr. 033
“*Những Ngày Đẹp Nhất Đời Tôi*”

CHƯƠNG 02 * Tr. 068
“*Nếu Quân Đội Yếu, Chế Độ Sẽ Yếu*”

CHƯƠNG 03 * Tr. 094
“*Diệt Đồi Chính Sách hoặc Chúng Ta Đãi Diệt*”

CHƯƠNG 04 * Tr. 124
“*Đại Diện Cho Mọi Khuyh Hướng Quốc Gia*”

CHƯƠNG 05 * Tr. 156
“*Trái Đất Tròn, Một Ngày Nào Đó, Ta Lại Gặp Nhau*”

CHƯƠNG 06 * Tr. 184
“*Cần Có Một Chính Phủ Quân Sự*”

CHƯƠNG 07 * Tr. 206
“*Chúng Tôi Quá Chán Đảo Chánh Rồi*”

CHƯƠNG 08 * Tr. 240
“*Tôi Muốn Thực Sự Thay Đổi Cuộc Sống Của Người Dân*”

CHƯƠNG 09 * Tr. 266
“*Cơn Điên Cuồng Chỉ Đợi Dịp Bộc Phát*”

- CHƯƠNG 10 * Tr. 295
“Gạo Cũng Quan Trọng Chẳng Kém Đạn Dược”
- CHƯƠNG 11 * Tr. 326
“Hiến Pháp Này Chính Thức Được Chấp Thuận”
- CHƯƠNG 12 * Tr. 361
“Từ Giờ Phút Nhậm Chức, Tôi là Người Của Đồng Bào”
- CHƯƠNG 13 * Tr. 389
“Đây Là Đất Nước Chúng Tôi”
- CHƯƠNG 14 * Tr. 419
Một Quốc Gia Không Thể Tự Tổ Chức Không Phải Là Quốc Gia”
- CHƯƠNG 15 * Tr. 452
“Hội Nghị Này Sẽ Quyết Định Số Phận Đất Nước Tôi ”
- CHƯƠNG 16 * Tr. 483
**“ Chúng tôi, Những Người Điều Hành Quốc Gia Này
Không Phải Là Lãnh Chúa”**
- CHƯƠNG 17 * Tr. 514
“Chiến Đấu Trường Kỳ, Tồn Hại Thấp”
- CHƯƠNG 18 * Tr. 541
“Ít Khi Chúng Ta Hiểu Rõ Cái Giá Tài Chánh Của Chiến Thắng”
- CHƯƠNG 19 * Tr. 571
Cuộc Chiến Sẽ Tàn Dàn
- CHƯƠNG 20 * Tr. 600
Thiệt Vượt Quá Giới Hạn Của Mình
- CHƯƠNG 21 * Tr. 642
Chỉ Còn Một Bước Cách Tôi và Sự Chết Mà Thôi
- CHƯƠNG 22 * Tr. 683
“Phải Giữ Chặt Tay Súng”
- CHƯƠNG 23 * Tr. 725
“Cuộc Chiến Bắt Đầu Trở Lại”
- CHƯƠNG 24 * Tr. 757
“Ta Sẽ Tuốt Gươm”



MỞ ĐẦU

Sáng sớm 2-11-1963, đại tá Nguyễn Văn Thiệu hoảng hốt nhảy khỏi xe jeep, chạy vội đến chiếc thiết giáp đấu phía ngoài Bộ Tổng Tham Mưu ở căn cứ Không Quân Tân Sơn Nhứt. 18 giờ qua, ông đã chỉ huy lực lượng quân sự đảo chánh chính quyền Ngô Đình Diệm tại Sài Gòn. Trong xe là hai thi thể bầm dập của Diệm và Ngô Đình Nhu, em ông. Thiệu chỉ tham gia đảo chánh sau khi được bảo đảm Diệm và gia đình sẽ không bị hại. Giờ đây, ông cần xác nhận tin kinh hoàng để chứng thực cho chính ông và các bạn cùng đảo chánh với ông là lời hứa đó không được tuân thủ.

Đại tá Thiệu lệnh cho tài xế mở cửa sau xe. Nhiều năm sau, ông hồi tưởng cảnh nhìn thi thể hai người nằm trên các vũng máu đã khiến ông buồn nôn.⁽¹⁾ Ông kính cẩn chào rồi cởi chiếc mũ sắt, vái sâu về hướng họ. Giây phút khủng khiếp này, tuy chỉ là một giọt tí hon trong con sông dài lịch sử hiện đại Việt Nam, đã đánh dấu một biểu tượng chuyển đổi từ nền Đệ Nhất Cộng Hòa của Diệm sang nền Đệ Nhị Cộng Hòa và tổng thống Thiệu bốn năm sau. Trong giây phút khổ lụy đó, lịch sử chính trị Việt Nam đã vĩnh viễn thay đổi.

Trường thiên lịch sử về cuộc đấu tranh của người Việt xây dựng một quốc gia gọi là Việt Nam Cộng Hòa, thường được biết đến dưới tên Miền Nam Việt Nam, có thể được xem là bản kịch 4 hồi: Quốc Gia Việt Nam của Bảo Đại, Đệ Nhất Cộng Hòa của Diệm, 4 năm chuyển tiếp, và cuối cùng là Đệ Nhị Cộng Hòa của Thiệu.

(¹) Nguyễn Tiến Hưng, “*Tâm Tư Tổng Thống Thiệu*.” Westminster: Hua Chan Minh Publishers, 2010, tr. 373. Theo Nguyễn Tiến Hưng, “*Tâm Tư TT Thiệu*” viết theo các tin thu góp từ nhiều tác giả và từ các điều tổng thống đã nói với ông được ghi trong cuốn *Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập*.

Sử gia Brett Reilly đã duyệt lại các cố gắng thường là lóng ngóng của Cựu Hoàng Bảo Đại để dựng một quốc gia *không-cộng-sản*.⁽²⁾ Các sử gia Mark Moyar, Edward Miller, Geoffrey Shaw và Jessica Chapman đã tìm hiểu kỹ thời Diệm cầm quyền.⁽³⁾ Giai đoạn còn lại hầu như chưa được khảo sát là 4 năm chuyển tiếp sau cuộc ám sát Diệm, cuộc bầu cử sau đó của Nguyễn Văn Thiệu và cuộc sống ngắn ngủi của Đệ Nhị Cộng Hòa.

Mục đích của tôi là đánh giá và lượng định kỹ về hai giai đoạn sau để nối tiếp thêm vào các nghiên cứu đã có. Các khuôn mẫu, thay đổi và tính chất nối kết, liên tục, xuất hiện khi ta không bị các câu chuyện lịch sử hạn hẹp gò bó. Cuốn sách này khảo sát nỗ lực khổ ải, nhưng thất bại trong quá trình tạo dựng một quốc gia độc lập.

Sách chú tâm vào cuộc đấu tranh thu phục nông thôn, những tình tiết éo le và mưu mô của quá trình chính trị, của toan tính đoàn kết quốc gia, và sự tiến hóa của quan hệ phức tạp xã hội, sắc tộc, tôn giáo tại MNVN. Kinh tế cũng được khảo sát tương tự vì ảnh hưởng của kinh tế vượt xa các nhận định thường tình. Tương tự, các học giả cũng bỏ qua những nhấn mạnh của Thiệu sau năm 1969 khi ông đề nghị hòa bình và thắng cuộc khi tranh đua với Cộng Sản để tổ chức thành công các cuộc bầu cử.

⁽²⁾ Brett Reilly, *"The Origins of the Vietnamese Civil War and the State of VN. – Nguồn Gốc Nội Chiến VN và Quốc Gia VN."*

Dissertation - Luận án. University of Wisconsin-Madison, Tháng 5-2018

⁽³⁾ Mark Moyar, *"Triumph Forsaken: The VN War, 1954-1965 – Chiến Thắng Bị Bỏ Rơi: Cuộc Chiến VN 1954-1965."* New York: Cambridge University Press, 2006 ♦ Edward Miller, *"Misalliance: Ngo Dinh Diem, the United States and the Fate of S. VN – Đồng Minh Sai Lệch: Ngô Đình Diệm, Hoa Kỳ, và Số Phận MNVN."* Cambridge, MA: Harvard University Press, 2013 ♦ Jessica Chapman, *Cauldron of Resistance: "Ngo Dinh Diem, the United States, and 1950s Southern VN – Vạc Dầu Kháng Chiến: Ngô Đình Diệm, Hoa Kỳ và MNVN thập niên 1950."* Ithaca, NY: Cornell University Press, 2013 ♦ Geoffrey Shaw, *"The Lost Mandate of Heaven: The American Betrayal of Ngo Dinh Diem, President of Vietnam – Mất Thiên Mệnh: Sự Phản Bội Tổng Thống VN Ngô Đình Diệm của Người Mỹ."* San Francisco, CA: Ignatius Press, 2015.

Vì nhu cầu cần thiết, tôi phải chú tâm vào các vụ, việc ở Sài Gòn thay vì ở các tỉnh. Những khía cạnh quân sự và quyết định chính trị ở Hà Nội và Hoa Thịnh Đốn chỉ được đưa vào khi cần nhấn mạnh những điểm nổi bật hoặc trình bày những vụ, việc đó ảnh hưởng sự tiến hóa của MNVN thế nào. Nhiều nước cờ của Hà Nội và Hoa Thịnh Đốn được đưa ra để phản ứng với biến cố ở Sài Gòn, một quan hệ nhân quả, ngạc nhiên thay, thường bị quên lãng. MNVN luôn là trung tâm của cuộc chiến và cuốn sách này giải thích vì sao.

Tuy mục đích là tìm hiểu kinh nghiệm của người Việt MNVN, tôi không đi sâu vào các câu hỏi như chủ nghĩa chống thực dân, sinh thái học, hoặc chỗ đứng của MNVN trong mâu thuẫn Chiến Tranh Lạnh địa-chính trị. Những sử gia khác đã hoặc đang duyệt xét các chủ đề quan trọng này.⁽⁴⁾ Tôi cũng không xét đến câu hỏi liệu chính quyền Mỹ có nên tham chiến ở vùng đất xa xăm đó không. Cuối cùng, vì không có nhãn hiệu nào dành cho hai phe tranh chấp của cuộc chiến được mọi giới chấp nhận và vì người MNVN thường tự gọi họ là *Người Quốc Gia*, tôi sẽ dùng cái tên đó để gọi những người chống cộng, và tôi sẽ dùng từ *Người Cộng Sản* để gọi những người theo Hồ Chí Minh.

Tuy cuộc đối đầu giữa hai nhóm đối kháng này bao gồm nhiều lớp, đây là cuộc đụng độ cơ bản giữa hai cái nhìn đối nghịch về cách hiện đại hóa và xây dựng Việt Nam. Bên trong nội bộ người Quốc Gia cũng có một cuộc tranh luận với chính chủ đề này. Điều này chứng tỏ vấn đề đụng độ giữa hai cái nhìn là phần chính của câu chuyện. Cuộc tranh cãi của người Quốc Gia là giữa những người muốn cai trị

⁽⁴⁾ Martin Clemis, *The Control War: The Struggle for SVN 1968–1975 – Cuộc Chiến Đành Quyền Kiểm Soát: Cuộc Đấu Tranh của MNVN.* Norman, OK: University of Oklahoma Press, 2018 ♦ Andrew Gawthorpe, *To Build as Well as Destroy: American Nation Building in SVN – Xây Dựng và Tàn Phá: Công Cuộc Kiến Quốc của Mỹ ở MNVN.* Ithaca, NY: Cornell University Press, 2018 ♦ Heather Marie Stur, *Saigon at War: South Vietnam and the Global Sixties – Sài Gòn trong Chiến Tranh: MNVN và Toàn Cầu trong Thập Niên 1960.* New York: Cambridge University Press, 2020.

bằng khuôn mẫu cai trị tập trung với những người muốn có khuôn mẫu dân chủ cho phép địa phương nắm quyền nhiều hơn. Vấn đề của những người Quốc Gia là làm cách nào để vứt bỏ cách cai trị cổ hủ cùng các cơ quan thất bại và thay thế bằng các ý kiến mới cùng các cơ quan hiện đại để khai triển một cá thể cộng hòa bao gồm mọi khác biệt sắc tộc, tôn giáo của toàn thể quốc gia.⁽⁵⁾ Cuộc chiến giữa Cộng Sản với Quốc Gia và cuộc chiến giữa những Người Quốc Gia là về cách làm thế nào để đạt viễn kiến chính trị đó.

Trong cuộc chiến và, nhiều năm sau đó, MNVN bị phán xét là *chế độ đạo tặc – kleptocracy* điển hình. Câu chuyện thật giản dị: Hà Nội là con tàu thiêng liêng của người yêu nước và Sài Gòn phải sụp đổ như số phận đã định trước. Nếu nhìn vào sự ngã gục nổi bật của MNVN tháng 4-1975, những xét đoán đó dường như đã được chứng minh, không cần phải xét lại. Tuy thế, người Việt MNVN vẫn có câu chuyện riêng của họ, một chuyện đa số các quốc gia bên ngoài bỏ qua. Như một người bạn Việt Nam nói với tôi, “*Chúng tôi có nhiều giấc mơ : Giấc mơ tự do, giấc mơ độc lập và giấc mơ đưa người dân ra khỏi cảnh nghèo đói. Cộng sản chỉ có một giấc mơ: thắng cuộc bằng mọi giá.*”

Sự tranh luận chính được trình bày ở đây là MNVN không phải sản phẩm nhân tạo do người Mỹ tạo dựng, mà Đệ Nhị Cộng Hòa cũng không phải chế độ độc tài như Đệ Nhất Cộng Hòa của Diệm. Như chúng ta sẽ thấy, Thiệu và chính quyền ông đã có nhiều nỗ lực quan trọng để xây dựng một quốc gia dân chủ hiện đại xoa dịu bớt nghèo đói của người dân. Đây là một quá trình chưa bao giờ được ghi nhận. Để hoàn thành công việc khổng lồ này, ngoài những khó khăn luôn đi đôi với việc xây dựng quốc gia như thiếu tinh thần đoàn kết, đưng độ quân sự - dân sự, các cơ quan chính

(5) Hai danh từ “*Nhà Nước – State*” và “*Quốc Gia – Nation*” thường được dùng như hai danh từ đồng nghĩa, nhưng có sự khác biệt. *Nhà Nước* là một lãnh thổ có biên giới, chủ quyền và dân chúng. *Quốc Gia* là một nhóm người sống chung có chung lịch sử, ngôn ngữ, văn hóa và tập tục.

trị sơ khai và rất nhiều vấn đề khác, họ còn phải vượt qua di sản cai trị bạc nhược kiểu thực dân của Pháp để lại. Chẳng những thế, họ còn phải vượt qua các khiếm khuyết này giữa khi phải đối phó với một kẻ thù kiên quyết cận kề. Trong các quốc gia đang phát triển, việc chống đối sự chính đáng của chính phủ thường là thông lệ, chứ không phải ngoại lệ. Vì lẽ đó, người Quốc Gia phải trực diện với vấn đề hiện sinh: Một nền dân chủ đang phát triển và một xã hội mở làm thế nào để đánh bại một kẻ thù đảng trị, khéo léo trong vấn đề xâm nhập, tâm lý, gài gián điệp và vận động chính trị? Quan trọng không kém, MNVN có thể sống và tự đối phó nổi với đe dọa Cộng Sản không?

Câu trả lời cần có hiểu biết sâu hơn về toan tính xây dựng một quốc gia có thể tồn tại của người Quốc Gia. Như sử gia quân đội Michael Howard tranh luận, “*tách rời việc điều hành cuộc chiến ra khỏi những yếu tố trong môi trường cuộc chiến như các yếu tố xã hội, văn hóa, chính trị, kinh tế là bỏ qua những khía cạnh chính ắt có của việc tìm hiểu.*”⁽⁶⁾

Cuốn sách này khảo sát các khía cạnh đó.

Sự kiện MNVN bị đánh bại không có nghĩa là họ thất bại vì không đạt sự hợp pháp chính trị. Tôi cho rằng họ đã đạt sự hợp pháp chính trị, nhưng chẳng khác gì các quốc gia mới khác, nhất là các quốc gia phải chịu đựng nhiều năm chiến tranh khốc liệt, MNVN cũng chịu đựng những nỗi khổ ngày càng tăng. Vào lúc tối hậu, MNVN không thể vừa xây dựng, vừa chiến đấu.

Phải nhớ dân chủ luôn là công việc đang tiếp diễn, nhất là đối với một quốc gia đang cố tìm cách để có chỗ đứng trong cuộc chiến cam go. Trong giai đoạn khủng hoảng Hoa Kỳ cũng đã có các đạo luật bắt nhất trong đó các điều khoản được tuyên bố không hẳn đi đôi với thực tế. Đạo luật *Ngoại Kiều và Phán Loạn năm 1798 – Alien and Sedition Act of*

(6) Michael Howard, “*War in European History – Chiến Tranh trong Lịch Sử Âu Châu.*” Oxford: Oxford University Press, 2009, tr. xi.

1798 cho phép trục xuất, phạt vạ, hoặc bắt giam bất cứ kẻ nào bị cho là sự đe dọa hoặc xuất bản “*những bài viết không đúng sự thật, gây xôn xao dư luận hoặc có ác ý*” với Hoa Kỳ. Trong giai đoạn nội chiến, tổng thống Abraham Lincoln đình chỉ hầu hết *Đạo Luật Tự Do Cá Nhân – Bill of Rights*, kể cả tự do ngôn luận và quyền xin tòa án duyệt lại nếu *bị bắt giữ phi pháp – habeas corpus*. Hơn nữa, sau cuộc khủng bố 9/11, kể cả các quốc gia dân chủ lâu đời cũng thông qua các đạo luật khiến những nhân vật dân quyền cấp tiến lo âu.

Vì trong giai đoạn khó khăn, ngay những quốc gia với nền dân chủ trưởng thành vẫn phải giới hạn bớt nhân quyền, MNVN không phải ngoại lệ. Thời thực dân, khi Pháp từ chối đưa các cơ quan dân chủ vào Đông Dương, những quan niệm như “*tự do ngôn luận*” và “*đổi lập trong chiều hướng xây dựng*” chỉ có một vị trí nhỏ ở MNVN, một nơi có những kinh nghiệm lịch sử rất khác với kinh nghiệm của chúng ta. Cũng như những quốc gia mới thoát ách thực dân, người Việt Cộng Hòa trước tiên phải soạn thảo một hiến pháp để trình bày ý định chính trị. Hiến pháp định nghĩa guồng máy quốc gia — cơ quan lập pháp, tòa án, và hệ thống an ninh quốc gia. Những người Việt Cộng Hòa phải soạn thảo hiến pháp trong lúc quốc gia đang có các cuộc tranh đua khốc liệt về quyền lợi xã hội và tôn giáo giữa nhiều nhóm.

Bối cảnh này dẫn chúng ta đến một nhân vật bí ẩn sẽ ngự trị trong các trang sách, cựu tổng thống MNVN Nguyễn Văn Thiệu. Vì sự nghiệp của ông trải dài đúng theo cuộc sống của đất nước ông, ông chính là phương tiện hoàn hảo để khảo sát sự thăng trầm của MNVN. Cuốn sách này không phải tiểu sử của Thiệu mà là sự nhìn nhận ông đóng một vai trò trung tâm trong nền Đệ Nhị Cộng Hòa. Tuy thế, có lẽ Thiệu lại là một đồng minh chính của Mỹ trong thế kỷ 20 ít được phân tích nhất. Qua đa số sách vở, ông chỉ xuất hiện như một nhân vật nhỏ trong khung cảnh cuộc chiến rộng lớn do người Mỹ điều động, hoặc chỉ xuất hiện như một nhân vật quân phiệt độc tài đàn áp người dân MNVN, và có các chính

sách tệ hại dẫn đến sự bại trận của MNVN. Hơn thế, các phân tích giới hạn về thời gian cầm quyền của ông chỉ xoay quanh vài biến cố như các cuộc đàm phán dẫn đến hiệp định Ba Lê. Đối với người ngồi giữa trung tâm vùng nước xoay Việt Nam ngay từ lúc đầu khi Mỹ đóng vai trò chiến đấu cho đến khi quốc gia ông gục ngã, sự thiếu quan tâm đối với vai trò tổng thống của ông đã để lại một lỗ hổng lớn trong sự học về cuộc chiến. Như chúng ta sẽ thấy, Thiệu là nhân vật quan trọng trong quá trình chuyển đổi MNVN từ một chế độ quân sự thành một chế độ hiến pháp cộng hòa.

Nhưng Thiệu đã phản ứng thế nào với các nhóm bên trong MNVN? Ông đã đối phó thế nào với những thách thức của họ? Ông khác với tổng thống Diệm ra sao? Cách cai trị của ông thế nào? Ông giải quyết các chính sách đối ngoại thế nào? Vấn đề nội trị nào ông xem là quan trọng nhất? Ông có thể tạo ra, rồi thực thi một chiến lược quân sự và chính trị để đánh bại một kẻ thù kiên quyết không?

Đến nay, đa số câu hỏi đều không có trả lời.

Tại sao các sử gia không khảo sát phản ứng của Thiệu đối với các biến cố trong và ngoài nước? Câu trả lời nằm ở các phán xét được đưa ra trong thời chiến. Hơn một thập niên, Việt Nam thường là trung tâm của mâu thuẫn Chiến Tranh Lạnh toàn cầu. Các bình luận gia Tây Phương thường bình luận về Thiệu với màu sắc ý thức hệ phản ánh quan điểm chính trị của họ, và những bình luận hùng biện nẩy lửa của họ về ông phản ánh những tin tưởng tuyệt đối của giai đoạn chiến tranh thời đó. Những bậc sư phản chiến mô tả ông như một nhân vật tham nhũng và đàn áp. Đồng thời, Cộng sản Việt Nam chửi bới ông là kẻ phản bội và bù nhìn của Mỹ. Danh tiếng của ông trên quốc tế cũng ảm đạm chẳng kém.

Tuy thế, dư luận công chúng Việt Nam có quan điểm hơi khác. Như các tổng thống khác, mức ủng hộ, tán thành Thiệu tăng giảm tùy theo chủ đề: an ninh, thịnh vượng kinh tế hay các tai tiếng chính trị mới nhất. Các phán xét thường

tụ quanh các làn ranh chia rẽ truyền thống: dân thành thị và nông dân, tôn giáo, thành kiến vùng, miền. Ông có một khối hậu thuẫn căn bản, một số tụ thủ bàng quan và một số người khinh miệt. Tỷ số ủng hộ của các nhóm này thay đổi theo thời gian, tùy thuộc vào may rủi chiến tranh hoặc giá gạo.

Ngay với sự sụp đổ của Sài Gòn, vẫn cần có duyệt xét lịch sử đối với tổng thống Thiệu. Ông không độc tài tham nhũng, ác ôn như người phản chiến tô, vẽ, mà cũng không phải “bù nhìn” Mỹ. Tuy có quan niệm chính trị, quân sự điển hình còn di lại tương tự các nhà lãnh đạo chống Cộng ở quốc gia khác như Đài Loan, Nam Hàn, và xem vấn đề lãnh đạo cả quyết là cách tối ưu để chống lại chủ nghĩa cộng sản, Thiệu cũng cương quyết tạo dựng một xã hội dân chủ, đặt căn bản trên sự sở hữu. Hai thái độ mâu thuẫn này trì kéo mãnh liệt trong ông, chưa bao giờ hòa giải. Khi trở thành ứng cử viên duy nhất trong cuộc độc cử Tổng Thống 1971, các giá trị dân chủ trong ông dường như bị cắt đứt.

Cơ bản là Thiệu tìm cách để đạt được hai mục đích bao trùm. Thứ nhất, ông quyết thắng kẻ thù. Thiệu quan niệm bất cứ sự ổn định nào với Cộng Sản cũng là con đường trơn trượt dẫn đến thua cuộc. Quan niệm này được rút từ kinh nghiệm của chính bản thân ông chứ không vì trung thành với bất cứ ý thức hệ thiếu thực tế nào. Thứ hai, ông muốn xây dựng một quốc gia hiện đại, giảm bớt nghèo khổ của đồng bào rồi từ đó đưa đất nước về một hướng gần giống dân chủ. Tạo ra một quốc gia hoạt động để nâng cao tiêu chuẩn đời sống vật chất, đồng thời cấy mầm dân chủ vào huyết mạch đất nước – chứ không chỉ là những vỏ dân chủ ngoài mặt – là mục đích tối quan trọng của ông.

Để đạt điều đó, chính sách của ông phải vừa tiến hóa, vừa cách mạng. Ông duy trì các chính sách lâu đời của chính phủ VN trong một số lãnh vực như đàm phán hòa bình. Ngược lại, ở một số lãnh vực khác, ông rẽ về hướng hoàn toàn khác hẳn chính sách của người cầm quyền trước, đặc biệt là về cải cách điền địa và xây dựng kinh tế. Hơn thế nữa,

ông cố xây dựng MNVN theo khuôn mẫu Mỹ, tăng quyền tự trị địa phương và sửa đổi guồng máy hành chính nặng nề. Quan trọng không kém, ông làm việc cật lực để cải thiện an ninh xã, áp dụng cách vũ trang người dân để họ có thể canh gác thôn xóm. Đây là sự liều lĩnh lớn ở một quốc gia chưa hẳn được nông dân hoàn toàn hậu thuẫn. Tóm lại, Thiệu muốn tạo ra sự thịnh vượng ở nông thôn bằng cách tạo môi trường tự bản cho người dân có thể tự giúp mình.

Điều này không ngụ ý Thiệu là nhà cải cách cấp tiến. Một số cách cai trị của ông rút ra từ các chế độ độc tài chống Cộng khác ở Á Châu. Ông có nhiều điểm chung với Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan, Phác Chánh Hy ở Nam Hàn. Như họ, ông theo đuổi mục đích trong nước đồng thời áp chế các chống đối chính trị, xem chống đối là tiếp tay Cộng Sản. Tuy nhân nhượng với các tiếng nói không-cộng-sản và nhận biết trao đổi ôn ào là thực chất ắt có của một xã hội dân chủ, ông xem bất đồng ý kiến công khai là căn bệnh ung thư làm suy yếu sức mạnh chống Cộng của cuộc đấu tranh chống lại kẻ thù kiên quyết. Với ông, đoàn kết quốc gia biểu hiện sức mạnh quốc gia, yếu tố chính để Hà Nội thấy họ không thể thắng. Khi Hà Nội chấp nhận điều đó, đàm phán thực sự mới có thể bắt đầu. Ngược lại, bất đồng ý kiến công khai thể hiện sự yếu đuối, khuyến khích Hà Nội tiếp tục chiến đấu.

Như các chính khách khác, Thiệu có nhược điểm cá nhân và cách quản trị kỳ quái khiến các chính sách của ông bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, nhiều hành động của Thiệu bị Tây Phương chỉ trích nặng nề lại có ý nghĩa khác hẳn trong quan điểm và cách nhìn của người Việt. Với Thiệu, phản ứng của khán thính giả trong nước có tác dụng vượt xa phản ứng của người chỉ trích ông trên quốc tế. Hơn nữa, ông thi hành trách nhiệm với sự tinh táo nghiêm nghị. Cách thi hành đó khiến những người tìm thỏa hiệp chính trị với kẻ thù, kiên quyết không kém ông, phẫn nộ. Dù vậy, bất kể khuyết điểm lãnh đạo của ông, nhiều viên chức Mỹ tin không có chính khách Việt Nam nào khác có đủ sự kết hợp về chững chạc, cứng

rắn, khôn ngoan như ông. Theo họ, ông là nhân vật lãnh đạo xuất sắc nhất của MNVN.

Bất kỳ nhân vật nào đạt tột đỉnh chính trị của xã hội họ đều là sự kết hợp hấp dẫn của tham vọng, thông minh và động lực thúc đẩy không ngừng.⁽⁷⁾ Phân tích chính sách của một nhân vật lãnh đạo song song với khảo sát nhân cách đòi hỏi phải tham khảo tài liệu bên trong chính phủ, và nghe những câu chuyện kể lại chi tiết suy nghĩ và động lực của nhân vật lãnh đạo đó qua những người ông hay tâm sự. Trong trường hợp của Thiệu, hồ sơ chính thức của các cố vấn Mỹ những năm đầu đã bị hủy, để lại một khoảng trống về các trao đổi sớm nhất của ông với người Mỹ.⁽⁸⁾ Hồ sơ Pháp về ông cũng cực kỳ giới hạn.⁽⁹⁾ Hồ sơ của chính phủ VN lúc này đang do chế độ Cộng Sản giữ và các nguồn tài liệu, tuy lúc này dễ tham khảo vẫn khe khắt hơn các văn khố của Mỹ. Các học giả đã khảo sát văn khố viết chỉ có rất ít tài liệu ghi lại suy nghĩ của Thiệu về các chính sách và chương trình khác biệt. ⁽¹⁰⁾ Bất kể khiếm khuyết này, ta vẫn có thể phân tích chương trình nghị sự của ông thời gian ông là tổng thống. Các đại sứ Mỹ đã báo cáo tỉ mỉ về bình luận của ông. Tuy thế, vẫn có nhiều viên chức tòa đại sứ Mỹ thấy ông là người cực kỳ thận trọng và khó thể đo lường. Các viên chức này thường suy nghĩ dựa trên tin tức thu lượm được từ các nhân vật đại diện chính trị của MNVN hoặc từ những người khác trong giới thượng lưu. Đa số báo cáo này, tuy thường đem lại nhiều trực giác, vẫn cần phải dùng một cách thận trọng. Thiệu là người kín đáo phi thường, ít khi cho ý kiến.

⁽⁷⁾ Lạ thay, khuyết điểm cá nhân có vẻ không tác động tới quan niệm của người Việt với Thiệu. Ông có nhiều con rơi, kể cả vụ ngoại tình nhiều người biết với cô chủ tiệm Cynos ở Vũng Tàu. Tôi không bàn vụ ngoại tình và xem từ vi của ông, khi các vụ này sẽ hủy một tổng thống Mỹ, đa số người MNVN chỉ nhún vai.

⁽⁸⁾ *Email của Richard Boyland*, nhân viên văn khố thâm niên

⁽⁹⁾ *Thư của Antoine Boulant*, trưởng phòng quan hệ ngoại giao, Service Historique de la Defense, ngày 25-8-2014.

⁽¹⁰⁾ Một học giả khảo sát hồ sơ của chính quyền VNCH trước đây chỉ thấy vài tài liệu đại cương về suy tư trực tiếp của Thiệu. *Email của Ts Sean Fear, 5-3-2019.*

Ông giữ guồng máy quyết định nội bộ cực nhỏ, và những người Việt không trong giới thượng tầng của chính phủ chỉ có thể đưa ra suy đoán về lý do đối với các quyết định của ông. Hoặc tệ hơn, họ cộng thêm động lực của chủ thuyết mưu mô vào các hành động của ông trong khi chẳng biết gì về việc chính sách đưa ra đã được soạn thảo ra sao.

Như thế, một sự kết hợp các diễn văn của Thiệu, các tài liệu của chính phủ Việt Nam, của Mỹ và các cuộc phỏng vấn với một số người thân ông hay tâm sự sẽ đem lại hiểu biết về tính cách mạnh mẽ của các chính sách đối ngoại và đối nội của ông. Hồi ký của người MNVN cũng đưa ra trực giác, nhưng loại tài liệu này cũng có khiếm khuyết tương tự tài liệu ghi lại của Mỹ. Dùng các tài liệu này chẳng khác gì khiêu vũ trên một bãi mìn. Đây là nguồn tin tuyệt vời nhưng không thể dụng một cách khinh suất. Ngoài vấn đề mong manh của ký ức, nhiều tác giả còn có thành kiến nặng và chẳng ngại ngần khi bày tỏ thành kiến đó.

May thay, tôi đã phỏng vấn được nhiều bộ trưởng trong nội các MNVN và nhân viên cao cấp có trách nhiệm soạn thảo, thực hiện chính sách của chính phủ. Các cuộc bàn luận dẫn đến việc khám phá nhiều tin tức lịch sử choáng người, kể cả việc cuộc đảo chánh Diệm xem bị chặn đứng, những chi tiết chưa được tiết lộ về cuộc đảo chánh chống đảo chánh tháng 1-1964, bản thỏa thuận có tính bán linh hồn khi Thiệu được chọn làm Tổng Thống thay vì Nguyễn Cao Kỳ, bối cảnh thực phía sau vụ Anna Chennault trong cuộc bầu cử Hoa Kỳ 1968, và chi tiết bùng vỡ về bí mật vĩ đại cuối cùng của cuộc chiến VN trong những ngày cuối.

Tuy tôi tin có một sự khác biệt lớn giữa viễn kiến của tổng thống Diệm và viễn kiến của tổng thống Thiệu, vấn đề quan trọng là phải nhìn nhận Thiệu hoạt động trong một tình cảnh chính trị khác xa thời của Diệm. Thời gian 4 năm sau đảo chánh, MNVN trải qua hàng loạt biến động lớn về chính trị, quân sự, xã hội, kinh tế được đánh dấu bằng mức độ khốc liệt gia tăng của cuộc chiến, và sự leo thang can thiệp của

Mỹ. Bất kể những chao đảo này, phần lớn nhờ sự lèo lái của Kỳ và Thiệu, MNVN đã tạo được một Hiến Pháp và xây dựng nền Đệ Nhị Cộng Hòa. Rồi các biến cố lớn như cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968, thực hiện cải cách điền địa và võ trang người dân địa phương để cải thiện an ninh đã kéo nhiều nông dân trung lập hoặc chống đối về phe ông. Tuy thế, cuộc tấn công Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972 của Hà Nội, đã hủy hoại nhiều thành quả phát triển của Thiệu. Hiệp định Ba Lê và Mỹ rút quân sau đó để lại một MNVN thương tật, dễ trở thành con mồi cho Bắc Việt tấn công năm 1975.

May thay, những tìm hiểu về cuộc chiến lúc này, cũng như văn hóa liên tục chuyển đổi của chúng ta, lại tiến hóa để rộng vòng tay tiếp đón những quan điểm mới về MNVN.⁽¹¹⁾ Hy vọng những cái hố ý thức hệ chia rẽ chúng ta lúc đó sẽ không gò bó, o ép những độc giả lúc này. Như vẫn thường xảy ra trong cuộc sống, những hoàn cảnh khác thường thường buộc những con người khiếm khuyết phải có những quyết định không lồ dựa trên những tin tức sai lầm. Trường hợp Thiệu cũng thế. Khi đọc quyển sách này, xin độc giả hãy cố xem ông, như những nguyên thủ chính phủ có trách nhiệm khác, như một *chính khách* cố làm mọi thứ tốt nhất cho quốc gia ông hơn là một *nhà độc tài* chỉ chú ý đến việc duy trì thực quyền. Với những ý nghĩ đó, xin trích dẫn Điệp Khúc trong vở kịch *Henry V*, của Shakespeare làm lời cuối: giờ đây là lúc “*những ý nghĩ của các bạn trở thành những nét điểm tô cho các vị vua của chúng tôi*” và cho Nguyễn Văn Thiệu cũng như Miền Nam Việt Nam.⁽¹²⁾

• GEORGE J. VEITH

⁽¹¹⁾ Tuong Vu and Sean Fear, eds. “*The Republic of Vietnam, 1955–1975: Perspectives on Nation Building – VNCH, 1955-1975: Những Quan Điểm về Vấn Đề Kiến Quốc.*” Ithaca, NY: Cornell University Press, 2019. Keith Taylor, ed. “*Voices from the Second Republic of Vietnam – Những Tiếng Nói của Đệ Nhị VNCH 1967-1975.*” Ithaca, NY: Cornell University Press, 2014.

⁽¹²⁾ W. Shakespeare, “*Henry V.*” Prologue, Arden Shakespeare, Third Series.

01- “ NHỮNG NGÀY ĐẸP NHẤT ĐỜI TÔI.”

• Sự Vươn Lên Của Việt Nam Cộng Hòa

Nguồn gốc một quốc gia *không-cộng-sản* ở miền Nam, về sau trở thành Việt Nam Cộng Hòa, bắt đầu với sự sụp đổ của Nhật cuối Đệ Nhị Thế Chiến, với Pháp trở lại Việt Nam để thu hồi thuộc địa và cuộc chiến Pháp – Việt tiếp nối sau đó. Vào tháng 9-1945, khi Hồ Chí Minh tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, không ai có thể tưởng tượng sẽ có hai nước Việt Nam khác biệt dần dần xuất hiện. Nhưng để hiểu rõ sự ra đời khốn khó của một quốc gia Cộng Hòa *không-cộng-sản*, cần duyệt lại một thoáng lịch sử.

Phần đầu cuốn sách sẽ mau chóng đưa chúng ta qua nhiều biến cố dẫn đến sự xuất hiện của Việt Nam Cộng Hòa, duyệt lại sự nghiệp ban đầu của Nguyễn Văn Thiệu và cuối cùng mô tả đại cương đường nét chính từ các phe nhóm khó điều khiển của quốc gia mới này.

Trước hết cần nhìn lại bối cảnh lịch sử quá khứ để soi sáng thêm cho kiến thức. Câu chuyện khúc mắc của Miền Nam Việt Nam không nằm ngoài lệ đó.

• Vào Lúc Đầu

Người Việt tự hào có một lịch sử phong phú và lâu đời, một lịch sử nổi bật với các cuộc nội chiến lẫn các cuộc chiến chống ngoại xâm bao gồm các cuộc chiến chống Trung Hoa cùng các cuộc chiến chống Cam Bốt.

Sau nhiều năm nội chiến, năm 1802 vua Gia Long lên ngôi hoàng đế của nước Việt Nam thống nhất.

Nhưng việc thống nhất không kéo dài.

Năm 1858, để tìm thuộc địa, Pháp tấn công Việt Nam, chiếm Đà Nẵng, một tỉnh ở miền Trung. Hai thập niên sau, Pháp chiếm toàn thể Việt Nam và chia Việt Nam thành ba miền: hai miền Trung Kỳ – Annam, Bắc Kỳ – Tonkin là vùng Bảo Hộ, còn Nam Kỳ – Cochinchina là thuộc địa.

Pháp cho phép triều Nguyễn từ kinh đô Huế tiếp tục cai trị vùng Bảo Hộ, nhưng dưới luật lệ của Pháp. Năm 1888, Pháp gộp chung Việt Nam, Lào, Cam Bốt thành khối Liên Hiệp Đông Dương gọi là Đông Dương của Pháp – French Indochina.⁽¹³⁾

Ngay thời điểm này, người Việt đã thách thức người Pháp. Hai chí sĩ Việt Nam, Phan Đình Phùng và Phan Bội Châu nổi tiếp đối kháng chế độ thực dân cai trị. Phan Đình Phùng thúc đẩy phong trào chống đối khắp nước cho đến khi ông qua đời năm 1897. Phan Bội Châu tiếp nối mở rộng phong trào quanh vùng Á Châu cho đến khi ông bị Pháp bắt đưa về Huế năm 1925. Nhưng người nổi tiếng nhất là Hồ Chí Minh. Sau Đệ Nhất Thế Chiến, Hồ sang Pháp, Nga, Trung Hoa và nhiều quốc gia khác, kêu gọi độc lập. Yêu cầu Pháp giúp xây dựng một nước cộng hòa thuộc địa, nhưng khi thấy họ không giữ các lời hứa cải cách, xây dựng một nước cộng hòa, ông bắt đầu tinh ngộ. Lời hứa sẽ ủng hộ giải phóng các nước thuộc địa thoát ách thực dân áp bức của Lê-Nin đã thu hút ông và Hồ quay sang chủ nghĩa Mác-Xít. Ông trở thành người Cộng Sản hăng say, bắt đầu thành lập một nhóm cộng sản. Tuy nhiên, nhóm phải nằm trong bóng tối vì lực lượng an ninh của Pháp. Nhưng ý tưởng không có biên cương và ý niệm về sự độc lập của Việt Nam tiếp tục phát triển.

Đệ Nhị Thế Chiến bùng nổ, Nhật chiếm Đông Dương nhưng lúc đó chính phủ Vichy Pháp đang hợp tác với Đức nên Nhật vẫn để Pháp tiếp tục cai trị. Ngày 3-9-1945, khi sắp

⁽¹³⁾ Christopher Goscha, *Vietnam: A New History - VN: Một Lịch Sử Mới*. New York: Basic Books, 2016, tr. 55–122.

bại trận và sợ Đồng Minh chiếm Việt Nam, Nhật đảo chánh Pháp. Việc Nhật đảo chánh, theo một học giả, “*đã giáng một quả bom vào thẩm quyền thực dân của Pháp, khiến Pháp chẳng bao giờ có thể hoàn toàn hồi phục.*”⁽¹⁴⁾

Hai ngày sau khi Nhật nắm quyền, hoàng đế Bảo Đại tuyên bố nước Việt Nam độc lập, nhưng là một phần của đế quốc Nhật. Ông mời Trần Trọng Kim, một học giả được trọng vọng, làm thủ tướng đứng ra lập chính phủ.

Ngày 15-8-1945, hai ngày sau khi Nhật đầu hàng Đồng Minh, Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội hay Mặt Trận Việt Minh, cái tên nhiều người đã được nghe, tuyên bố mở cuộc tổng khởi nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, bên ngoài Việt Minh là một mặt trận đoàn kết các phong trào chống thực dân Pháp quay lại Việt Nam. Ngày 19-8, Việt Minh chiếm Hà Nội, thủ đô của Bắc Việt. Bảo Đại thoái vị hoàng đế để ủng hộ Hồ Chí Minh và chính phủ Trần Trọng Kim từ chức ngày 25-8.

Ngày 2-9-1945, khi Nhật hoàn toàn đầu hàng đồng minh, Hồ tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, quốc gia Việt Nam độc lập đầu tiên kể từ thế kỷ 19.

Cuối tháng 7, Mỹ, Anh, Nga mở cuộc họp thượng đỉnh bàn về các vấn đề hậu Đệ Nhị Thế Chiến liên quan đến Đức và tương lai Á Châu. Dự đoán Nhật sắp đầu hàng ở Việt Nam, phe đồng minh chỉ định Anh có trách nhiệm chiếm đóng vùng đất từ vĩ tuyến 16 trở xuống phía nam và quân đội quốc gia Trung Hoa của Tưởng Giới Thạch chiếm đóng vùng đất từ vĩ tuyến 16 trở lên phía bắc. Vì không phải thành viên của khối Đồng Minh ở Á Châu, Pháp bị loại. Nhưng Pháp lại có kế hoạch khác. Để thu hồi thuộc địa, nhà lãnh đạo Pháp Charles de Gaulle đưa quân đội qua Đông Dương.

Ngày 23-9, Anh cho phép quân đội Pháp đổ bộ vào Sài

(14) Fredrik Logevall, *Embers of War: The Fall of an Empire, and the Making of America's Vietnam – Than Hồng Chiến Cuộc: Sự Sụp Đổ Một Đế Quốc và Hình Thành Một Việt Nam Của Mỹ*. New York: Random House, 2012, tr.71.

Gòn. Trận chiến giữa người Việt và Pháp bùng nổ. Sài Gòn nhanh chóng rơi vào tay Pháp. Nhưng ở Bắc Việt, sợ sẽ có xung đột xảy ra như ở miền Nam, quân đội quốc gia Trung Hoa từ chối, không cho phép Pháp thu hồi thuộc địa. Điều này khiến chính phủ của Hồ có một năm củng cố ở Bắc Việt. Thời gian một năm đó là khoảng thời gian tối quan trọng, cho phép chính quyền Bắc Việt tổ chức, chuẩn bị cho cuộc chiến. Việt Minh ngày càng mạnh ở Bắc Việt nhưng vẫn yếu ở miền nam. Ngày 6-3-1946, Pháp và Hồ ký hiệp định cho phép Pháp thay thế quân đội Trung Hoa, đóng quân 5 năm ở Bắc Việt. Để đổi lại, Pháp nhìn nhận Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là một quốc gia tự do nằm trong Liên Hiệp Pháp. Tháng 7, để bàn luận vấn đề độc lập và vai trò của Việt Nam trong Liên Hiệp Pháp, Pháp và VNDCCH mở cuộc đàm phán ở Fontainebleau, nhưng cuộc đàm phán chẳng có gì sáng sủa. Vì Miền Nam Việt Nam đang nằm dưới sự kiểm soát của Pháp nên tháng 6-1946, Pháp thành lập Nam Kỳ Quốc, khởi đầu của Miền Nam. Chính quyền Nam Kỳ Quốc với thủ đô là Sài Gòn đặt dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Văn Thinh, một bác sĩ nổi tiếng. Thinh đồng ý hợp tác với Pháp để đổi lại sự tự trị của Miền Nam Việt Nam trong khối liên hiệp Pháp. Tuy đa số người Việt khác ủng hộ một quốc gia thống nhất, Thinh cho rằng nên có một nước cộng hòa tách biệt với VNDCCH, một chính quyền Cộng Sản ở Hà Nội. Nhưng thay vì công nhận một quốc gia tự trị, Ba Lê lại chỉ muốn lập một quốc gia chư hầu, phục tòng Pháp. Sợ Pháp lợi dụng ông, ngày 10-10-1946, Thinh tự vẫn. Ông được Lê Văn Hoạch, một người tiếp tục làm việc với Pháp, thay thế.

Tuy đảng cộng sản của Hồ và những đảng chính trị không-cộng-sản khác như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt, có liên hệ đồng minh, chẳng bao lâu sau cộng sản lại cố gắng chế ngự khối liên minh đó. Họ bắt đầu lấy mục tiêu trừ diệt là các đảng *không-cộng sản*, các đảng có thành viên tự nhận là đảng viên Quốc Gia. Cả VNQDD lẫn Đại Việt đều bắt nguồn từ miền bắc. VNQDD đã mở một cuộc nổi dậy

trong thập niên 1930 và bị Pháp đè bẹp. Khi các đảng viên quốc gia trở thành mục tiêu săn đuổi của Cộng Sản, Liên Minh Quốc Cộng bắt đầu rạn nứt.

Việc Pháp nhất quyết không bỏ quyền thực dân ở Đông Dương đã khiến các cuộc thương lượng ở Fontainebleau thất bại. Tháng 12-1946, chiến tranh giữa Pháp và VNDCCH bùng nổ. Để kêu gọi các đảng viên Quốc Gia từ bỏ Việt Minh, Pháp dự định trao một số thẩm quyền giới hạn cho những người chống cộng. Xoay sở để tìm người lãnh đạo được đa số ủng hộ, Pháp tìm đến cựu hoàng Bảo Đại, người vừa cắt đứt quan hệ với Hồ Chí Minh. Tháng 9-1947, Bảo Đại mở cuộc thương lượng với Pháp để lập một chính quyền Việt Nam chống Cộng. Bảo Đại hy vọng buộc Pháp phải trao quyền độc lập, nhưng chỉ thắng một phần.

Ngày 5-6-1948, Pháp và cựu hoàng ký hiệp ước Vịnh Hạ Long cho phép Việt Nam, một quốc gia bao gồm ba miền Bắc Kỳ – Tonkin, Trung Kỳ – Annam, Nam Kỳ – Cochinchina, chính thức nằm trong khối Liên Hiệp Pháp. Quốc gia Việt Nam mới này sẽ nằm dưới quyền cai trị của Bảo Đại. Một chính phủ lâm thời trung ương hình thành để tách riêng với VNDCCH của Hồ Chí Minh và Nam Kỳ Quốc được gôm thâu vào chính phủ đó.

Sau các cuộc thương lượng kế tiếp, ngày 8-3-1949, Bảo Đại và tổng thống Pháp Vincent Auriol kết thúc hiệp định Elysée, chuyển Việt Nam thành một nước độc lập trong “*khối liên hiệp các quốc gia Đông Dương*” chung với Lào và Cam Bốt. Tuy thế, cả ba quốc gia đều vẫn là một phần của khối Liên Hiệp Pháp.

Ngày 2-7-1949, Bảo Đại chính thức tuyên bố thành lập Quốc Gia Việt Nam trong khối Liên Hiệp Pháp. Dù chưa hoàn toàn độc lập, hiệp định này cho phép Việt Nam có quyền kiểm soát tài chánh, thành lập quân đội và có quyền ngoại giao riêng. Hồ và các người thân lập tức lên tiếng kết án cựu hoàng và nội các của ông là “*những kẻ phản quốc.*”

Cùng ngày, chính phủ lâm thời vừa được lập ra cũng lập

Bộ Quốc Phòng. Tháng 8, chính phủ lâm thời khởi lập Quân Đội Quốc Gia Việt Nam. Đối với nhiều đảng viên Quốc Gia, chiến đấu chống lại mối đe dọa từ Cộng Sản còn quan trọng hơn chiến đấu chống Pháp. Chính quyền non nớt của Bảo Đại và Pháp hành động nhanh chóng để lập một quân đội bản xứ. Họ lập các tiểu đoàn bộ binh. Để chỉ huy các đơn vị này, Bảo Đại cần có các sĩ quan người Việt. Vì vậy, Pháp lập trường huấn luyện Sĩ Quan Việt Nam ở Huế. Trường huấn luyện này là tiền thân của trường Võ Bị Quốc Gia Miền Nam Việt Nam. Ngày 1-12-1948 khóa đầu tiên khai giảng được gọi là khóa Phan Bội Châu. Một trong số học viên tốt nghiệp khóa đầu tiên ở Huế là Nguyễn Văn Thiệu, tổng thống tương lai của nền Đệ Nhị Cộng Hòa.

Trong khi đó, các biến cố bên ngoài có tầm ảnh hưởng khổng lồ đối với những gì xảy ra ở nội bộ Việt Nam. Chiến thắng của Cộng Sản Trung Hoa năm 1949 buộc người Mỹ phải thay đổi cấp tốc và mãnh liệt cách họ ứng xử với đế quốc Pháp. Năm 1950, khi vũ khí của Trung Cộng bắt đầu được chuyển đến cho binh lính của Hồ, Pháp yêu cầu Mỹ viện trợ quân sự ở mức độ lớn. Mỹ đồng ý. Tháng 6-1950, cuộc chiến Nam Hàn bùng nổ khiến các cam kết của Hoa Thịnh Đốn mạnh mẽ thêm. Viện trợ quân sự và kinh tế bắt đầu. Hoa Thịnh Đốn nhìn nhận Quốc Gia Việt Nam. Sự nhìn nhận đó kéo theo sự nhìn nhận của Anh, rồi của tất cả quốc gia nằm trong “Thế Giới Tự Do.” Mục đích chính của Ba Lê và Hoa Thịnh Đốn trở thành tạo lập một chính phủ chống Cộng ở Việt Nam đồng minh với Pháp. Tuy vậy, Quốc Gia Việt Nam phải tự bảo vệ và mở rộng sự cai trị. Để đạt mục đích đó, Bảo Đại cần có một Quân Đội Quốc Gia Việt Nam.

● Những năm đầu của Nguyễn Văn Thiệu

Vì Thiệu là một trong hai nhân vật có ảnh hưởng nhất của lịch sử Miền Nam Việt Nam – nhân vật kia là Ngô Đình Diệm – hãy cùng duyệt lại thời thơ ấu của ông. Thế giới quan của con người thường là sự pha trộn tổng hợp của văn hóa,

sự giáo huấn, cá tính, và kinh nghiệm. Để hiểu thế giới quan của Thiệu cần phải xem lại cuộc sống thuở thiếu thời, những bước đầu binh nghiệp đã ảnh hưởng cá tính và những chính sách tương lai của ông thế nào.

Rủi thay, chỉ có rất ít dữ kiện tiểu sử về thời trẻ của ông. Hơn nữa, các dữ kiện căn bản về tiểu sử ông cũng mâu thuẫn. Cụ thể người viết cáo phó của Thiệu cho tờ New York Times, phóng viên kỳ cựu ở Việt Nam, đã lập lại sự hiểu lầm của đa số về ngày sinh của ông. Ký giả Fox Butterfield đã viết, “Thiệu sinh tháng 11-1924, nhưng theo tập tục thông thường của người Việt, ngày sinh của ông là ngày 5-4-1923, vì ngày đó được xem là ngày tốt. Ông sinh ra tại một làng ở bờ biển miền Trung, là con út một gia đình có 5 anh em.”⁽¹⁵⁾ Tuy thế, một số người khác lại bảo ông đã đổi ngày sinh “theo lời khuyên của một người xem tử vi.”⁽¹⁶⁾

Những người Việt ở thôn quê đôi khi chọn một ngày tốt hơn theo tử vi để đổi ngày sinh, nhưng bà Thiệu bảo ông không đổi ngày sinh vì lý do đó. Nhiều người tin ngày sinh của ông là ngày 11-12-1924, việc này do lỗi của ông từ hồi nhỏ. Bà Thiệu kể ngày ông còn nhỏ, khi đi học ở trường, một thầy giáo hỏi ngày sinh của ông. Vì không biết rõ, ông về nhà để hỏi mẹ. Do không gặp được mẹ, ông đã trở lại trường, bịa đại ngày sinh là ngày 12-11-1924.⁽¹⁷⁾ Thầy giáo ghi lại và ngày sinh sai lầm đó đã lưu trong các hồ sơ chính thức. Về sau mẹ Thiệu sửa lại ngày sinh của ông. Bà có thay

⁽¹⁵⁾ Fox Butterfield, “*Nguyen Van Thieu is Dead at 76; Last President of South Vietnam – Nguyễn Văn Thiệu, Tổng Thống Cuối Cùng của MNVN, Qua Đời Lúc 76 Tuổi.*” New York Times, October 1, 2001.

⁽¹⁶⁾ Thomas Bass, “*Exile on Newberry Street – Lưu Vong Trên Đường Newberry*” New York Times Magazine, Dec. 30-2001, tr.25.

⁽¹⁷⁾ Phỏng vấn bà Thiệu, ngày 6-2-2014, Irving, CA. Thông dịch viên: Trần Quang Minh. Đến nay, bà Thiệu đã từ chối mọi yêu cầu phỏng vấn. Đây là lần phỏng vấn thứ hai của tác giả với bà. Cuộc phỏng vấn lần đầu ngày 6-3-2013, được Cao Văn Thân, bộ trưởng Cải Cách Điền Địa của ông Thiệu dàn xếp. Lần đó, ông Thân là thông dịch viên. Tác giả cảm tạ bà Thiệu đã đón tiếp tại tư gia, và thanh nhã trả lời mọi câu hỏi được đưa ra.

đổi ngày sinh của ông thành một ngày quan trọng khác theo tử vi không? Đó là điều không ai được biết. ⁽¹⁸⁾

Thiệu sinh ngày 5-4-1923, ở làng Tri Thủy, một làng của ngư dân và nông dân. Làng đẹp như tranh vẽ, nằm trong một vịnh cách Phan Rang, thủ phủ của Ninh Thuận, vài cây số. Ninh Thuận là một tỉnh duyên hải cách Sài Gòn khoảng 250 cây số về hướng đông bắc, gần như đường phân ranh các khu miền Trung với các khu miền Nam. Thân phụ, thân mẫu ông không phải là nông dân cày cấy. Họ thuộc giới trung lưu, khá giả, có đất đai và nhiều cơ sở làm ăn. Song thân ông đã hun đúc ông thấm nhuần tinh thần làm việc cần cù và các giá trị văn hóa Việt Nam điển hình. Sự hun đúc đó theo ông cho đến khi trưởng thành. Nguyễn Văn Trung, thân phụ ông cùng ông nội và ông cố đều là người lái tàu xuôi, ngược bờ biển để bán hàng. Sau khi sinh Thiệu, ông Trung “*làm thêm một nghề nữa. Ông đến Quy Nhơn, chở súc vật và trâu bò về bán ở Phan Rang, và ông lên Sài Gòn để mua, bán hàng.*”⁽¹⁹⁾ Mồ côi cha từ năm 10 tuổi, thân phụ Thiệu đã ghi khắc nhiều bài học gian khổ của đời ông vào con trai. Sau cuộc chiến, Thiệu nói với một người phỏng vấn ông rằng “*cha ông luôn dạy: phải cẩn thận, cân nhắc, không bao giờ cấu thả hoặc hành động thiếu suy nghĩ.*” Bài học này trở

⁽¹⁸⁾ Theo bản nghiên cứu của Calvin Mehlert, nhân viên sứ quán Mỹ ở Sài Gòn, ngày sinh của Thiệu theo tử vi “*cực tốt... Thiệu sinh vào giờ, ngày, tháng và năm Tý. Sự trùng hợp ngày, giờ, tháng, năm theo tử vi Việt Nam là điềm cực tốt. Ở Việt Nam, nhiều người trong chính phủ, kể cả Thiệu, đều xem bói. Ngày ra mắt các đảng phái, ngày làm lễ bàn giao chỉ huy và khởi đầu các cuộc hành quân thường chọn ngày tốt theo tử vi.*” Some Aspects of Personal Relations among Senior RVNAF Officers, Saigon Embassy Airgram A-131 – Một Số Khía Cảnh về Quan Hệ Cá Nhân Giữa các Sĩ Quan quân đội VNCH, ngày 13-8-1971, RG 59, Subject Numeric Files 1970-1973, Box 2808, National Archives and Records Administration – NARA, College Park, MD. Đa số tin của Mehlert là từ đại tá Phạm Văn Liễu, một dịch thù cay đắng của tổng thống Thiệu. Email với Calvin Mehlert, ngày 26-10-2009

⁽¹⁹⁾ Larry Engelmann, “*The Man Who Lost Vietnam: Interview with Nguyen Van Thieu - Nhân Vật Lâm Mất Việt Nam: Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu.*” Ngày 9 tháng 4, 1990.

thành một phần cá tính của con người Thiệu.⁽²⁰⁾

Thiệu là con út trong 7 người con. Ông có 4 người anh, hai người chị. Tên ở nhà của ông là “Tám”, vì người Nam dùng số Hai để đặt tên cho con cả – Anh Hai –, và số Một được hiểu ngầm là người Cha.

Ít ai biết nhiều về những anh chị khác của ông, ngoại trừ hai người anh lớn nhất là Hiếu, Kiêu đều là đại sứ của Việt Nam Cộng Hòa. Tuy thế, các anh ông không ảnh hưởng ông nhiều, đây là điều lạ đối với một gia đình Việt Nam truyền thống. Hiếu, anh cả ông, sinh ngày 4-4-1906, được gia đình cho sang Pháp học đại học. Đối với người Việt thời thực dân, đây là một thành tích đáng nể, vì lúc đó chỉ có vài ngàn người Việt theo học trường trung học Pháp. Hiếu tốt nghiệp ngành luật ở Đại Học Paris năm 1933. Đây là con đường truyền thống để đi vào ngành công chức. Ông trở về Việt Nam, làm thẩm phán ở Huế cho đến năm 1939.

Khi thân phụ qua đời ngày 12-1-1969, vì là trưởng nam, Hiếu thành người đứng đầu gia đình, nhưng vì công tác ngoại giao, ông đã rời Việt Nam từ năm 1956. Năm 1966, ông là đại sứ Việt Nam Cộng Hòa ở Ý. Năm 1966, khi bà Hiếu mất vì ung thư, Thiệu đã nuôi dưỡng con gái Hiếu như con gái ông. Đây là bí mật của gia đình ông, chỉ vài người được biết. Là một Phật Tử, Hiếu luôn trầm lặng, không có tham vọng chính trị. Sau khi được chỉ định làm đại sứ ở Ý, ông đứng ngoài chính trường Việt Nam và ở Rome cho đến ngày mất Sài Gòn.

Trong khi đó, Kiêu hoạt động chính trị tích cực hơn nhiều. Ông sinh năm 1916 và ở một thời điểm nào đó cải đạo sang Công Giáo. Năm 1940, Kiêu là một sáng lập viên của chi nhánh Đại Việt Quốc Dân Đảng ở miền nam. Những đảng viên Đại Việt tranh đua tuyển mộ đảng viên với một đảng chính trị khác là Việt Nam Quốc Dân Đảng. Kiêu dần dần trở thành đại sứ ở Đài Loan, cũng là sứ giả chính và

⁽²⁰⁾ Nguyễn Tiến Hưng, *Tâm Tư Tổng Thống Thiệu*, tr. 359

trung gian của Thiệu trong tiếp xúc với các nhân vật lãnh đạo chính trị, tôn giáo của Miền Nam Việt Nam.

Song thân Thiệu chú tâm vào việc giáo dục các con, đặc biệt là Hiếu và Kiều. Để có đủ tiền cho hai anh ông có thể học lên cao, cậu bé Thiệu phải giúp Má là bà Bùi Thị Hạnh, bán hàng ở chợ địa phương.

Ông kể lại: “Ngày còn đi học, tôi phải giúp các chị bán bánh dày và khoai lang. Hàng ngày tôi ra chợ giúp Má và các chị kiếm tiền. Hai anh tôi đi học, tôi ở nhà giúp các chị mang hàng ra, thu hàng về. Tôi làm việc rất siêng năng. Má tôi có một cửa hàng tạp hóa nhỏ ở làng. Tôi cũng giúp Má tôi ở cửa hàng. Vào thời đó, Ba Má tôi phải nuôi hai anh ăn học ở Sài Gòn. Ba tôi luôn cố gắng cho chúng tôi có căn bản học vấn tốt. Ba Má và hai chị tôi đều làm việc rất cần cù để có tiền cho hai anh tôi học tiểu học, trung học và gửi tôi đi học.” (21)

Một người Việt Nam biết Thiệu nhiều năm đồng ý rằng Thiệu xuất thân trong một gia đình rất tốt. Người đó viết: “Lúc đó tôi đặc biệt kính trọng ông Thiệu vì Cha Mẹ ông là hai cụ hết sức đạo đức. Họ luôn cố giữ gia phong theo đúng truyền thống Tam Giáo của người Việt.”(22) Tam Giáo truyền thống của Việt Nam là Phật, Lão, Khổng. Thờ kính tổ tiên cũng đóng một vai trò nổi bật trong tín ngưỡng Việt Nam. Những giá trị nguyên tắc của Thiệu phản ảnh tinh thần giáo huấn của Khổng Giáo, một triết lý hướng dẫn cuộc đời và địa vị xã hội của con người, nhưng sự giáo huấn đó chỉ giải thích một phần thế giới quan của ông. Tuy chấp nhận quan niệm Khổng Giáo đối với các vấn đề xã hội, học vấn đã cho phép Thiệu tiếp xúc với văn hóa Pháp, kể cả quan niệm về tự do và dân chủ. Các chuyến thăm Mỹ về sau đã khiến ông tin Việt Nam cần phải học theo cách quản trị, học theo

(21) Engelmann phỏng vấn ông Thiệu.

(22) Hoành Linh Đỗ Mậu, *Việt Nam: Máu Lửa Quê Hương Tôi*. California: Tự xuất bản 1986, tr.767.

kỹ thuật kỹ nghệ của Mỹ và gạt bỏ cách quản trị tập trung của Pháp. Chủ trương cần hiện đại hóa kiểu Mỹ là sự khác biệt chính giữa Thiệu và nhiều nhà lãnh đạo Việt Nam khác. Sự tin tưởng mạnh mẽ của ông vào truyền thống Việt Nam còn được các nghi thức truyền thống của quân đội nhấn mạnh thêm, nhất là khi nhìn qua lăng kính tập quán và phong tục Việt Nam. Về sau, ông tin theo giáo lý Công Giáo, nhưng lúc nào tin tưởng đó cũng chỉ là lớp vỏ bên ngoài các giá trị đạo đức cốt lõi Việt Nam bên trong con người ông.

Vì song thân ông nhấn mạnh sự học là con đường dẫn đến thành công, Thiệu đã đạt một căn bản học vấn tốt theo tiêu chuẩn của Việt Nam thời thuộc địa. Học vấn đã mài dũa sự thông minh bẩm sinh của Thiệu. Đối với lớp thanh niên thế hệ ông, đây là một ưu điểm hiếm có.

Thiệu học tiểu học ở trường làng rồi học trung học ở Phan Rang. Mỗi ngày ông phải hai lần đi phà qua cái đầm nằm giữa Tri Thủy và Phan Rang. Một trong số người thầy dạy ông là cụ thân sinh của Hoàng Đức Nhã, em họ ông.⁽²³⁾

Điều này đã mở đầu mối liên hệ gần gũi giữa hai người, về sau Nhã thành cố vấn thân cận nhất của Thiệu khi ông là tổng thống. Nhã sinh ngày 21-8-1942. Gia đình ông cũng là địa chủ. Cuối thập niên 1950, ông sống với Thiệu ở Đà Lạt khi theo học trường trung học nổi tiếng Lycée Yersin. Khi tốt nghiệp, Nhã đậu Tú Tài II, một bằng phải có khi vào đại học. Năm 1961, ông được học bổng của Mỹ, thành tích hiếm có của thanh niên thời đó. Nhã du học đại học Oklahoma State University, kết bạn thân với Trần Quang Minh, về sau là người đứng đầu Cơ Quan Thực Phẩm Quốc Gia.⁽²⁴⁾

Thiệu học trung học ở trường Pellerin nổi tiếng ở Huế. Pellerin là một trong 4 trường Trung Học của Pháp mở cho

⁽²³⁾ Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, ngày 4-6-2009, Falls Church, VA. Bà của ông Thiệu và Bà của ông Nhã là hai chị em.

⁽²⁴⁾ “Dữ kiện tiểu sử về Hoàng Đức Nhã.” Điện tín A104 của Sứ Quán Sài Gòn 20-5-1974.

nam học sinh ở Việt Nam. Muốn vào Pellerin Thiệu phải có điểm rất cao cộng thêm với những xoay sở của Hiều, anh ông. Khi Hiều rời Huế năm 1939, Thiệu rời Pellerin, về Sài Gòn để sống với Kiếu. Ở Sài Gòn, ông học ở trung học Lê Bá Cang. Thiệu tốt nghiệp năm 1942 và đậu Tú Tài I, kỳ thi tốt nghiệp cuối của trung học, nhưng chẳng hiểu vì lý do gì, ông không thi tú tài II. Sau khi tốt nghiệp trung học, Thiệu trở về làng làm ruộng và phụ giúp việc ở các tàu của Ba ông.

Tháng 3-1945, Nhật đảo chánh Pháp, khơi dậy cảm xúc của Thiệu đối với đất nước. Ông nói với báo Time rằng “*lúc đó mọi người tin rằng người Nhật đã lấy lại tự do cho chúng tôi từ tay người Pháp.*”⁽²⁵⁾ Dĩ nhiên, Thiệu cũng náo nức mong mỗi độc lập như tất cả mọi người trong thế hệ ông. Say sưa với ý tưởng đá người ngoại quốc ra khỏi Việt Nam, tháng 9-1945, chàng thanh niên Thiệu 22 tuổi tham gia Việt Minh ở tỉnh nhà. Ông được huấn luyện trong rừng, dùng tre thay súng. Những nỗ lực trong đoàn thanh niên địa phương giúp ông trở thành chủ tịch ủy ban nhân dân xã. Không lâu sau, ông là cố vấn quận ủy.

Cũng như nhiều đảng viên Quốc Gia trong thế hệ ông, Thiệu là người chống Pháp, nhưng ít lâu sau, vì biết Cộng Sản bí mật khống chế phía sau ông bất mãn với Việt Minh. Nhiều năm sau, khi giải thích tại sao ông rời bỏ Việt Minh, Thiệu nói: “*Tháng 8-1946, tôi biết Việt Minh là Cộng Sản... Họ bắt người. Họ lật đổ ủy ban xã. Họ tịch thu đất đai.*”⁽²⁶⁾ Ông bảo phải bỏ nhà trốn đi khi biết Việt Minh quyết định ám sát ông vì ông là một trí thức, tức là người tốt nghiệp ở một trường Pháp.

Từ bỏ Việt Minh tháng 8-1946, và để tránh cho gia đình không bị trả thù, Thiệu về Sài Gòn. Lúc đầu ông học ngành kỹ sư điện, sau đó nghỉ, theo học ngành Hàng Hải – École de

⁽²⁵⁾ “*South Vietnam: A Vote for the Future – Miền Nam Việt Nam: Một Lá Phiếu Cho Tương Lai.*” *Time*, ngày 15-9-1967.

⁽²⁶⁾ Sách đã dẫn.

Navigation Civile từ năm 1947 đến 1948. Có chứng chỉ hàng hải, ông được nhận làm việc ở một hãng tàu Pháp, nhưng bỏ việc khi biết người chủ trả ông ít tiền hơn nhân viên Pháp có cùng chức vụ như ông.

Sắp xếp cho các chi tiết về binh nghiệp lúc đầu của Thiệu ăn khớp cũng khó khăn chẳng khác gì chi tiết thời thơ ấu của ông. Tuy ông đã tiếp xúc lâu dài với viên chức Mỹ, chính phủ Mỹ chỉ có rất ít dữ kiện về tiểu sử ông. Tệ hơn nữa, các tài liệu này chỉ ghi lại vài sự kiện thường là mâu thuẫn về những nhiệm vụ quân sự đầu tiên của ông.

Ngạc nhiên thay, ngay cả hồ sơ của Miền Nam Việt Nam về Thiệu cũng ghi không đúng hoạt động của ông trong những năm trước đảo chánh 1-11-1963.⁽²⁷⁾ Chẳng hạn nhiều tài liệu tóm tắt chính thức được viết trong lúc chiến tranh đã ghi sai rằng năm 1954, ông chỉ huy Sư Đoàn 21 Việt Nam Cộng Hoà trong khi mãi ngày 1-6-1959, sư đoàn đó mới được thành lập.⁽²⁸⁾ Những chi tiết khẳng định về thời thơ ấu của Thiệu tuy hiếm, nhưng qua tin tức rút ra từ nhiều cuộc phỏng vấn khác nhau, từ những bình luận của một số đồng người Miền Nam, và từ các nguồn tin của Mỹ, một hình ảnh về ông hiện ra khá rõ.

Ít có triển vọng kiếm được việc làm, Thiệu tình nguyện vào trường sĩ quan đầu tiên ở Huế. Một số bạn cùng khóa là

⁽²⁷⁾ Sở Tình Báo Trung Ương CIA đưa ra 2 tài liệu ngắn về Thiệu, tài liệu thứ nhất ngày 29-1-1965, và tài liệu thứ hai ngày 24-6-1965. Tháng 7-1968, như một phần của quá trình phân tích tiểu sử giới lãnh đạo Việt Nam, Sở Tình Báo Quốc Phòng – Defense Intelligence Agency đưa ra một tài liệu chi tiết hơn duyệt lại binh nghiệp của ông.

⁽²⁸⁾ Sau cuộc chiến, Thiệu đưa cho thiếu tá Nguyễn Xuân Tâm, phụ tá quân đội chính của ông, bản viết tay liệt kê binh nghiệp từ lúc vào trường võ bị ở Huế đến 1965. Ông không hề ghi Sư Đoàn 21. Tuy vậy, ngày 15-6-1965 *Vietnam Press*, tờ báo được chính phủ bảo trợ phổ biến một tiểu sử ngắn của Thiệu lại ghi sự kiện này. Một tiểu sử viết đầu năm 1973 do Nguyễn Ngọc Bích, nhân viên Bộ Thông Tin, vào dịp Thiệu thăm Hoa Kỳ cũng ghi sự kiện này, nhưng Bích dựa theo *Vietnam Press* và các hồ sơ của sứ quán Việt Nam ở Hoa Thịnh Đốn. Sự kiện này vẫn là một bí ẩn vì một cơ quan thông tin bán chính thức của chính phủ lại có thể in một lỗi nổi bật như thế.

Tôn Thất Đính, người sẽ chỉ huy Thiệu trong cuộc đảo chánh Diệm, Nguyễn Hữu Cồ, bộ trưởng Quốc Phòng trong chính quyền Nguyễn Cao Kỳ, và Đặng Văn Quang về sau là cố vấn an ninh quốc gia của Thiệu. Khóa quân sự ông theo học là một khóa đào tạo trung đội trưởng. Ngày 1-6-1949, Thiệu tốt nghiệp và được thăng thiếu úy.⁽²⁹⁾ Theo một tài liệu Pháp, Thiệu đứng hạng 4 trong số 53 sĩ quan tốt nghiệp.⁽³⁰⁾

Sau khi tốt nghiệp, ông là trung đội trưởng ở tiểu đoàn 1, một trong ba tiểu đoàn Bộ Binh đầu tiên của quân đội Việt Nam. Thời gian ông làm trung đội trưởng rất ngắn, chỉ từ tháng 6 đến tháng 9-1949. Ít ngày sau khi khóa huấn luyện đầu tiên kết thúc, Bảo Đại đích thân chọn 10 sĩ quan trong số các thiếu úy Việt Nam tốt nghiệp để gửi qua Pháp theo học khóa Bộ Binh cao cấp ở Coetquidan.⁽³¹⁾ Ba trong 10 người được chọn là Thiệu, Trần Thiện Khiêm, Đặng Văn Quang. Khóa học bắt đầu tháng 12-1949 và kết thúc tháng 6-1950.

Nhiều hồ sơ ghi Thiệu và Khiêm gặp nhau ở Trường Hàng Hải, tin đó sai. Cuộc gặp đầu tiên của họ là chuyến đi này. Hai nhân vật này sẽ nổi bật trên chính trường Miền Nam Việt Nam, khi Khiêm thành thủ tướng VNCH dưới quyền vị tổng thống tương lai. Hồ sơ sứ quán Mỹ ở Sài Gòn ghi “*Khiêm được xem là bạn thân nhất của Thiệu suốt thời gian binh nghiệp của ông.*”⁽³²⁾

⁽²⁹⁾ Trong 53 học viên, 9 bạn cùng lớp Thiệu sẽ được thăng cấp tướng. Thiệu bảo một số bạn cùng lớp về sau làm việc với Cộng Sản, nhưng không nói ai.

⁽³⁰⁾ “*Hồ Sơ Sĩ Quan Thiếu Úy Nguyễn Văn Thiệu,*” *Archive de General de Division Paul Vanuxem, Lyon, Pháp.* Theo hồ sơ này, Thiệu nhập ngũ ngày 1-10-1948. Có một số chi tiết nhỏ khác biệt trong hồ sơ Pháp với ngày tháng ghi trong hồ sơ Mỹ và những tin tức của Miền Nam Việt Nam. Tác giả cảm tạ gia đình Vanuxem đã cho phép sử dụng tài liệu này.

⁽³¹⁾ Đây là trường École de l'Infanterie, cạnh võ bị Saint Cyr, học viện quân sự chính của Pháp. Hồ sơ Vanuxem ghi Thiệu “*ở Pháp từ ngày 1- 9-1949 đến ngày 1- 7-1950*” và ghi ông đứng thứ 3 trong 12 học viên tốt nghiệp, chứ không phải 10 như ghi trong hồ sơ của Miền Nam Việt Nam.

⁽³²⁾ *Điện tín của Sứ Quán Mỹ ở Saigon số #17454 gửi Bộ Ngoại Giao, Ngày 28-7-1969, Nhóm Hồ Sơ 59, Subject Numeric Files 1967-1969, NARA.* Từ đây trở đi sẽ được ghi là Saigon và số điện tín.

Nhận định của sứ quán Mỹ được các sử gia chấp nhận cũng sai lầm. Theo Khiêm, họ “*không phải bạn mà chỉ là đồng nghiệp làm việc chung với nhau gần cả đời... họ chẳng bao giờ quan hệ xã giao sau giờ làm việc...*”

Khiêm gặp Thiệu khi chính thức làm việc chung và khi cùng làm việc, ông là thượng cấp và vì vậy, không qua lại xã giao với Thiệu.”⁽³³⁾

Nhóm học viên cùng sang Pháp trên chuyến tàu khách có tên SS Pasteur. Trên tàu, một sĩ quan Việt Nam cho Thiệu xem ảnh 4 em gái anh ở Mỹ Tho, một thành phố cực nam của miền Nam. Vị sĩ quan nói với Thiệu là ba cô em gái anh đều đã đính hôn, nhưng còn một cô là Nguyễn Thị Mai Anh chưa đính hôn. Thiệu bắt vị sĩ quan hứa phải giới thiệu ông với người em gái đó. Sau khi từ Pháp trở về, Thiệu được giới thiệu với Mai Anh và ít lâu sau ông ngõ lời xin thành hôn với cô. Theo bà Thiệu, điều kiện duy nhất bà yêu cầu là ông phải cải đạo sang Công Giáo, vì luật Công giáo cấm thành hôn với người ngoại đạo. Hiển nhiên điều này gây một số khó khăn cho gia đình hai bên, và 2 người cha của hai gia đình đã phải mất một năm để đồng ý với mọi chi tiết.

Nguyễn Thị Mai Anh là con một gia đình gia thế ở vùng đồng bằng Cửu Long. Bà sinh ngày 20-6-1930 ở Mỹ Tho và cả hai cụ thân sinh đều là bác sĩ đông y. Cụ ông chữa bệnh cho người lớn trong khi cụ bà chuyên trị bệnh cho trẻ em. Cụ bà là tín đồ hết sức mộ đạo và đa số tiền trị bệnh đều đóng góp vào việc từ thiện.

Theo một cuốn tiểu sử về gia đình bà thì “*Gia đình sống rất giản dị, các con được nuôi, dạy hết sức nghiêm túc theo*

⁽³³⁾ *Cuộc phỏng vấn của Cao Lan với Trần Thiện Khiêm, ngày 11-6-2017. Tương tự bà Thiệu, sau cuộc chiến, Khiêm từ chối mọi yêu cầu phỏng vấn, nhưng ông đồng ý nói chuyện với Cao Lan, con gái tướng Cao Văn Viên, bạn thân ông. Tác giả xin cảm tạ cô Cao Lan đã giúp phỏng vấn tướng Khiêm. Cao Lan là một luật sư nổi tiếng, dạy luật quốc tế và là cũng là tác giả cuốn *The Lotus and the Storm - Hoa Sen và Con Bão* (New York: Viking, 2014) là cuốn ký sự tiểu thuyết, xuất sắc viết về gia đình cô.*

truyền thống Việt Nam cổ. Các cô con gái đều học trường đạo ở Mỹ Tho.”⁽³⁴⁾ Dần dần, thân phụ ông Thiệu đồng ý để ông cải đạo sang Công Giáo. Nhưng Thiệu đã hoãn việc làm lễ rửa tội nhiều năm. Ngày 18-7-1951, ông thành hôn với Mai Anh.

Khác vợ các lãnh đạo cao cấp khác, bà Thiệu không nhúng tay vào chính trị. Bà ngại tiếp xúc và không gần gũi các bà tướng khác. Theo ông Thiệu, bà “*chưa bao giờ xen vào chuyện chính trị và luôn chỉ là chiếc bóng phía sau.*”⁽³⁵⁾ Bà xác nhận điều này khi nói với một ký giả rằng bà không “*khuyến chồng về các việc của quốc gia hoặc cách điều hành chính phủ.*” Thay vì xen vào việc của chồng, bà chú tâm vào từ thiện xã hội, quyên góp tiền xây nhà thương cho trẻ em tàn tật hoặc thăm viếng thương binh.⁽³⁶⁾ Thiệu tìm cách che chở, không để bà vướng vào các mưu mô chính trị, nhất là các việc làm ăn xấu xa như một số bà sĩ quan khác, khiến chồng phải mang tiếng xấu. Ông cũng biết nếu tham gia vào các hoạt động đó, bà sẽ bị các bà khác ganh ghét, kè lại với chồng và lại tạo thêm kẻ thù cho ông.

Sau khi tốt nghiệp trường Bộ Binh Pháp, từ tháng 8-1950 đến tháng 6-1951, Thiệu là đại đội trưởng phục vụ ở tiểu đoàn 5 quân đội Việt Nam, một đơn vị hoạt động ở vùng Sóc Trăng, mé dưới vùng đồng bằng Cửu Long. Sau khi là đại đội trưởng, do yêu cầu cá nhân của Bảo Đại, Thiệu được giao nhiệm vụ huấn luyện thiếu sinh quân ở trường võ bị Đà Lạt, lúc này trường đã dời từ Huế về Đà Lạt, nơi cựu hoàng có nhà nghỉ mát. Tuy trên giấy tờ, Pháp cho phép Bảo Đại thành lập quân đội, nhưng mãi đến 1951, sau khi Cao Ủy và

⁽³⁴⁾ “*President Nguyen Van Thieu of the Republic of Vietnam,*” n.d., Folder 13, Box 8, Douglas Pike Collection: Unit 11 - Monographs, The Vietnam Center and Archive, Texas Tech University, Item #2390813001. Tên Thánh của bà Thiệu là Christine-Helene. Tên Thánh của ông Thiệu là Martino.

⁽³⁵⁾ Đài Bắc #3192, ngày 6-6-1975

⁽³⁶⁾ “*Mme. Thieu Shuns Politics - Bà Thiệu Tránh Nhúng Tay Vào Chính Trị.*” Los Angeles Times, ngày 24- 3-1970.

tổng tư lệnh Jean de Lattre thúc đẩy, Ba Lê mới thực sự chú ý đến Quân Đội Việt Nam. De Lattre thi hành luật tổng động viên năm 1951, bắt thanh niên Việt Nam nhập ngũ và ra lệnh mở các chương trình huấn luyện tốt hơn để đào tạo lớp sĩ quan có khả năng điều hành một quân đội hiện đại. Thiệu là một phần của nỗ lực đó. Được thăng chức thiếu úy ngày 1-6-1951, Thiệu dạy ở trường võ bị Đà Lạt gần 1 năm. Khóa huấn luyện sĩ quan cuối cùng ông dạy là khóa 5, một khóa nổi tiếng vì đã cho ra nhiều tướng hơn bất cứ khóa nào khác. Các sĩ quan trong khóa này đều là sĩ quan tư lệnh rường cột của quân đội về sau trong số có Nguyễn Văn Toàn, Nguyễn Vĩnh Nghi, Phạm Quốc Thuần.

Khi cuộc chiến khốc liệt hơn, nhất là ở phía bắc, các tư lệnh Pháp tìm cách dùng quân đội Việt Nam để chiến thắng. Cuối tháng 5-1952, Thiệu đến Hà Nội tham dự khóa học tham mưu ba tháng. Hai sĩ quan khác cũng theo học khóa này là Cao Văn Viên, tổng tham mưu trưởng tương lai của quân đội miền Nam và Nguyễn Khánh, quốc trưởng tương lai. Khóa học dạy chiến thuật và kỹ thuật chỉ huy cao cấp. Đây là giai đoạn khốc liệt nhất của cuộc chiến. De Lattre vừa đẩy lui 3 cuộc tấn công cấp sư đoàn của Quân Đội Nhân Dân ở đồng bằng sông Hồng. Tướng Võ Nguyên Giáp, lãnh đạo Quân Đội Nhân Dân, tin là có thể dùng tấn công biển người để tràn vào các thành lũy Pháp. Chiến thuật biển người thất bại, khi Pháp dùng bom napalm ngăn chặn. Hàng ngàn lính Bắc Việt bị giết. Dù vậy, Pháp vẫn cần quân đội Việt Nam giúp giữ các làng, xã địa phương, việc về sau Mỹ gọi là bình định nông thôn. Lúc này, cuộc chiến biến dạng thành hai cuộc chiến tách biệt, tương tự cuộc chiến với Mỹ về sau. Thứ nhất là cuộc chiến chính quy, có đại pháo, các đơn vị lớn, các trận đánh từng phần. Thứ hai là cuộc chiến ở nông thôn, khi cộng sản tính từ từ siết dần các thành phố Pháp chiếm giữ bằng cách cắt rời các thành phố đó với nông thôn.

Ngày 27- 9-1952, Thiệu tốt nghiệp khóa tham mưu. Đại tá chỉ huy trưởng Trường Huấn Luyện về sau là thiếu

tướng Paul Vanuxem dần dần có mối giao hảo lâu dài với Thiệu, và sẽ xuất hiện trở lại ở phần cuối sách này, đã viết về vị tổng thống tương lai như “(một người trí thức năng nổ. Có tinh thần đạo đức cao, nhận thức cao, tư cách, cá tính mạnh giúp ông hoạt động hữu hiệu trong mọi việc được giao phó. Xếp hạng: ưu tú và ông sẽ tiến xa trong tương lai.”⁽³⁷⁾

Sau khi tốt nghiệp, Thiệu được chỉ định làm sĩ quan tác chiến, một chức vụ có trách nhiệm đặt kế hoạch cho các hoạt động quân sự, của khu Hưng Yên, trải từ Hà Nội xuống mé Nam đến Hải Dương. Tháng 7-1952, Pháp bàn giao Hưng Yên cho Quân Đội Việt Nam. Hưng Yên, vùng chịu ảnh hưởng mạnh của chính quyền Hà Nội, là một phần của đồng bằng sông Hồng. Thiệu và các sĩ quan bạn tham gia nỗ lực bình định nông thôn hoàn toàn do người Việt chỉ huy. Đây là nơi ông học cách bình định nông thôn kiểu Pháp. Rất lâu trước khi nắm quyền chỉ huy Miền Nam, ông đã được trực tiếp quan sát cách hoạt động của Quân Đội Nhân Dân, cả cách hoạt động chính quy lẫn không chính quy. Cao Văn Viên cũng phục vụ trong tham mưu khu với tư cách sĩ quan tình báo. Gia đình Thiệu và gia đình Viên cùng sống chung, nhưng theo bà Thiệu, “tuy hai gia đình có các tiếp xúc xã giao bình thường, chúng tôi không giao tiếp thân tình.”⁽³⁸⁾ Khi nhớ lại thời đó, Thiệu đã nói với một ký giả Mỹ: “Đó là một trong những ngày đẹp nhất của đời tôi.”⁽³⁹⁾ Một ký giả khác ghi Thiệu cũng nói trách nhiệm bình định nông thôn là “kinh nghiệm quý báu nhất trong binh nghiệp của ông.”⁽⁴⁰⁾

Cuối tháng 10-1953, Thiệu rời Hưng Yên sau một năm phục vụ và được chỉ định vào làm với ban tham mưu vùng II tân lập của quân đội, lúc đó gồm các tỉnh duyên hải ở trung

⁽³⁷⁾ “*Điểm khả năng trong khóa học 25/6/1952 - 25/9/1952*” Ngày 25-9-1952, *Archive de General de Division Paul Vanuxem*, Lyon, France.

⁽³⁸⁾ *Phỏng vấn bà Thiệu*, ngày 6-3-2013, Irvine, CA. Thông dịch viên: Cao Văn Thân.

⁽³⁹⁾ “*Who’s Thieu – Thiệu là Ai?*” *Washington Post*, October 3, 1971, B1.

⁽⁴⁰⁾ “*Savior of Vietnam - Cứu Tinh của VN.*” *Jerusalem Post*, 31-10-1971, tr.7

tâm Miền Nam. Lại một lần nữa được chỉ định làm sĩ quan tác chiến, ông giữ chức vụ đó đến tháng 3-1954, khi vùng II được dời từ trung tâm Miền Nam đến phía bắc Miền Nam Việt Nam, bao gồm luôn cả các vùng về sau trở thành vùng I. Khoảng thời gian này trùng hợp với Chiến Dịch Atlante, nỗ lực lớn cuối cùng của Pháp trong cuộc chiến. Atlante là một nỗ lực của nhiều tiểu đoàn, kéo dài từ tháng giêng đến tháng 7-1954. Xử dụng cả các đơn vị Pháp lẫn quân đội Việt Nam, cuộc tấn công nhằm đuổi Việt Minh khỏi các tỉnh duyên hải miền Trung. Atlante có 3 giai đoạn. Giai đoạn đầu đổ quân vào Tuy Hòa, thủ phủ Phú Yên, trực tiếp phía bắc Ninh Thuận, tỉnh nhà của Thiệu. Giữa tháng 3, sau khi tái chiếm Tuy Hòa, Pháp mở đầu giai đoạn II, tấn công Quy Nhơn, thủ phủ Bình Định. Nhưng cùng thời gian đó, Việt Minh mở cuộc tấn công Điện Biên Phủ, dẫn đến cuộc đại bại của Pháp và chấm dứt cuộc chiến. Bại trận ở Điện Biên Phủ buộc Pháp phải hủy bỏ giai đoạn III Atlante.

Trong chiến dịch Atlante, quân đội Việt Nam, nói chung, chiến đấu rất tồi. Nhiều đơn vị Việt Nam không chịu chiến đấu. Tướng Henri-Eugene Navarre, tổng tư lệnh mới của Pháp ở Việt Nam, khinh miệt Quân Đội Việt Nam. Ông nói với các ký giả “*Các đội quân Việt Nam trong chiến dịch Atlante không kham nổi trách nhiệm.*” Navarre còn nói thêm Quân Đội Việt Nam “*thiếu tinh thần quốc gia.*”⁽⁴¹⁾

Thay vì nhìn nhận việc nhiều lính Việt Nam không muốn chiến đấu cho người Pháp, bình luận của Navarre phản ảnh niềm tin của nhiều người Pháp rằng người Quốc Gia chỉ là một bọn hèn hạ, đáng khinh. Chính ý kiến này đã khiến các viên chức cao cấp trong chính quyền Pháp kết luận người Quốc Gia không thể thắng và cách duy nhất để cứu vãn cuộc chiến là Trung Lập Hóa Miền Nam. Nhận định này trở thành một động lực thúc đẩy chính sách của Pháp ở Việt

⁽⁴¹⁾ “*Navarre Doubts Delta Drive Now: Admits Failure in Central Annam,*” New York Times, June 8-1954, 3.

Nam trong nhiều năm.

Thiệu tham gia Atlante từ tháng 3 đến tháng 7-1954. Được thăng chức thiếu tá ngày 1-3-1954, hiển nhiên ông nhận trách nhiệm chỉ huy một trung đoàn địa phương tân lập ở Ninh Thuận. Trong tháng 3-1954, ông trở thành tiểu khu trưởng, tuy điều này chưa được kiểm chứng. Thiệu kể lại với tuần báo Time rằng trong chiến dịch Atlante, ông đã chỉ huy các lực lượng để quét sạch cộng sản ở làng ông. “*Cộng quân lui vào nhà cũ của Thiệu, tin ông sẽ không bắn vào nhà ông. Thiệu khoái trá kể lại: Tôi đã bắn thẳng vào nhà tôi.*”⁽⁴²⁾ Ông cũng nói đã tham gia giai đoạn II Atlante và tuyên bố “*Tôi là người đầu tiên lên tàu, tái chiếm sông Cầu, nam Qui Nhơn, vì vùng đó nằm dưới sự kiểm soát của Việt Cộng.*”⁽⁴³⁾

Sau đó, Thiệu về vùng II làm sĩ quan tác chiến. Lúc này bộ chỉ huy vùng II nằm ở Huế. Tháng 9-1954, ông được thăng chức phó tư lệnh vùng II.⁽⁴⁴⁾ Tại sao Thiệu không bao giờ chỉ huy một tiểu đoàn Quân Đội Quốc Gia Việt Nam, nhất là khi ông được các tư lệnh Pháp đánh giá cao? Đây vẫn là câu hỏi lớn chưa có trả lời. Đỗ Mậu cùng phục vụ với Thiệu ở Hưng Yên, nói Thiệu là người “*nghiêm túc, khôn ngoan, có khả năng làm việc trong ban tham mưu. Ông được tướng Pháp De Linares đánh giá cao. Tướng De Linares đã nhận định Thiệu như sau: Thông minh sâu sắc, cần cù, làm việc có phương pháp và tỉ mỉ. Một sĩ quan giỏi, có nhận thức nổi bật về các vấn đề tổ chức và nhu cầu bảo mật.*”⁽⁴⁵⁾

Sự bại trận của Pháp ở Điện Biên Phủ đẩy mạnh việc ký kết hiệp định Geneva ngày 20-7-1954, chia đôi Việt Nam ở vĩ tuyến 17. Tại thời điểm đó, cả Bắc lẫn Nam Việt Nam đều chưa hiện hữu, nhưng hiệp định Geneva đã buộc hai nhà

⁽⁴²⁾“*South Vietnam: A Vote for the Future - Miền Nam Việt Nam: Lá Phiếu Cho Tương Lai.*” Báo Time, 15-9-1967.

⁽⁴³⁾ Phỏng vấn của Engelman với Thiệu

⁽⁴⁴⁾ Trần Ngọc Thống, Hồ Đắc Huân, Lê Đình Thụy, “*Lược sử Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.*” San Jose, CA: Huong Que Publishing, 2011, tr. 45.

⁽⁴⁵⁾ Đỗ Mậu, “*Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi.*” Tr. 767.

nước đang tranh chấp đòi quyền thống trị toàn quốc Việt Nam chấp nhận chia đôi đất nước. Ít lâu sau người Quốc Gia bị cuốn vào các thay đổi khổng lồ với sự xuất hiện của Ngô Đình Diệm. Để hoàn tất cái nhìn đại cương, trước hết hãy xét xem những người Quốc Gia đó đích thị là người nào?

• Những người Quốc Gia

Độc giả thường bối rối vì tính phức tạp, hỗn loạn của chính trị Việt Nam và hành động phi lý của các nhân vật trong cuộc. Ở thời điểm này, người Mỹ đang cố tìm hiểu cả cơ cấu vận hành bên trong con người những nhân vật lãnh đạo Việt Nam, lẫn cơ cấu vận hành chính trị Việt Nam.

Việc tìm hiểu đó biểu hiện rõ ràng nhất trong thiên Corinthians của thánh Kinh: “*Lúc này, chúng ta đang nhìn qua một cái gương, mờ tối.*”⁽⁴⁶⁾ Các ký giả Mỹ và viên chức sứ quán Mỹ thường tìm hiểu chính trị Việt Nam qua lăng kính của giới trí thức Sài Gòn. Thú vui chính trong giờ rảnh rỗi của những trí thức Sài Gòn này thường chỉ là bàn chuyện tầm phào hoặc vận động để có quyền lực. Những vận động đó thường có hại cho người Quốc Gia. Một thí dụ nổi bật là ký giả Việt Nam và gián điệp nằm vùng Phạm Xuân Ẩn, một người thường xuyên cho tin các ký giả Mỹ.

Ở thôn quê miền Nam, ảnh hưởng Khổng giáo vẫn còn, nhưng rất mờ nhạt. Tuy thế, các nông dân cần cù cày bừa thường chấp nhận nguyên tắc cổ truyền về vai trò của kẻ cai trị và kẻ bị trị. Bởi thế, họ thường có thái độ lãnh đạm trước phản ứng nghiêm khắc của kẻ cai trị đối với những kẻ bất đồng ý kiến. Sự lãnh đạm này, hòa hợp với các yếu tố khác như khuynh hướng muốn tránh xa chính quyền của xã hội Việt Nam, nguồn gốc bí mật của các đảng phái chính trị và đầu óc độc đoán của các nhân vật lãnh đạo, đã giải thích tại sao đa số người nắm quyền cai trị Việt Nam lại chọn cách cai trị kiểu độc đoán. Rủi thay, một chế độ độc đoán, bất kể

⁽⁴⁶⁾ 1 Corinthians 13:12

ở hoàn cảnh nào, vẫn khó phù hợp với quan niệm cai trị của người Tây Phương, và chính chế độ độc đoán đó đã tạo ra sự chia rẽ căn cốt của nước Mỹ đối với Miền Nam Việt Nam.

Giữa những người Quốc Gia, có 4 khía cạnh mâu thuẫn chính trị xã hội cơ bản: chính trị, tôn giáo, vùng miền và chủng tộc. Trên bình diện chính trị, hai đảng Quốc Gia lớn nhất và lâu đời nhất là Đại Việt và Việt Nam Quốc Dân Đảng. Cả hai đều bắt nguồn từ miền Bắc như nhiều tổ chức cách mạng chống Pháp. Các đảng viên hai đảng này không giống đảng viên Dân Chủ và Cộng Hòa của Mỹ. Họ thực sự là đảng viên của hai hệ phái tranh chấp có cùng triết quan.

Sự thất bại, không đạt thể thượng phong chính trị ở Việt Nam của người Quốc Gia là do hai vấn đề. Vấn đề đầu tiên là lãnh đạo. Cả Cộng Sản lẫn Pháp đều lấy các nhân vật lãnh đạo Quốc Gia chính làm mục tiêu tiêu diệt. Vấn đề thứ hai là các đảng Quốc Gia không thể hoạt động công khai trong giai đoạn thực dân và các giai đoạn sau. Đây cũng là vấn đề của đảng cộng sản. Chẳng hạn Đại Việt bị các chính quyền thực dân Pháp cấm hoạt động rồi lại bị cấm hoạt động khi Hồ nắm quyền ở Hà Nội năm 1945. Cộng Sản tuyên bố các đảng viên Đại Việt âm mưu “*thực hiện các hành động có hại cho kinh tế và sự độc lập của đất nước.*” Nếu Đại Việt tiếp tục “*tự họp và có các cuộc họp đảng, những kẻ vi phạm sẽ bị trừng phạt nặng nề theo luật pháp*” tức là họ sẽ bị diệt. ⁽⁴⁷⁾

Ngô Đình Diệm cũng cấm Đại Việt hoạt động vì coi đảng viên Đại Việt là kẻ tranh quyền chứ không phải người bạn hợp tác chống cộng. Sự đàn áp này làm suy yếu tất cả nỗ lực tạo lập cơ cấu dân chủ của một chính quyền cộng hòa như Quốc Hội Ấn Độ thời thuộc địa Anh.

Bị cấm hoạt động công khai, đảng viên Quốc Gia lui vào bóng tối để tổ chức, phát triển và quan trọng hơn hết là

⁽⁴⁷⁾ Lệnh được Võ Nguyên Giáp, bộ trưởng Nội Vụ ký, ngày 5-9-1945, trong *Việt Nam Dân Quốc Công Báo*, ngày 9-9-1945. Tác giả cảm tạ Ts Stephen Young đã cho tài liệu này.

để bảo vệ chính họ. Các tiểu tổ đảng, phần lớn là giữa những người sống ở thành phố, thường sử dụng kỹ thuật bí mật để liên lạc. Lãnh tụ Đại Việt Nguyễn Ngọc Huy ghi nhận hoạt động bí mật này “*cản trở môi trường truyền bá của đảng, ngăn chặn không cho phép đảng viên mở rộng địa bàn chính trị.*”⁽⁴⁸⁾ Trong hoàn cảnh khó khăn này, thay vì xây dựng để tiến dần từ hạ tầng lên các nấc lãnh đạo thượng tầng, các đảng Quốc Gia lại tìm cách cai trị từ thượng tầng lãnh đạo xuống thấp. Mọi lãnh tụ đều cố gắng lập “*một đảng của những đảng viên trung kiên, đủ lớn, đủ lan tỏa để kiểm soát chính quyền địa phương trong khắp quốc gia và các dạng thức, quá trình dân chủ — lập pháp và bầu cử.*”⁽⁴⁹⁾

Ngày 10-12-1939, một lãnh đạo trí thức có tài là Trương Tử Anh sáng lập đảng Đại Việt ở Hà Nội. Đại Việt có lẽ là đảng Quốc Gia lớn nhất ở Miền Nam Việt Nam, tuy ở các tỉnh miền Trung VNQĐĐ vẫn có nhiều đảng viên hơn. Cuối năm 1946, khi Trương Tử Anh mất tích, các đảng viên Đại Việt tin rằng Việt Minh đã ám sát ông. Việc này khiến nhiều đảng viên Quốc Gia về phe với Pháp để chống Cộng.

Cái chết của Trương Tử Anh cũng khiến đảng Đại Việt mất vị lãnh đạo đã đoàn kết được toàn đảng. Đại Việt dần dần chia thành ba nhóm. Nhóm thứ nhất là một nhóm nhỏ ở miền Bắc thường bị gọi một cách khinh miệt là nhóm Đại Việt Quan Lại vì các thành viên đa số là người Bắc có học thức cao. Những người như Bùi Diễm, Phan Huy Quát, Trần Văn Đỗ, Đặng Văn Sung là một phần của nhóm này và tất cả nhóm Đại Việt Quan Lại, ở một thời điểm nào đó, đã làm việc cùng chính quyền Bảo Đại. Vì là người Bắc, họ ít được người Miền Nam ủng hộ, nhưng trình độ học vấn đã khiến họ trở thành các ứng cử viên sáng giá cho chính quyền Bảo

⁽⁴⁸⁾ Nguyen Ngoc Huy, “*Political Parties in Vietnam - Các Đảng Chính Trị ở Việt Nam.*” The Vietnam Council on Foreign Relations, 16-11-1970.

⁽⁴⁹⁾ Edward Lansdale, Calvin Mehlert & Charles Sweet, “*Nationalist Politics in South Vietnam - Chính Trị Quốc Gia ở MNVN.*” Sứ Quán Mỹ, Sài Gòn, Tháng 5-1968, tr.6

Đại. Tuy cố tìm cách để có một chính phủ hiến pháp hợp thức hóa các quyền tự do căn bản, vì nhân số ít ỏi, họ bị buộc phải dùng phương pháp thuyết phục, một phương thức thiếu hiệu lực trong một xã hội quân nhân cai trị.

Nhóm Đại Việt thứ hai là Đại Việt Cách Mạng có phần lớn địa bàn ở các tỉnh miền Trung như Quảng Trị, Thừa Thiên. Hà Thúc Ký là trưởng nhóm, nhưng mãi năm 1965 nhóm mới chính thức trở thành đảng Đại Việt Cách Mạng. Sinh ngày 1-1-1919 ở Huế, là sinh viên Đại Học Hà Nội, năm 1939, Hà Thúc Ký trở thành đảng viên Đại Việt và về sau tham gia Việt Minh chiến đấu chống Pháp. Giữa năm 1946, khi biết Cộng Sản định ám sát ông, Ký trốn khỏi hàng ngũ Việt Minh. Cuối năm 1950, ông được chọn chỉ huy chi nhánh Đại Việt ở miền Trung. Trong không khí chính trị sôi sục, ít lâu sau ông trở thành nhân vật gây tranh luận dữ dội. Sau khi Diệm thắng thế, nhóm Hà Thúc Ký thúc đẩy một số đơn vị Quân Đội Quốc Gia Việt Nam ở Quảng Trị nổi loạn. Được gọi là biến động Ba Lòng, ngày 15-3-1955, cuộc nổi loạn bị các đội quân trung thành của Quân Đội Quốc Gia Việt Nam dẹp tan. Ký trốn ở Sài Gòn, lập một đài radio bí mật ủng hộ Đại Việt và chống Diệm. Giữa tháng 10-1958, ông bị bắt và bị tuyên án khổ sai chung thân. Sau cuộc đảo chánh Diệm, ông được thả.

Nhóm cuối cùng, nhóm Đại Việt lớn nhất và mạnh nhất, là một nhánh ở miền Nam, có lãnh đạo là bác sĩ Nguyễn Tôn Hoàn và Nguyễn Ngọc Huy. Nhánh này gồm nhiều người Nam trong giới quý tộc. Diệm đã đày Hoàn và Huy sang Pháp nhưng sau cuộc đảo chánh, cả hai trở về Việt Nam.⁽⁵⁰⁾ Tuy Đại Việt có nguồn gốc độc đoán, nhưng tương tự đảng viên Đại Việt miền Bắc, dần dần Hoàn và Huy cũng kết luận

⁽⁵⁰⁾ Nguyễn Ngọc Huy sinh ở Sài Gòn, lớn lên ở Biên Hòa. Năm 17 tuổi, sau khi cha mất, ông nghỉ học và làm việc như một công chức. Năm 1945, ông gặp Nguyễn Tôn Hoàn và được giới thiệu vào đảng Đại Việt. Tổng Thống Diệm đày cả hai ông sang Pháp năm 1955. Ông Huy đã đi học ở Pháp và tốt nghiệp tiến sĩ ngành khoa học chính trị.

dân chủ là một hệ thống chính trị tốt hơn. Huy là một trong những trí thức thượng thặng của các đảng viên Quốc Gia. Ông là động lực chính trong quá trình chuyển dạng những suy nghĩ chính trị của chi nhánh Đại Việt miền Nam từ một nhóm cách mạng toan tính lật đổ chế độ, thành một đảng chính trị tìm quyền lực qua lá phiếu.

Tuy thế, Hà Thúc Ký không đồng ý với kết luận của Huy. Thay vì tìm đạt quyền lực bằng cách vận động bầu cử, chi nhánh của ông tiếp tục hoạt động bí mật tạo ảnh hưởng với viên chức cao cấp điều hành chính phủ. Sự hình thành chi nhánh Đại Việt Cách Mạng của ông là một toan tính giữ đúng tôn chỉ ban đầu của đảng. Trục diện với vấn đề chia rẽ đảng phái bất khả hàn gắn, cuối năm 1969, Huy và Hoàn thành lập đảng Tân Đại Việt. Tân Đại Việt phát triển thành phong trào Quốc Gia Cấp Tiến và trở thành một trong các đảng chính trị quan trọng nhất ở Miền Nam Việt Nam thời Đệ Nhị Cộng Hòa chỉ đứng sau đảng Dân Chủ của tổng thống Thiệu và đảng Công Nông của lãnh tụ Trần Quốc Bửu.

Việt Nam Quốc Dân Đảng là đảng Quốc Gia lâu đời nhất của Việt Nam. Thành lập ngày 25-12-1927, đảng trưởng đầu tiên là Nguyễn Thái Học. Ngày 10-2-1930, VNQDD mở cuộc nổi loạn lừng danh chống Pháp ở Yên Bái. Xử dụng cả các đơn vị lính Việt Nam nổi loạn lẫn người đi theo, các đảng viên VNQDD đã giết một số lính Pháp, nhưng Pháp nhanh chóng đè bẹp cuộc nổi loạn. Nguyễn Thái Học bị bắt và bị xử tử. Câu nói của ông trước khi lên đoạn đầu đài đã khích lệ hàng ngàn người Việt cam kết với lý tưởng Quốc Gia: “*Không thành công cũng thành nhân.*”⁽⁵¹⁾

Ngoại trừ đảng Cộng Sản, một đảng thắng tay tiêu diệt các đảng viên đi trệch hướng như đảng viên Trotsky, đệ tứ Cộng Sản, VNQDD như đa số đảng Việt Nam khác, cũng chia thành nhiều nhánh sau khi đảng trưởng qua đời. Một

⁽⁵¹⁾ Đặng Văn Sung, “*To the Vietnamese Nationalist Leaders – Gửi Các Nhân Vật Lãnh Đạo Quốc Gia Việt Nam.*” Tr. 7.

đảng viên người Bắc là Vũ Hồng Khanh dần dần nắm quyền kiểm soát chi nhánh chính. Khanh là người Bắc tính tình độc đoán và là một sáng lập viên của đảng đã chiến đấu trong cuộc khởi nghĩa Yên Bái. Khi cuộc khởi nghĩa thất bại, Khanh trốn sang Trung Hoa, tham gia quân đội Quốc Gia của Tưởng Giới Thạch. Tuy có tham gia Việt Minh lúc đầu, sau khi nhìn thấy cách hoạt động Cộng Sản của Hồ, ông rút khỏi hàng ngũ Việt Minh. Năm 1954, Khanh vào Nam, lãnh đạo nhóm của ông chống lại Diệm. Năm 1955, Khanh chỉ huy một nhóm du kích ở Quảng Nam, nhưng cũng như cuộc nổi loạn thất bại của Hà Thúc Ký, cuộc nổi loạn của Khanh nhanh chóng bị dẹp. Bị bắt từ năm 1958, một thời gian ngắn sau cuộc đảo chánh Diệm, Khanh được thả. Nhóm của ông mạnh nhất ở miền Trung và có số đảng viên lớn nhất trong các đảng chính trị ở vùng đó.

• Các nhóm quân sự và Không Tôn Giáo.

Bên trong quốc gia, đảng giữ quyền lực nhiều nhất là quân sự, thường gọi là đảng Ka Ki. Quân sự là một phần tử Quốc Gia có tổ chức chặt chẽ nhất ở Miền Nam Việt Nam, nhưng vẫn bị chia rẽ vì phe nhóm, bè phái. Sĩ quan người Nam thường không thích sĩ quan người Bắc và nhiều sĩ quan không tin những người đã rời bỏ hàng ngũ Việt Minh. Các tranh chấp Phật Giáo - Thiên Chúa Giáo cũng sôi sục phía dưới bề mặt. Những nhân viên cao cấp cực kỳ khắt khe trong việc thăng thưởng: một sĩ quan tốt nghiệp khóa trước thường ghét phải làm việc dưới quyền người tốt nghiệp ở các khóa sau. Quân đội chính quy coi thường các lực lượng địa phương trong khi các đơn vị tinh nhuệ như Thủy Quân Lục Chiến, Nhảy Dù, Biệt Động Quân thường không nhận lệnh từ sĩ quan ở những binh chủng khác. Và hơn tất cả, “*vấn đề làm ăn*” tức là các hoạt động phi pháp thường dẫn đến các quan hệ căng thẳng. Qua một thời gian dài, lại có thêm căng thẳng xuất hiện giữa những người thân Nguyễn Cao Kỳ và

người thân Nguyễn Văn Thiệu. Tổng kết những sự chia rẽ này làm giảm hiệu lực quân sự. Thêm vào đó, còn nhiều áp lực khác như phải tác chiến, thương tổn, lương thấp, tinh thần chiến đấu thấp và phải di chuyển gia đình từ nơi này sang nơi khác.

Một nhóm gây áp lực lớn khác là sinh viên, học sinh, đa số ở Sài Gòn và Huế. Thường là yên lặng, lúc này họ bùng ra chống đối chính quyền Diệm. Tổng thống đưa cảnh sát đến đàn áp khiến họ bắt đầu có nhận thức chính trị. Hoạt động chống đối của sinh viên và các nhóm Phật Giáo hiệu chiến là một hỗn hợp chính trị dễ chuyển hướng đã kéo dài nhiều năm. Năm 1970, phong trào học sinh, sinh viên chống đối trở thành động lực kích động chính trong các thành phố.

Các nhóm khác không thuộc chính phủ như nhóm lao động, cũng có sức mạnh chính trị. Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam là một liên đoàn nổi tiếng. Được biết qua tên tắt tiếng Pháp CVT, liên đoàn có địa bàn hoạt động chính ở Sài Gòn và cũng có các chi nhánh quan trọng ở Đà Nẵng và vùng đồng bằng Cửu Long. Nhân số thay đổi nhưng ở cao điểm Liên Đoàn Lao Động tuyên bố có 300.000 đoàn viên. Trần Quốc Bửu là chủ tịch liên đoàn.

Sinh ở Bình Định, cuối thập niên 1930 Bửu dọn về Sài Gòn. Tháng 2-1941 vì hoạt động chống Pháp, ông bị Pháp bắt giam ở Côn Sơn. Một bạn tù của ông là Phan Khắc Sửu, quốc trưởng tương lai của Miền Nam Việt Nam. Năm 1945, Bửu được tha. Sau thời gian ngắn tham gia Việt Minh, ông rời hàng ngũ. Tháng 10-1949, Bửu lập liên đoàn lao động.

Ngô Đình Nhu, em và cố vấn chính của tổng thống Diệm, là một trong số người đầu tiên ủng hộ liên đoàn. Ông giúp Bửu xây dựng liên đoàn, vừa như một thành trì chống Pháp, vừa như một khí giới loại bỏ các lung lạc, kêu gọi giới công nhân của cộng sản. Lúc đầu quan hệ đó tiến triển khả quan. Từ 1961, hai ông bắt đầu tranh chấp giành quyền điều khiển liên đoàn. Tháng 10-1963, Bửu không còn chịu nổi anh em ông Diệm. Tuy trước và ngay sau cuộc đảo chánh,

liên hệ của ông với nhóm quân sự vẫn còn mập mờ, hiển nhiên Bửu đã cam kết ủng hộ đảo chánh. Cam kết đó khiến ông vẫn được nắm quyền điều khiển phong trào lao động ông yêu quý. Sau một thời gian, Bửu khai triển ba triết thuyết bao trùm: tăng cường sức mạnh liên đoàn, tận tụy với chủ nghĩa Quốc Gia và chủ nghĩa chính trị thực tiễn. Trong triết quan này, ông chọn đứng ngoài chính phủ nhưng tự hạn chế chống đối, kích động chính trị. Cách làm việc với chính quyền, nhưng vẫn giữ khoảng cách riêng. khiến Bửu trở thành một nhân vật hiếm hoi bên ngoài có ảnh hưởng đối với chính sách của chính phủ.⁽⁵²⁾ Một nhóm khác ảnh hưởng xã hội Việt Nam, nhưng không thuộc chính phủ là những người lưu vong ở Pháp. Những người lưu vong này không là một nhóm có tính cách tập đoàn điển hình. Một số là cựu viên chức của Bảo Đại. Một số khác là các bộ trưởng đã tình nguyện phục vụ trong chính quyền Diệm. Đa số đề nghị một giải pháp trung lập hoặc hòa giải chính trị với Cộng Sản. Ở Việt Nam, họ không có sự ủng hộ lớn lao. nhưng mỗi khi tình hình Việt Nam có vẻ sắp có giải pháp dung hòa thì tên tuổi một nhân vật lưu vong nào đó lại được trưng ra như đại biểu để điền vào khoảng trống giữa người cộng sản và quốc gia.

Nhóm đứng ngoài chính phủ cuối cùng dĩ nhiên là người Cộng Sản. Bất kể phương thức và triết lý của họ có được đồng ý hay không, những chương trình xã hội tập thể và chính trị rạch ròi, hợp lý của cộng sản vẫn hấp dẫn đối với một số thành phần không có quyền bầu cử. Cộng sản có một hợp đồng tập thể thuần nhất kêu gọi sắp xếp lại trật tự xã hội, trong khi suy nghĩ chính trị của người Quốc Gia là những suy nghĩ chấp chới, bất định trước những ý kiến đối kháng của Trung Hoa, Nhật và Pháp. Khi những biến động xã hội trong thập niên 1960 quét qua địa cầu, tổ chức Cộng Sản ở

⁽⁵²⁾ “*Dữ kiện tiểu sử về Trần Quốc Bửu.*” Điện tín sứ quán Mỹ ở Sài Gòn A-167 ngày 31-7-1974

Miền Nam là Mặt Trận Giải Phóng trở thành hấp dẫn như một phong trào và một ý thức hệ cho cảm xúc thiên tả, bất kể các diễn dịch về sự tự do của ý thức hệ đó có đồng nghĩa với sự tự do của Tây Phương hay không. MTGP ngày càng lớn mạnh cho đến Tết Mậu Thân 1968. Những tổn thất nặng nề sau cuộc tấn công Mậu Thân và sự rút lui của những đơn vị chính quy cộng sản năm 1969 đã cho phép chính quyền Thiệu triệt hạ rõ rệt nhân số thành viên MTGP.

• Các nhóm tôn giáo

Sau nhiều năm bị Cộng Sản ám sát, bị Diệm đàn áp, các đảng phái chính trị và các tổ chức ngoài chính phủ đã tan vỡ và hết sức yếu đuối. Tầm quan trọng của các tổ chức này kém xa những tổ chức tôn giáo, địa phương. Nền tảng xã hội và giá trị văn hoá Việt Nam được đặt trên căn bản Tam Giáo (Phật, Lão, Khổng) và đạo thờ cúng ông bà. Phật Giáo, Khổng giáo, Thiên Chúa Giáo và ở mức độ thấp hơn, Hòa Hảo, Cao Đài là những tôn giáo chính. Du nhập từ văn hóa Trung Hoa từ lâu đời, Phật Giáo là tôn giáo lớn nhất của Miền Nam Việt Nam. Dân số khoảng 12 triệu của Việt Nam thời gian này, có khoảng 3 đến 4 triệu người theo Phật Giáo, trong đó phân nửa là phật tử sùng đạo. Khoảng từ 3 đến 4 triệu theo đạo Khổng. Một số nề nếp của Khổng Giáo có liên quan ít nhiều với đạo Phật, đạo Lão và đạo thờ cúng ông bà. Khoảng 1 triệu rưỡi người theo Thiên Chúa giáo và hai triệu khác theo Hòa Hảo hoặc Cao Đài.

Tín đồ Phật tử ở Miền Nam có nhiều hệ phái, nhưng đại cương có thể phân thành ba nhóm chính trị. Chẳng có gì ngạc nhiên khi ba nhóm đó chia theo ranh giới ba miền. Một nhóm ở các tỉnh miền Trung, một nhóm khác là dân Bắc Kỳ tị nạn đã định cư quanh Sài Gòn và nhóm thứ ba là nhóm ở đồng bằng Cửu Long. Tín đồ Phật Giáo hiểu chiến đa số ở các tỉnh miền Trung, các vùng quanh vùng I. Thích Trí Quang, nhân vật lãnh đạo Phật Giáo khích động nổi bật nhất nước đứng đầu nhóm này. Tuy chỉ mang tước hiệu có tính

cách tinh thần, Trí Quang là một người có tài hô hào. Để kêu gọi giới tăng lữ thường lãnh đạm với các vấn đề chính trị, và kích động ý kiến dư luận, ông trình bày những vấn đề chính trị bằng những ngôn từ tôn giáo mạnh bạo như “*bảo vệ đức tin*” hoặc “*tự do tín ngưỡng*.” Tuy bị tố cáo là có cảm tình với cộng sản, những kêu gọi hùng hồn của Trí Quang biểu hiện lòng ái quốc, chống tư bản và tuyên ngôn “*hòa bình bằng mọi giá*.” Ông không ủng hộ cộng sản, nhưng các cương lĩnh ông đưa ra ngậy thơ trên phương diện chính trị và một số ngôn từ kêu gọi của ông quá gần với Hà Nội khiến chính quyền Sài Gòn và Hoa Thịnh Đốn cảm thấy khó chịu.⁽⁵³⁾

Thích Tâm Châu ⁽⁵⁴⁾ lãnh đạo nhóm Phật Giáo quanh thủ đô, phần đông là người Bắc di cư, vì thế ủng hộ chính quyền. Tâm Châu là chủ tịch Tổng Hội Phật Giáo, một cấu trúc cai trị yếu nằm bên trên nhiều tổ chức Phật Giáo của Việt Nam. Cũng như Trí Quang, mục đích chính của ông là đoàn kết nhiều nhóm. Để giáo hội Phật Giáo có một địa vị hợp pháp, Tâm Châu ủng hộ hiến chương lập giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất của chính phủ. Ông đã thuyết phục thành công 14 trong 16 hệ phái tham gia giáo hội Phật Giáo Thống Nhất. Sau cuộc đảo chánh Diệm, Tâm Châu cùng làm việc với Trí Quang lúc đầu, nhưng về sau ông cắt đứt sự hợp tác đó và ủng hộ chính phủ Sài Gòn. Nhóm thứ ba, đa số là người Cam Bốt ở mé dưới vùng đồng bằng Cửu

⁽⁵³⁾ Có thể tìm hiểu chi tiết sâu hơn về phong trào Phật Giáo qua các bài viết Mark Moyar, “*Political Monks: The Militant Buddhist Movement during the Vietnam War*,” *Modern Asian Studies* 38, 4-2004. 749–784; Robert Topmiller, “*Struggling for Peace: South Vietnamese Buddhist Women and Resistance to the Vietnam War*,” *Journal of Women’s History* 17. 3-2005, 133–157; James McAllister, “*Only Religions Count in Vietnam: Thích Trí Quang and the Vietnam War*,” *Modern Asian Studies* 42, no. 4, 2008. 751–782.

⁽⁵⁴⁾ Thích Tâm Châu sinh ngày 2-11- 1921 ở Ninh Bình. Ông vào Nam đầu thập niên 1950, nơi ông là thành viên sáng lập Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam ở Huế. Khi Giáo hội Phật Giáo VN Thống Nhất hình thành tháng 1- 1964, ông là viện trưởng Viện Hóa Đạo, chức vụ ông giữ cho đến năm 1967.

Long và những người nam khác, chẳng để ý gì đến chính trị.

Thiên Chúa Giáo là một tổ chức có cấu trúc cao nhất ở Miền Nam Việt Nam sau quân đội và đảng Cộng Sản. Thiên Chúa Giáo có khoản tài chánh đầu tư đồ sộ hơn Phật Giáo nhiều, cho phép giáo hội Công Giáo đóng góp vào một hệ thống trường học và các cơ sở xuất bản tạo thành một hạ tầng cơ sở đáng nể khắp toàn quốc. Giáo hội Công Giáo Việt Nam cũng là bộ phận gắn liền với hệ thống tổ chức mạng lưới từ thiện Công Giáo toàn cầu. Tổ chức này gửi người đến giúp đỡ các hội từ thiện. Rủi thay, vì các linh mục thường do Pháp huấn luyện và giáo dục, giáo hội Công Giáo đã thịnh vượng vì hảo tâm của chính quyền thực dân. Vì thế Công Giáo bị cho là hoạt động vì lợi ích của Pháp. Nhiều tín đồ Phật Giáo xem tín đồ Công Giáo là tay sai cho Pháp. Một câu nói phổ thông tóm gọn thái độ này: “Những người Công Giáo Việt Nam là những cái chân của con cua Pháp bò qua đất nước ta.” Tuy người Phật Giáo và Cộng Sản toan tính tô vẽ người Công Giáo là tay sai của Pháp, cả nhà thờ Công Giáo địa phương lẫn giáo dân đều là những người Quốc Gia hết lòng và vì thế chống Cộng dữ dội.

Giáo dân Công Giáo ở Miền Nam Việt Nam được tổng giám mục Nguyễn Văn Bình dẫn dắt. Là người ôn hòa, ông được đa số nể trọng, ngay cả đa số tín đồ Phật Giáo. Giám mục Bình im lặng chỉ trích Diệm, nhưng là người một lòng ủng hộ các chính phủ tương lai. Công giáo, ngoài mặt có vẻ đoàn kết hơn Phật Giáo, cũng có các vết rạn do tranh chấp địa phương. Linh mục Hoàng Quỳnh là đại biểu có tiếng nhất của khoảng 800.000 dân Bắc di cư. Ở miền Bắc, linh mục Quỳnh đã chỉ huy dân vệ ở Phát Diệm ngăn chặn các lực lượng cộng sản nhiều năm. Sau hiệp định Geneva, ông đưa các giáo dân vào Nam và dần dần định cư giáo xứ của ông ở Sài Gòn, nơi ông trở thành gần gũi với ông Diệm. Sự đe dọa của tín đồ Phật Giáo hiếu chiến năm 1965 khiến linh mục Quỳnh lập Khối Giáo Dân Công Giáo, về sau chuyển dạng thành một đảng chính trị Công Giáo gọi là Nhân Xã.

Linh mục Quỳnh trở thành nhân vật lãnh đạo chính trị. Khối Công Dân Công Giáo cho ông một tôn chỉ đòi hỏi chiến thắng quân sự với cộng sản. Cuối cùng, có một nhóm Công Giáo nhỏ nhưng to tiếng phản chiến của các linh mục phản chiến, hàng ngũ ngày càng lớn khi cuộc chiến kéo dài.

Hai tôn giáo quan trọng khác ở Miền Nam Việt Nam là Cao Đài và Hòa Hảo. Giáo phái Cao Đài chính thức lập ra ở Tây Ninh năm 1926. Tuy là tôn giáo đa thần khác thường, Cao Đài nhanh chóng có nhiều tín đồ và ngự trị ở vùng dọc theo biên giới Cam Bốt ở mé Tây Sài Gòn. Giáo phái Cao Đài lập một quân đội lớn. nhưng Diệm đã hợp tác được với giới lãnh đạo Cao Đài để họ tham gia chính quyền của ông. Hòa Hảo là một phong trào Phật giáo mới do Huỳnh Phú Sổ lập ra năm 1939 ở các tỉnh phía Tây, Châu Đốc, An Giang vùng đồng bằng Cửu Long. Được những người đi theo cho là nhà tiên tri, ông chống cả Pháp lẫn Việt Minh. Sau các biến cố lớn ngày 2-9-1945, ở Hà Nội và ảnh hưởng ngày càng lớn của Cộng Sản, ngày 9-9, Huỳnh Phú Sổ toan tính đuổi Việt Minh ra khỏi Cần Thơ, thủ đô của đồng bằng Cửu Long. Vì giáo dân Hòa Hảo không đủ vũ khí và không được huấn luyện quân sự, Việt Minh đã tàn sát họ. Nhận thấy giáo đồ Hòa Hảo sẽ không hợp tác, ngày 15-4-1947, Việt Minh bắt và hành hình Huỳnh Phú Sổ.⁽⁵⁵⁾

Sau khi Việt Minh giết giáo chủ Huỳnh Phú Sổ, giáo phái Hòa Hảo vĩnh viễn thành kẻ thù của Việt Minh. Cũng như các nhóm khác, cái chết của nhân vật lãnh đạo chia rẽ giáo phái Hòa Hảo. Hai nhánh mới hình thành và các khác biệt không vì tín ngưỡng mà thường do vấn đề cá nhân và chính trị. Tuy chống Cộng dữ dội, Hòa Hảo không chịu hợp nhất với chính quyền Sài Gòn. Pháp đã lập quân đội Hòa Hảo, nhưng chỉ để mở rộng sự kiểm soát của họ trong nước.

⁽⁵⁵⁾ Francois Guillemot, “Autopsy of a Massacre: On a Political Purge in the Early Days of the Indochina War - Khảo sát một Cuộc Tàn Sát: Về một Cuộc Thanh Trừng Chính Trị Trong Những Ngày Đầu Cuộc Chiến Đông Dương.” *European Journal of East Asian Studies* 9-2010. Tr. 225-265.

Năm 1956, Diệm gửi các đội quân đi tiêu diệt lính Hòa Hảo không chính quy. Hết đường chọn lựa, giáo phái Hòa Hảo đồng ý trung thành với chính phủ Sài Gòn và không lâu sau các tỉnh chính của Hòa Hảo như Châu Đốc, An Giang gần như hoàn toàn không có Cộng Sản. Tuy thế, khi cuộc chiến kéo dài, sự mong mỏi tự trị lâu đời của Hòa Hảo lại sống dậy. Năm 1974, giáo phái Hòa Hảo và chính quyền Thiệu đã tranh chấp khi giáo phái muốn có lực lượng tự vệ riêng. Phần lớn người Hòa Hảo đã xem chính quyền Miền Nam Việt Nam như một tiền đồn bảo vệ đất đai của họ không rơi vào tay Cộng Sản.

● Những Chia Rẽ Chung Tộc.

Chung tộc cũng đóng một vai trò quốc gia quan trọng. Thiếu số quan trọng nhất ở Miền Nam Việt Nam là người Cam Bốt tập trung ở vùng đồng bằng Cửu Long, người Hoa, khoảng 700.000 trong số 1 triệu sống ở Sài Gòn, Chợ Lớn, và khoảng 1 triệu người Thượng ở cao nguyên Trung Phần. Một số người Thượng dùng ngôn ngữ gốc Mã Lai, Nam Dương, một số dùng ngôn ngữ gốc Mon Khmer. Những người Thượng này chia thành khoảng 35 bộ lạc và các nhóm nhỏ khác biệt. Họ sống một cuộc sống du mục bán phần ở rừng núi và các bình nguyên Trung Phần.

Người Việt kỳ thị cả ba chủng tộc đó khiến vấn đề thù nghịch chủng tộc giữa các nhóm gia tăng. Người Khmer, hậu duệ của đế quốc Cam Bốt đã có lần làm chủ vùng đồng bằng Cửu Long thường không được thăng thưởng trong quân đội và công chức. Người Thượng bị coi như người man rợ. Đất và gỗ của họ thường bị người Việt tùy nghi sử dụng.

Do sự đô hộ lâu dài của người Trung Hoa ở Việt Nam, sự thù nghịch mãnh liệt nhất là giữa hai chủng tộc này. Vì là một phần của đế quốc Trung Hoa đã hàng ngàn năm, người Việt thường chống cự mãnh liệt sự cai trị của Trung Hoa, nhưng lại chia xẻ với Trung Hoa rất nhiều về mặt văn hóa. So với mọi sắc tộc thiểu số ở Miền Nam Việt Nam, người

Trung Hoa có ảnh hưởng lớn nhất. Lý do là thương mại. Như các cộng đồng Trung Hoa khác ở Đông Nam Á, người Hoa ở Việt Nam cũng chế ngự thị trường. Người Pháp đưa những người Hoa lao động vào Việt Nam và cho phép người Hoa duy trì các mạng lưới thương mại đã có từ trước, nhất là những vụ mua bán gạo ở Miền Nam Việt Nam.

Sự rút dần hoạt động thương mại của Pháp khiến các hoạt động đó nằm trong tay đa số người Hoa. Đa số doanh nhân và viên chức Việt bất bình vì người Hoa nắm ưu quyền thương mại và muốn dùng luật pháp giảm dần ảnh hưởng kinh tế của người Hoa. Sự hiện diện của giới kinh doanh Hoa và ảnh hưởng của họ đối với nền kinh tế Việt Nam khiến Diệm đưa ra nhiều đạo luật chống giới kinh doanh người Hoa. Chẳng hạn chủ các xưởng gạo phải là người Việt.

Nhưng chính quyền Việt Nam cũng thận trọng, sợ đụng chạm đến các mối liên hệ với Đài Loan, Singapore nếu đàn áp quá lộ giới kinh doanh người Hoa ở Việt Nam. Trong khi đa số người Hoa sống vất vả như những dân lao động hoặc chủ các tiệm tạp hóa nhỏ, có khoảng vài chục gia đình người Hoa chế ngự kỹ nghệ địa phương. Khoảng 7 hoặc 10 gia đình kiểm soát đa số thị trường gạo, trong khi một số gia đình khác làm chủ các xưởng kỹ nghệ vải, xuất nhập cảng và cho vay lãi. Các gia đình này thường là nguồn tham nhũng chính ảnh hưởng mạnh đến chính quyền và cảnh sát.

Chuyện của họ là một chuyện đê tiện về tham nhũng của Miền Nam Việt Nam. Ngược lại, họ cũng bị các chính khách Việt Nam ép buộc phải đóng góp tài chính, cho cả các đảng chính trị lẫn các công trình dân sự.

● Những Tranh Chấp Địa Phương

Việc chia rẽ bè phái có hại nhất là chia rẽ địa phương. Khi người Việt nam tiến, nhiều mâu thuẫn bên trong Việt Nam là các mâu thuẫn địa phương, nhất là giữa chúa Trịnh ở ngoài Bắc và triều Nguyễn ở Huế. Nam Tiến là giai đoạn Việt Nam bành trướng về phía nam để chiếm đất. Vấn đề đó

đã chằm ngòi cho các cuộc nội chiến trong thế kỷ 17, 18. Có thể nói, chia rẽ địa phương, lại một lần nữa là lý do gây ra cuộc nội chiến năm 1945. Địa lý gò ghề của Việt Nam đã tạo ra khác biệt về thổ âm và văn hóa giữa các miền, và những phê phán nặng thành kiến về cá tính con người từng vùng. Người Bắc khinh khi người Nam là dễ dãi và hơi lười biếng, trong khi người nam cho rằng người Bắc dữ và hay thúc đẩy. Người Trung, nhất là người từ cố đô Huế, xem họ như là người lãnh đạo chân chính và căm ghét những nỗ lực cai trị của hai miền kia. Người Pháp lợi dụng và đẩy sâu thêm sự tranh chấp cay đắng này bằng cách chia Việt Nam thành ba miền. Vì thế, sau hiệp định Geneva, khi gần một triệu người Bắc chạy vào Nam, nhiều trí thức miền nam, nhất là những người đã theo học ở các trường Pháp, căm ghét thể thượng phong của người Bắc và người Trung trong quân đội và chính quyền Miền Nam Việt Nam.

Khi nhìn lại vấn đề tranh chấp của các bè phái chính trị, chia rẽ tôn giáo, căm ghét giữa các địa phương, thành kiến chủng tộc, nhiều người đã nhận thức đúng rằng nếu so sánh với khối Cộng Sản, sự chia rẽ của những người Quốc Gia là nhược điểm lớn nhất và cũng chính là nhược điểm đã dẫn đến sự hủy diệt của họ. Sau khi Hà Nội và Pháp kết thúc hiệp định Geneva, phân đôi quốc gia thành hai phần, miền Bắc, dưới sự kiểm soát của Hồ Chí Minh đã xây dựng một cấu trúc chính quyền ổn định. Họ đã xây dựng một quân đội đáng nể và được đa số dân chúng ủng hộ. Trong khi đó, chính quyền Bảo Đại ở miền nam chỉ hoạt động gần như không quá phạm vi Sài Gòn với một quân đội yếu ớt, thiếu tinh thần và vẫn phải đối phó với người Pháp còn sót lại. Cựu Hoàng cần người giúp ông cai trị và đã tìm thấy một người lãnh đạo mới qua Ngô Đình Diệm.

Câu chuyện chính của chúng ta bắt đầu từ đây.

02 – “NẾU QUÂN ĐỘI YẾU, CHẾ ĐỘ SẼ YẾU.”

• Đấu Tranh Giành Quyền Tối Cao

Ngày 7-7-1954, Bảo Đại chỉ định Ngô Đình Diệm làm thủ tướng. Diệm, sinh ngày 3-1-1901, nhìn trên nhiều khía cạnh, là một nhân vật chẳng khác gì nhân vật chính của các vở kịch Shakespeare: Một người có lỗi lầm. Một trong số lỗi lầm đó là quá tin các anh em hay gây chia rẽ của ông. Lỗi lầm của ông dần dần che khuất các phẩm chất tốt và dẫn đến cái chết của ông. Khi mới cầm quyền, Diệm biểu hiện tài lãnh đạo đáng phục. Ông là người Công Giáo mộ đạo, chống đối mạnh mẽ cả thực dân lẫn cộng sản, thanh liêm, làm việc chăm chỉ và tận tụy với quốc gia. Trong giai đoạn phát triển của nền Đệ Nhất Cộng Hòa, bằng ý chí, can trường, bằng lối sống khắc khổ như một nhà tu, Diệm được người dân yêu mến. Ông đã hàn gắn một lô nhóm hỗn độn lại với nhau để tạo thành một quốc gia có thể sinh tồn.

Nhưng những viễn kiến chính trị và kinh tế của ông về Miền Nam lại là một sự hòa hợp cổ hủ của các mô thức phát triển mới gán ghép vào truyền thống văn hóa cũ của Việt Nam. Sự tiếp cận của Diệm với thế giới Tây Phương đem lại lớp vỏ bọc lý tưởng dân chủ ngoài mặt, nhưng “*nền tảng con người và cách ứng xử của ông chịu ảnh hưởng nặng nề giáo huấn Khổng Giáo.*”⁽⁵⁶⁾ Edward Miller, một học giả nghiên cứu về Diệm đã viết “*Vượt trên tất cả, các suy nghĩ về chính*

⁽⁵⁶⁾ Nguyen Tuan Cuong, “*The Promotion of Confucianism in South Vietnam 1955–1975 and the Role of Nguyen Dang Thuc as a New Confucian Scholar – Quảng Bá Khổng Giáo và Vai Trò Nguyễn Đăng Thục như Một Học Giả Khổng Giáo Mới.*” *Journal of Vietnamese Studies*, 2015, vol.10, Issue 4, 43.

trị và xã hội của Diệm được định nghĩa bằng sự quyết tâm đưa Việt Nam trở thành một quốc gia hiện đại theo hướng viễn kiến mới của ông. Viễn kiến đó là một tham vọng toan tính tổng hợp một số những ý kiến và bàn luận về Công Giáo, Không Giáo và bản thể quốc gia của Việt Nam.”⁽⁵⁷⁾

Trong khi đó, Cộng Sản luôn kêu gọi thống nhất và đòi hỏi cải cách ruộng đất. Những kêu gọi đó nhằm vào sự sợ hãi ngoại quốc, sự mong muốn đuổi hết người ngoại quốc khỏi Việt Nam, sự tô vẽ các viên chức Miền Nam Việt Nam như “*bù nhìn*” của Mỹ và phóng đại bất bình đối với chính sách và hành động của Sài Gòn. Để kêu gọi người dân chống Cộng, Diệm tìm cách đưa ra một triết thuyết chính trị khác với chủ nghĩa Cộng Sản. Tuy vậy, ông chưa bao giờ hoàn toàn chấp nhận quan niệm dân chủ, tự do cá nhân và chủ nghĩa tư bản. Chính lý do đó khiến ông hủy hoại dần các ý tưởng căn bản mà người Mỹ cho là ý tưởng nền tảng để đánh bại chủ nghĩa Mác-xít. Diệm cho rằng Việt Nam ở giai đoạn đang phát triển, nhất là khi đang phải đương đầu với một kẻ thù tàn bạo, những ý tưởng này không phù hợp. Thay vì chấp nhận quan niệm dân chủ, Diệm chú tâm vào các nguyên tắc khó hiểu của chủ nghĩa Nhân Vị chỉ có rất ít người Việt hiểu rõ. Những người chỉ trích ông lên án ông chỉ áp dụng chế độ độc tài, gia đình trị, một chế độ sẽ làm mất Miền Nam. Dần dần, cuộc tranh đấu định nghĩa triết thuyết chính trị của Miền Nam Việt Nam sẽ kết thúc bằng sự đổ máu.

• Đá Pháp

Được chỉ định làm thủ tướng, Diệm lập tức tìm cách gạt bỏ sự can thiệp của Pháp vào nội bộ Miền Nam Việt Nam. Trước tiên, ông cố nắm được quân đội, lúc này còn nằm dưới sự chỉ huy của Pháp. Nỗ lực của ông lập tức gặp khó khăn. Năm 1954, trung tướng Nguyễn Văn Hinh chỉ huy Quân Đội Việt Nam. Tuy là người gốc Việt, Hinh là công dân Pháp và

⁽⁵⁷⁾ Miller, “*Misalliance* .” tr. 32.

sĩ quan Pháp. Ngày 8-3-1952, Hinh được cử làm tham mưu trưởng quân đội Việt Nam. Tháng 6-1953 ông được thăng trung tướng. Kể từ lúc ra đời năm 1948, Quân Đội Việt Nam đã phát triển khá nhanh. Tháng 6-1954, quân số đạt cao điểm 219.000, gồm 175 tiểu đoàn bộ binh và 9 binh đoàn Lưu Động — mỗi binh đoàn tương đương một trung đoàn. Tuy chỉ được huấn luyện kém cỏi và thiếu tinh thần chiến đấu, quân đội này chính là thẩm quyền hoạt động chính của một Miền Nam đang thành hình.

Vì là sĩ quan Pháp, Hinh chống hành động toan tính làm chủ quân đội của Diệm. Nhiều người Việt xem sự chống đối của Hinh như toan tính tuyệt vọng cuối cùng cố làm chủ phần đất phía nam Việt Nam của Pháp. Dấu ấn này sẽ ám ảnh người dân và các biến cố trong nhiều năm. Tuy thế, Hinh không chỉ đơn thuần là một công cụ của Pháp. Ông cho rằng nếu không có sự lãnh đạo mạnh mẽ, Miền Nam Việt Nam không thể đứng vững. Hinh xem Diệm là một nhân viên dân sự bên ngoài, không có sự khéo léo cần thiết để lãnh đạo quốc gia. Ông tin chỉ quân đội mới có thể lèo lái Miền Nam Việt Nam cho đúng với cuộc đấu tranh chống lại cộng sản. Theo Tôn Thất Đính, “*Hinh cho chính phủ hiện thời do thủ tướng Diệm đứng đầu, không thể phản ứng kịp thời các nhu cầu tình hình lúc này... Với lý do đó, ông tin đã đến lúc để quân đội chỉ huy chính phủ.*”⁽⁵⁸⁾ Nhiều sĩ quan Quân Đội Việt Nam cũng suy nghĩ như Hinh. Họ tin chỉ quân đội mới có thể lèo lái chính phủ hữu hiệu và chiến thắng cuộc chiến chống cộng.

Cùng thời gian này, Nguyễn Văn Châu, một sĩ quan Quân Đội Việt Nam ở Huế, đang tổ chức những tiểu tổ bí mật đầu tiên của đảng Cần Lao, một tổ chức chính trị bí mật bên trong quân đội trung thành với Diệm. Châu là một người

⁽⁵⁸⁾“*Tôn Thất Đính, 20 Năm Binh Nghiệp.*” San Jose, CA: Chánh Đạo, 1988, tr. 50. Đính chỉ huy Binh Đoàn Lưu Động 32, một chức vụ uy tín. Đính sinh ở Huế và là một thành viên của gia đình hoàng tộc.

niệt thành ủng hộ Diệm, Nhu. Theo Châu, “Trong hai năm cuối chiến tranh Pháp - Việt, nhiều tiểu tổ của đảng Cần Lao được tạo lập bên trong các đơn vị tân lập của Quân Đội Việt Nam và bên trong guồng máy chính phủ ở Miền Trung, nhất là ở Huế và Nha Trang. Năm 1954, Ngô Đình Nhu lập đảng Cần Lao ở Huế để đoàn kết tất cả đảng viên cũ, mới và những người thân Diệm.” (59)

Một lý do khác khiến Hinh muốn lật đổ Diệm là các tiểu tổ Cần Lao trong quân đội dẫn đến vấn đề trực tiếp chống đối thẩm quyền của ông và hệ thống chỉ huy. Nhận định của Hinh không hề sai. Khi Hinh chống Diệm, nhiều tư lệnh Quân Đội Việt Nam ở miền Trung, bị đảng Cần Lao thuyết phục, đã ủng hộ Diệm. CIA tường trình chỉ có 20% sĩ quan Quân Đội Việt Nam ủng hộ Hinh, 20% chống Hinh, và số còn lại không theo bên nào.(60) Khi Hinh không tuân lệnh, ngày 11-9-1954, Diệm cách chức Hinh và ra lệnh cho Hinh rời nhiệm, sang Pháp nghỉ tạm 6 tháng. Hinh không tuân lệnh, tự lập đảng trong quân đội gọi là đảng con ó. Tin rằng được Pháp và hai giáo phái Cao Đài, Hoà Hảo ủng hộ, ông dọa sẽ đảo chánh Diệm. Khi Mỹ hậu thuẫn Diệm và Pháp không hậu thuẫn ông, Hinh đầu hàng, rời Việt Nam sang Pháp vào tháng 11.(61) Diệm đã trụ vững với cuộc khủng hoảng quân đội đầu tiên. Ông tin Hinh chỉ là một công cụ Pháp dùng để giữ quyền lực, và ông đã quyết định thả để chính phủ bị đảo chánh còn hơn chấp nhận sự thể đó.

Suốt cuộc khủng hoảng của Hinh, Nguyễn Văn Thiệu vẫn ở Huế là sĩ quan trong ban tham mưu vùng 2. Một bạn thân của gia đình Thiệu, Trần Ngọc Châu, người về sau dính vào vụ án làm xôn xao dư luận năm 1970, đã xác nhận Thiệu và Trần Thiện Khiêm “là hai thành viên thuần thành trong

(59) Nguyễn Văn Châu, *Ngô Đình Diệm và Nỗ Lực Hòa Bình Dạng Dờ*. ” bản dịch của Nguyễn Vi Khanh, Los Alamitos, CA ,Xuân Thu, 1989, Tr. 52

(60) Tin Tình Báo CIA: “Central Intelligence Bulletin.” CIA, Nov. 10-1954.

(61) Hinh không phải sĩ quan duy nhất ra đi. Một sĩ quan khác, đại úy Trần Đình Lân, bị nghi là nhân viên tình báo Pháp cũng rời Việt Nam sang Pháp.

nhóm của Hình.”⁽⁶²⁾ Một sĩ quan Quân Đội Việt Nam làm trong ban tham mưu Vùng 2 thời gian này, về sau là trung tướng quân đội VNCH cũng xác nhận Thiệu và Khiêm “*có đeo phù hiệu con ó trên áo.*”⁽⁶³⁾ Khi toan tính đảo chánh của Hình sụp đổ, Thiệu thấy mình lún sâu vào khó khăn chính trị: “*Sau khi tướng Hình bị buộc rời Việt Nam, thiếu tá Thiệu và nhóm của ông bị đưa về Sài Gòn điều tra và thẩm vấn. Để thoát cái nhìn nghi ngờ của chế độ Diệm, Thiệu đã lợi dụng đường dây Công Giáo của gia đình bên vợ.*”⁽⁶⁴⁾ Đây là một tiếp cận quan trọng đầu tiên của Thiệu với chính trị Việt Nam. Lần này, ông đã chọn làm phe. Bị triệu về Sài Gòn và bị điều tra về khuynh hướng chính trị là một đe dọa có thể cắt đứt cơ nghiệp của ông. Việc này có lẽ đã có ảnh hưởng ít nhiều đến sự thận trọng của ông đối với các vấn đề chính trị.

Sự nghi ngờ của Diệm còn gia tăng nhiều hơn khi Thiệu và Kiểu, anh ông, còn là đảng viên đảng Đại Việt, một đảng Quốc Gia mà cả Diệm lẫn Nhu đều sợ sẽ tranh quyền với đảng Cần Lao của họ. Trong khi cùng làm việc ở ban tham mưu Vùng II, Thiệu và Khiêm đã tham gia ít, nhiều vào chính trị Đại Việt. Tuy Hà Thúc Ký, một lãnh tụ Đại Việt, về sau tuyên bố ông là người đưa Thiệu và Khiêm gia nhập đảng trong buổi lễ đầu tháng 2-1964, Khiêm bác bỏ lời tuyên bố đó.⁽⁶⁵⁾

⁽⁶²⁾ Tran Ngoc Chau, “*Vietnam Labyrinth: Allies, Enemies, and Why the U.S. Lost the War.*” Lubbock: Texas Tech University Press, 2012), Tr. 139. Châu đã có lần chạy vào một bin-dinh đang cháy để cứu bà Thiệu khi gia đình ông và gia đình ông Thiệu cùng ở chung chỗ ở Đà Lạt.

⁽⁶³⁾ Phong vấn trung tướng Lữ Mộng Lan, 3-12-2016, Falls Church, VA

⁽⁶⁴⁾ Phạm Văn Liễu, “*Trà Ta Sông Núi.*” Hồi Ký, tập 2: 1963–1975 Nxb Văn Hoá, Houston 2003. Tr. 58. Liễu là người Bắc di cư, tốt nghiệp khoa 5 nổi tiếng của võ bị Đà Lạt. Liễu biết nhiều sĩ quan Không Quân Việt Nam thâm niên, là người gần gũi và ủng hộ tướng Nguyễn Chánh Thi. James Nach, nhân viên chính trị tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, thường gặp Liễu, nói Liễu có “*trí nhớ như tự điển bách khoa.*” Ba tập hồi ký của Liễu, nếu xử dụng thận trọng, vẫn là nguồn tin có thể đem lại cái nhìn rõ nhất vào chính trường VN.

⁽⁶⁵⁾ Hà Thúc Ký, “*Sống Còn với Dân Tộc.*” CA. Phương Nghi, 2009, Tr. 351.

Khiêm nói “*Hà Thúc Ký có đưa tôi đến một số hoạt động của Đại Việt năm 1964, nhưng không phải người đưa tôi vào đảng. Thiệu và tôi gia nhập Đại Việt khoảng năm 1952.*” Khiêm nói “*Tuy ở trong quân đội Pháp, đó chỉ là một cái nghề. Tôi không tham gia Việt Minh. Lúc này, chỉ có một quân đội do Pháp kiểm soát. Đại Việt là tổ chức Quốc Gia không-cộng-sản chống Pháp. Bởi thế, tôi bí mật làm việc với Đại Việt.*”⁽⁶⁶⁾ Sau cuộc đụng độ đó, Thiệu sống sót, nhưng bị chỉ định vào một vị trí không quan trọng. Tháng 3-1955, ông bị gửi về làm chỉ huy trưởng Trường Võ Bị Đà Lạt. Tháng 10, ông được thăng trung tá. Giữ Thiệu ở Đà Lạt, là đưa Thiệu ra khỏi chính trị Sài Gòn và khiến Thiệu không có quân để chỉ huy. Bốn năm sau đó, Thiệu ở lại trường võ bị, xây dựng trường thành một cơ quan chính.

Sau vụ Hinh đảo chánh thất bại, Pháp nhường quyền lại cho Diệm. Ngày 16-10-1955, khi Pháp đã rời Việt Nam, để tạo ra một chân tướng mới và cắt bỏ gốc rễ Pháp, Quân Đội Việt Nam đổi tên thành Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Diệm tổ chức cuộc trưng cầu dân ý toàn quốc để lật đổ Bảo Đại và làm quốc trưởng. Sau đó, ngày 26-10, Diệm nhanh chóng tuyên bố sự ra đời của nền Đệ Nhất Cộng Hoà. Lúc này, đã nắm được trọn vẹn quyền lực, Diệm cần các sĩ quan có khả năng, có thể tin tưởng để chỉ huy quân đội. Ông bắt đầu thử những người chưa hẳn trung thành. Đối với người như Thiệu và Khiêm, điểm thử thách mấu chốt để có thể đạt lòng tin của Diệm là tham gia đảng Cần Lao.

Khiêm cũng là một thành viên của nhóm Hinh. Sau khi Hinh sang Pháp, Khiêm bị triệu về Sài Gòn như Thiệu để tòa án quân sự thẩm vấn. Ông thoát nạn khi Huỳnh Văn Lang, một nhân viên cao cấp của đảng Cần Lao, gần gũi với Nhu can thiệp. Lang cần Khiêm giúp để xây dựng đảng Cần Lao và tuyển mộ thêm sĩ quan gốc Nam kỳ.⁽⁶⁷⁾ Khiêm đồng ý và

⁽⁶⁶⁾ Cao Lan phỏng vấn Trần Thiện Khiêm, ngày 22- 9-2017.

⁽⁶⁷⁾ Huỳnh Văn Lang, “*Ký Ức Huỳnh Văn Lang*” Tập II, Tr. 242. Lang viết chi 1 năm, Phạm Ngọc Thảo gia nhập Cần Lao bộ 3 Lang, Khiêm, Thảo thân nhau.

về sau nhìn nhận với một nhân viên cao cấp Mỹ rằng “*ông là một trong số người được Diệm giao trách nhiệm tổ chức các chi nhánh của đảng Cần Lao trong quân đội.*”⁽⁶⁸⁾ Nhiều người tin Khiêm đã cải đạo sang Thiên Chúa giáo, nhưng ông không hề cải đạo. Tuy thế, Khiêm nói “*ông đã bị đạo Công Giáo hấp dẫn từ ngày còn bé.*”⁽⁶⁹⁾ Khả năng đi dây về tôn giáo đã khiến Khiêm có thể gần với Tổng Thống hơn.

Khiêm sinh ở Sài Gòn ngày 15-12-1925. Cha mẹ ông là địa chủ ở Long An, một vùng nằm sát Sài Gòn. Tuy gia đình theo đạo Phật, ông theo học và tốt nghiệp trường trung học Petrus Ký, một trường Công Giáo có tiếng của Việt Nam với chương trình dạy phỏng theo chương trình trung học Pháp cuối Đế Nhị Thế Chiến. Một thời điểm nào đó năm 1946, Khiêm gia nhập Quân Đội Thuộc Địa Pháp, học khóa sĩ quan đầu tiên và duy nhất ở Trường Võ Bị Viễn Đông – Ecole Militaire d’Extrême Orient ở Đà Lạt.⁽⁷⁰⁾ Khiêm tốt nghiệp ngày 1-7-1947. Ngay sau đó, ông và ba đồng ngũ khác lập tức đào ngũ, tham gia Việt Minh ở khu bắc đồng bằng Cửu Long. Cũng như Thiệu, Khiêm không thể ở lâu với Việt Minh. Sau 4 tháng, ông về Sài Gòn và lại tham gia quân đội thuộc địa. Tuy thế, tiếp xúc ngắn ngủi của Khiêm với Việt Minh đã tạo các hệ quả lâu dài. Theo một nguồn tin của Miền Nam Việt Nam, khi Khiêm gia nhập Việt Minh, cán bộ tiếp đón nhóm của ông là Phạm Ngọc Thảo.⁽⁷¹⁾ Thảo lúc đó là trưởng Phòng Mật Vụ Miền Nam của Bắc Việt. Tuy hồi chánh năm 1954, Thảo vẫn bí mật làm việc với Bắc Việt. Thành viên chính trị bộ Võ Văn Kiệt cho biết Lê Duẩn, lãnh tụ tương lai của Bắc Việt, đã đích thân lệnh cho Thảo “*ở lại Miền Nam như một nhân viên tình báo chiến lược, không*

⁽⁶⁸⁾ “*Dữ kiện tiểu sử Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm.*” Điện tín mã số A155 của Sứ Quán Hoa Kỳ ở Sài Gòn, ngày 13-8-1974

⁽⁶⁹⁾ *Cao Lan phỏng vấn Trần Thiện Khiêm, ngày 23-2-2018*

⁽⁷⁰⁾ Nhiều bạn đồng khóa của Khiêm về sau lên tướng: Nguyễn Khánh, Lê Văn Phát, Dương Văn Đức, Nguyễn Văn Kiêm, Cao Hảo Hớn.

⁽⁷¹⁾ Phạm Văn Liễu, “*Trà Ta Sông Núi.*” tập 2, Tr. 308.

phải để cung cấp tin tức mà để len sâu vào giới cầm quyền thượng tầng chính phủ Sài Gòn. Vai trò của Thảo là vận động các biến cố, chuẩn bị cho việc thống nhất đất nước.”⁽⁷²⁾ Thảo hoàn thành công tác bằng cách làm thân với các nhân vật Quốc Gia quan trọng như Khiêm, Nguyễn Khánh, tổng giám mục Ngô Đình Thục, anh ông Diệm.

Riêng Thiệu khước từ, không gia nhập đảng Cần Lao. Vợ ông nói, ông đã bảo bà rằng “*ông muốn thành công và được nhìn nhận bằng chính khả năng của ông, chứ không phải do gia nhập đảng.*”⁽⁷³⁾ Nhưng khi Thiệu dậm chân ở Đà Lạt, sự nghiệp của ông đi vào ngõ cụt. Ở xa giới lãnh đạo cao cấp của quân đội, ông chỉ có thể ngồi nhìn Khiêm thăng tiến vượt xa ông. Tháng 8-1957, Khiêm thăng đại tá, phục vụ tại Bộ Tổng Tham Mưu Liên Quân. Ngày 17-3-1958, Khiêm được giao nhiệm vụ chỉ huy Sư Đoàn 4 Dã Chiến, tiền thân của Sư Đoàn 7 Việt Nam Cộng Hòa.

Đây có lẽ là một biến cố thúc đẩy ở khúc quanh suy nghĩ của Thiệu. Theo một ký giả, Thiệu đã “*trì hoãn việc rửa tội để trở thành giáo dân Công Giáo nhiều năm chỉ vì không muốn bị xem là tìm cách lấy lòng tổng thống.*”⁽⁷⁴⁾ Tuy thế, với Diệm nắm chặt quyền thế trong tay và nhìn người khác đang được thăng thưởng, cuối cùng Thiệu xuôi theo. Ngày 11-11-1958, ở Đà Lạt, Thiệu chịu phép rửa tội ở một nhà thờ Công Giáo ở Đà Lạt, đồng thời gia nhập đảng Cần Lao. Người rửa tội và đưa ông vào đảng là linh mục Nguyễn Phúc Bửu Dưỡng, vị linh mục nổi tiếng, và có lẽ còn quan trọng hơn, là một lý thuyết gia chính của đảng Cần Lao. Chẳng có gì là ngẫu nhiên, chỉ trong vòng 4 tháng, Thiệu nhường chức chỉ huy trưởng trường Võ Bị Đà Lạt cho thiếu tướng Lê Văn Kim, một sĩ quan có khả năng, nhưng chống Diệm.⁽⁷⁵⁾ Nếu

⁽⁷²⁾ “*Phạm Ngọc Thảo - Anh Hùng Thâm Lặng.*” Thanh Niên, 20-12-2012.

⁽⁷³⁾ *Phỏng vấn Bà Thiệu, ngày 6-3-2013, Irving, CA.*

⁽⁷⁴⁾ Ellen Hammer, “*A Death in November: America in Vietnam – Cái Chết Tháng 11: Hoa Kỳ ở Việt Nam.*” 1963. New York: E. P. Dutton, 1987, Tr.287.

⁽⁷⁵⁾ *Phỏng vấn Bà Thiệu, Ngày 6-3-2013, Irving, CA.*

muốn thăng tiến trong quân đội, Thiệu phải chứng tỏ lòng trung thành và cách hay nhất để hoàn thành điều đó là gia nhập đảng và tôn giáo của Diệm. Thiệu đã đầu hàng nhận thức này.

Trong khi đó, Diệm tiếp tục củng cố quyền hành. Sau vụ chống đối của Hinh, ông thuyết phục giáo phái Cao Đài về với chính phủ. Kế đó, Diệm gửi nhiều tiểu đoàn Dù đi dẹp nhóm Bình Xuyên, một nhóm băng đảng bán chính thức kiểm soát một số vùng ở Sài Gòn. Sau khi nhóm Bình Xuyên bị dẹp, Diệm nhanh chóng chuyển sự chú tâm qua giáo phái Hòa Hảo ở vùng đồng bằng Cửu Long. Chuẩn tướng Dương Văn Minh chỉ huy chiến dịch đánh bại dễ dàng quân đội dân quân của Hòa Hảo.

Đánh bại Hòa Hảo đã khiến Dương Văn Minh thành vị sĩ quan yêu mến của Diệm. Vì cao hơn đa số người Việt, Minh còn có biệt danh là "*Minh Lớn*." Ông sẽ ở trong số nhân vật quan trọng nhất lịch sử Miền Nam Việt Nam. Minh sinh ngày 19-2-1916 ở Long An, tốt nghiệp một trường Pháp ở Sài Gòn năm 1936. Tháng 1-1940, Minh ghi danh gia nhập quân đội thuộc địa. Ông tham gia một trường võ bị và được thăng chức thiếu úy vào tháng 10-1942. Sau cuộc đảo chánh tháng 3-1945 của Nhật, Minh chiến đấu cùng lực lượng thuộc địa Pháp chống Nhật. Ông bị bắt vào tháng 7, bị giam chung khoảng 1 tháng với Nguyễn Ngọc Thơ, thủ tướng tương lai của Diệm. Lính Nhật đánh Minh tàn bạo, khiến răng ông rụng hết chỉ trừ một cái răng duy nhất phía trước.⁽⁷⁶⁾ Thời gian chung tù khiến Minh và Thơ trở thành thân. Sau cuộc đảo chánh ông Diệm, sự liên hệ gần gũi của hai người trở thành quan trọng. Sau khi đánh dẹp giáo phái Hòa Hảo, Minh nhanh chóng được thăng thưởng. Năm 1957 ông trở thành thiếu tướng. Tuy nhiên, vì không hưởng ứng kêu gọi cải đạo Công Giáo, và không tham gia đảng Cần

⁽⁷⁶⁾ "*Dữ kiện tiểu sử Dương Văn Minh*." Điện tín A-162 của sứ quán Mỹ ở Sài Gòn, ngày 14-8-1973.

Lao, ông dần dần thất sủng. Năm 1959, ông được chuyển sang chỉ huy bộ tư lệnh Dã Chiến, một chức vụ mới được tạo ra và chỉ có hư danh. Bị gạt sang bên, sự nghiệp của Minh lúc này đậm chân tại chỗ.

Sau khi rời Võ Bị Đà Lạt, Thiệu được chỉ định làm tham mưu trưởng cho thiếu tướng Minh. Ngày 26-10-1959, ông được thăng chức đại tá. Theo một cố vấn Mỹ của Minh thì “*Thiệu rất trung thành với tướng Minh, và Minh đánh giá khả năng quân nhân của Thiệu rất cao.*”⁽⁷⁷⁾ Liên hệ gần gũi này sẽ là yếu tố quan trọng khiến Minh chọn Thiệu trong cuộc đảo chánh lật đổ Diệm. Tuy sự nghiệp của Thiệu còn sa lầy, sự bùng nổ cuộc chiến sẽ cho ông cơ hội thăng tiến nhanh chóng.

● Một Cuộc Chiến Mới

Khi đa số kẻ chống đối ông đã cộng tác hoặc bị đánh bại, Diệm chuyển sự chú tâm sang việc xây dựng quốc gia và triệt hạ những hạ tầng cơ sở của Cộng Sản ở Miền Nam Việt Nam. Các lực lượng của ông càn quét miền quê, tiêu diệt hàng ngàn cán bộ Cộng Sản. Đối với Cộng Sản, giai đoạn cuối thập niên 1950 là một giai đoạn khó khăn nhất. Họ quyết định phản công. Tháng 1-1960, các lực lượng cộng sản ở Miền Nam Việt Nam tiếp tục cuộc đấu tranh vũ trang.

Cộng sản ra đòn đầu tiên bằng cuộc nổi loạn ở Bến Tre — vùng chính phủ gọi là Kiến Hòa — tràn vào đồn cảnh sát và bắn một số viên chức chính phủ. Cuộc nổi dậy ở Bến Tre thường được xem là khởi điểm cuộc chiến ở Miền Nam. Cuối tháng đó, các lực lượng cộng sản mở cuộc tấn công lớn đầu tiên với cuộc tấn công căn cứ Trung Đoàn 32 của Sư Đoàn 21 quân đội VNCH ở Tây Ninh.⁽⁷⁸⁾ Ngày 26-1-1960,

⁽⁷⁷⁾ “*Báo cáo của trung tá John Geraci*” ngày 7-11-1963, “*Subject Files of the Vietnam Working Group, 1963–1966.*” Box 3, Rebellion Coups, RG 59, NAA.

⁽⁷⁸⁾ Sư đoàn 21 thành lập ngày 1-6-1959, từ 2 sư đoàn khinh binh 11, 13. Đầu năm 1960, sư đoàn có các trung đoàn đóng từ Tây Ninh dọc đến Cà Mau. Dần dần, Sư đoàn 21 tụ lại ở mé dưới đồng bằng Cửu Long cuối năm 1961.

lợi dụng dịp Tết binh lính Miền Nam đang ăn mừng, lực lượng cộng sản tấn công mạnh, giết 40 binh lính, lấy đi 600 vũ khí, một cuộc đánh cướp đáng kể. Sự thất bại của Miền Nam khiến một số sĩ quan cao cấp, như chuẩn tướng Trần Văn Đôn, đặt vấn đề với chính sách cây nhân viên Cần Lao vào trong quân đội. Đôn giải thích:

“Sau khi duyệt lại việc xảy ra, chúng tôi nhận định sự thất bại này do chỉ huy kém cỏi và sự kiện đảng Cần Lao đã đưa người của đảng vào các vị trí quan trọng mà họ không hội đủ tiêu chuẩn. Những vấn đề này sẽ tiếp tục làm quân đội suy yếu. Nếu quân đội yếu, chính quyền sẽ yếu, và toàn thể quốc gia sẽ yếu. Từ đó trở đi, chúng tôi bắt đầu theo dõi hành động của anh em nhà Ngô.”⁽⁷⁹⁾

Đôn nhận định đúng. Nhiều sĩ quan có kinh nghiệm chiến trường thực tiễn bị bỏ qua phần nộ vì sự thăng tiến của những người như trung tá Trần Thanh Chiêu, người chỉ huy sư đoàn 21 trong cuộc thất bại. Trung thành với Diệm và ít kinh nghiệm tác chiến, Chiêu được giao cho chức vụ ngon lành này vì là người Trung, biết Diệm từ lúc tuổi còn nhỏ và đã cải đạo sang Công Giáo. Đỗ Mậu, người có tiếng chống Công Giáo, tuyên bố sự thăng thưởng bất cần giấu diếm các sĩ quan Công Giáo, song song với sự tinh ngộ trước việc đảng Cần Lao can thiệp vào quân đội đã đóng vai trò mấu chốt khiến quân đội bất mãn. Mậu nói khi Diệm bắt đầu cầm quyền năm 1954, “số sĩ quan Công Giáo cấp tá chỉ lác đác như lá mùa thu. Anh em ông Diệm đã nhanh chóng thăng cấp cho sĩ quan Công Giáo và đưa họ vào các vị trí quan trọng. Chính sách “*Công Giáo Hóa*” quân đội đã khiến giới sĩ quan bất mãn. Đó là lý do cho các chuỗi nổi loạn và những toan tính đảo chánh bùng ra giữa năm 1960-1963.”⁽⁸⁰⁾

Tuy thế, không phải Diệm không thấy khuyết điểm của

⁽⁷⁹⁾Trần Văn Đôn, “*Việt Nam Nhân Chúng: Hồi Ký Chánh Trị.*” San Jose, CA: Nxb Xuân Thu, 1989. Tr.149-150.

⁽⁸⁰⁾Đỗ Mậu, “*Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi.*” Tr.301-302

chính sách thăng thưởng chỉ dựa trên tiêu chuẩn giới hạn như thế. Nhiều sĩ quan không gia nhập đảng Cần Lao hoặc cải đạo Công Giáo vẫn được ông thăng thưởng. Trần Văn Đôn là một thí dụ. Đôn là công dân Pháp, đã phục vụ trong quân đội Pháp. Ông là tham mưu trưởng ở Bộ Tổng Tham Mưu Liên Quân của Hình và tiếp tục giữ chức vụ đó cho đến khi trở thành tư lệnh Vùng 2 ngày 15-10-1947.⁽⁸¹⁾ Diệm cũng không bỏ qua những thất bại quân sự. Tuy có sự phàn nàn trong nội bộ về chính sách thăng thưởng của ông, một hành động đầu tiên của Diệm là gửi Khiêm thay thế Chiêu làm tư lệnh sư đoàn 21. Đây là một hành động thận trọng.

• Cuộc Đảo Chánh tháng 11/1960

Sự bất mãn của quân đội với Diệm bùng ra ở Sài Gòn lúc 3g sáng 11-11-1960. Cuộc đảo chánh như một cuộc nổi loạn có kế hoạch nghèo nàn hơn là một cuộc nổi loạn rộng lớn của quân đội. Việc một số đơn vị tinh nhuệ nhất Miền Nam cầm đầu cuộc nổi loạn là biểu hiện trầm trọng cho thấy sự chán nản của quân đội. Các đơn vị nổi loạn gồm Lữ Đoàn Dù, một phần tiểu đoàn 3 Thủy Quân Lục Chiến và một nhóm Biệt Động Quân tân lập. Bao nhiêu binh lính, bao nhiêu sĩ quan cấp thấp thực sự hiểu rõ hành động của họ hoặc thực sự ủng hộ đảo chánh? Đây là vấn đề có thể tranh luận, nhưng tư lệnh của các đơn vị này hẳn hiểu rõ việc họ làm. Đa số tác giả đều viết đại tá Nguyễn Chánh Thi, tư lệnh Lữ Đoàn Dù cầm đầu đảo chánh, điều này sai.⁽⁸²⁾ Người hoạch định kế hoạch là trung tá Vương Văn Đông, lúc đó là tham mưu trưởng Trường Chỉ Huy Tham Mưu. Một người khác là đại tá Phạm Văn Liễu, bạn thân của Thi. Theo một sĩ

⁽⁸¹⁾ Ngày 13-4-1961 địa giới quân sự thay đổi thành Vùng I Chiến Thuật, thường được biết đến như Vùng I.

⁽⁸²⁾ Thi kể lại kế hoạch đảo chánh bắt đầu tháng 7-1960 và ông tham dự sâu vào cuộc. Xem Nguyễn Chánh Thi, "Việt Nam: Một Trời Tâm Sự." Xuân Thu, Los Alamitos, CA. 1987. Vương Văn Đông và các người khác mạnh mẽ bác bỏ tuyên bố trên. Vương Văn Đông, "Bình Viễn 11-11-60, Khởi Điểm Một Hành Trình." Paris: 2000.

quan tham gia soạn thảo kế hoạch đảo chánh thì “*Cuộc đảo chánh được đa số sĩ quan người Bắc tổ chức, có một số là đảng viên Đại Việt như tôi. Vì không chịu gia nhập đảng Cần Lao, chúng tôi bị đẩy khỏi các chức vụ chỉ huy. Miền Nam Việt Nam đã trở thành độc tài gia đình trị và chúng tôi phản đối việc đảng Cần Lao can thiệp vào quân đội. Chúng tôi xử dụng lính Dù để đảo chánh, nhưng Thi không tham gia soạn thảo kế hoạch.*”⁽⁸³⁾

Sáng đó, lính Dù tấn công dinh độc lập nhưng đơn vị bảo vệ tổng thống đẩy lui cuộc tấn công đầu tiên. Có vài cuộc chạm súng mạnh tiếp theo rồi hai bên bắt đầu thương thuyết. Sau khi việc chiếm dinh không thành, Đông và Liễu mời Thi tham gia đảo chánh. Thuyết phục Thi không phải việc khó. Tuy là người Trung, ông là một sĩ quan cao cấp đã tinh ngộ với Diệm. Thi gần gũi tổng thống lúc ban đầu, nhưng ghét Nhu và ghét sự can thiệp của đảng Cần Lao vào quân đội. Quan trọng hơn, Thi xuất thân từ một gia đình Phật giáo nghèo, hết sức mộ đạo, vì thế chỉ có rất ít điểm chung với một gia đình Công Giáo tận tín như nhà Ngô. Là lính Dù đa số thời gian binh nghiệp, ông là một quân nhân có tiếng can đảm, cứng rắn, nhưng hay bùng phát các cơn cảm xúc và ngây thơ về chính trị. Lúc này, khi trực diện với việc ngoảnh mặt với lính Dù hoặc tham gia đảo chánh, Thi chọn về phe với lính Dù. Sự xuất hiện của Thi cuối hôm đó khiến thuộc cấp của ông lên tinh thần, nhưng sự thể đã quá trễ. Chiến thuật kéo dài thời gian của anh em Diệm đã cho phép họ kêu gọi được các lực lượng trung thành.

Khi cuộc tấn công mới bắt đầu, chuẩn tướng Nguyễn Khánh đang ở Sài Gòn sau khi mới trao lại chức vụ tư lệnh vùng đồng bằng Cửu Long cho đại tá Trần Thiện Khiêm.

Khánh, vị đại tướng tương lai, sinh ngày 8-11-1927 ở

⁽⁸³⁾ *Phỏng vấn đại tá Ngô Thanh Tùng, ngày 27-9-2017, Orlando, Florida. Tùng sinh ở Hà Nội, bị bắt sau khi đảo chánh thất bại. Ông bị tù 3 năm ở Côn Sơn, nhưng được thả sau cuộc đảo chánh tháng 11-1963.*

Vĩnh Bình, một tỉnh đồng bằng Cửu Long. Tham gia Việt Minh cuối Đệ Nhị Thế Chiến, ông làm việc với Việt Minh chừng một năm. Sau đó Khánh rời bỏ Việt Minh, tham gia quân đội Pháp.

Tháng 7-1947 ông tốt nghiệp trường võ bị Pháp ở Đà Lạt cùng với Khiêm. Năm 1952, ông tham gia trường tham mưu ở Hà Nội với Thiệu. Là một tư lệnh xuất sắc, tháng 12-1953, Khánh được cử làm tư lệnh Binh Đoàn Lưu Động 11, một chức vụ có uy tín. Khánh và đơn vị đã tham gia nhiều trận dữ dội đến khi hiệp định Geneva ký kết. Diệm mền vị quân nhân người Nam, nhất là sau khi Khánh gia nhập đảng Cần Lao năm 1955. Diệm thăng chức Khánh làm đại tá và cử ông làm tư lệnh Sư Đoàn 1 Dã Chiến. Tháng 3-1960, Khánh nhận trách nhiệm chỉ huy vùng đồng bằng Cửu Long. Tháng 5, ông được thăng chuẩn tướng.⁽⁸⁴⁾

Khánh leo hàng rào dinh Độc Lập vào gặp Diệm. Ông điện thoại, liên lạc với nhiều tư lệnh, kể cả Khiêm, người đã mang quân đến Sài Gòn và “*lập một binh đoàn Giải Phóng Thủ Đô ngăn chặn toan tính đảo chánh và giải vây Dinh Độc Lập.*”⁽⁸⁵⁾ Cuộc đảo chánh bất thành, Đông, Thi, Liễu và một số sĩ quan cướp một máy bay C-47 và trốn sang Lào. Khiêm, Khánh được đón chào như hai anh hùng quốc gia.

Trương tự toan tính đảo chánh của Hinh, cuộc đảo chánh bất thành 1960 của quân đội đã để lại vết sẹo sâu cho cả Diệm lẫn quân đội Miền Nam Việt Nam. Diệm phần nộ bắt giam vợ các sĩ quan đã trốn sang Cam Bốt và dọa sẽ hành hình họ nếu chồng họ không quay lại để pháp luật xử trị. Các sĩ quan bỏ trốn không trở lại. Vợ một tiểu đoàn trưởng nói “*Chúng tôi bị giam ở bộ chỉ huy tình báo trung ương, không cho tiếp xúc với ai trong 6 tháng. Họ nhốt chúng tôi cả ngày trong cái chuồng mái tôn. Trời nóng hừng hực, đồ mồ hôi đầm đìa. Nhiều người, trong số có cả bà Nguyễn*

⁽⁸⁴⁾ *Dữ kiện tiểu sử Nguyễn Khánh*. Điện tín sứ quán Mỹ A-125, 14-6-1974.

⁽⁸⁵⁾ *Dữ kiện tiểu sử Khiêm*. Tr.3.

Chánh Thi đã phải ly dị chồng để tránh bị trừng phạt.” ⁽⁸⁶⁾

Rufus Phillips, giám đốc chương trình Bình Định Nông Thôn của sứ quán Mỹ xác nhận cuộc nổi loạn “*đã tách Diệm xa hơn với một số nhân viên dân sự quan trọng và sĩ quan quân sự từng ủng hộ ông. Nhu với đầu óc đa nghi thái quá đã kết luận nhiều người trong số đó từng ngầm ủng hộ cuộc đảo chánh.*”⁽⁸⁷⁾ Sự trung thành lúc này trở thành tối thượng. Vì không chắc ai là người có thể tin, Diệm không coi trọng một số viên chức cao cấp và bắt giam nhiều nhân vật chống đối. Một tính toán sai lầm là việc hành xử với tướng Lê Văn Kim. Trong cuộc nổi loạn, Đông đã đưa ra bản tuyên ngôn trong đó ghi Kim sẽ là thủ tướng mới. Đông và Kim biết nhau khi cùng học Trường Chỉ Huy Tham Mưu năm 1958, nhưng Kim không dính gì đến cuộc đảo chánh. Tuy thế, Diệm vẫn gửi chuẩn tướng Tôn Thất Đính đến Đà Lạt bắt Kim. Xin phép đem theo một ít vật dụng cá nhân, Kim trở về nhà điện thoại cho Nhu. Cú điện thoại này mở đầu một chuỗi biến cố dẫn dần đến cái chết của anh em Diệm.

Ở Việt Nam, nhất là giữa giới sĩ quan, mối liên hệ quan trọng lúc nào cũng là quan hệ trong gia đình và ở trường học. Vợ Kim là em Trần Văn Đôn. Bô, Mẹ bà có căn nhà ở Đà Lạt, gần tư gia Bảo Đại. Song thân bà cũng là bạn với song thân bà Trần Lệ Xuân, vợ Ngô Đình Nhu. Mẹ bà Nhu là chị em họ của Bảo Đại. Mùa xuân 1947, gia đình Nhu dọn về Đà Lạt và sống với gia đình Kim. Hai gia đình trở thành thân thiết. Bà Nhu dành rất nhiều thời giờ với Bảo Đại. Sự liên hệ này đã giúp cựu hoàng chọn Diệm làm thủ tướng.

Sợ một người tính khí bất thường như Đính có thể giết ông, Kim điện thoại cho Nhu, xin được về Sài Gòn để chứng minh ông không hề dính đến vụ đảo chánh. Nhu bằng lòng,

⁽⁸⁶⁾ *Phỏng vấn bà Loan Dommen, ngày 9- 7-2018, Bethesda, Maryland.*

⁽⁸⁷⁾ Rufus Phillips, “*Why Vietnam Matters: An Eyewitness Account of Lessons Not Learned – Vì Sao Việt Nam Đáng Quan Tâm: Câu Chuyện của Một Chứng Nhân Về Các Bài Học Chưa Học Được.*” Annapolis, MD: Naval Institute Press, 2008, tr.102.

và gửi một máy bay ra Đà Lạt đón ông. Tuy chứng minh được ông không hề liên quan đến vụ đảo chánh, cách chính quyền đối xử với ông đã khiến ý hướng chống Diệm của Kim thành đậm nét. Kim được chỉ định làm phụ tá đặc biệt cho thiếu tướng Dương Văn Minh lúc này đang là vị tư lệnh quân đội Dã Chiến ngồi chơi xơi nước. Hai ông và hai gia đình trở thành thân thiết và cả hai thường nhân cơ hội đến thăm Trần Văn Đôn, anh vợ của Kim, lúc đó là tư lệnh Vùng I. Khi Đôn bị triệu về Sài Gòn, cả ba ông và ba gia đình còn thân nhau hơn. Như thế, tình bạn cũ giữa gia đình Nhu với Kim đã vô tình đưa ba nhân vật lãnh đạo tụ về cùng một chỗ dẫn đến cuộc đảo chánh giết chết hai anh em ông Diệm.

Đôn, một vật quan trọng khác của lịch sử Miền Nam, sinh ngày 17-8-1917 ở Pháp. Thân phụ ông là bác sĩ phục vụ quân đội Pháp. Gia đình ông gắn bó với các lợi ích của Pháp. Đôn học trường Chasseloup-Laubat ở Sài Gòn, trường Trung Học nổi tiếng nhất của Miền Nam Việt Nam. Đệ Nhị Thế Chiến bùng nổ khi Đôn đang học ở Ba Lê và ông tham gia quân đội Pháp. Sau khi bị Đức bắt làm tù binh và được thả, ông về Đông Dương phục vụ chính quyền Vichy của Pháp cho đến khi chính quyền đó bị Nhật đảo chánh. Sau đó, ông giữ nhiều chức vụ khác nhau. Tháng 8-1953, Đôn là đại tá trong Quân Đội Việt Nam và là tham mưu trưởng cho trung tướng Hinh. Trong cuộc tranh chấp giữa Hinh và Diệm, Đôn giữ vai trò trung lập và ông thoát khỏi cuộc mâu thuẫn đó. Đôn cũng chỉ huy một số lực lượng đánh đuổi Bình Xuyên ra khỏi Sài Gòn. Sự trung thành và tận tụy của ông đã khiến Diệm thăng chức ông lên chuẩn tướng.⁽⁸⁸⁾

Ngoài chuyện nối Kim, Minh, Đôn lại với nhau, một hệ quả khác của cuộc đảo chánh là làm hỏng quan hệ của Diệm với người Mỹ. Cuộc đảo chánh là do sự bất mãn ngày càng tăng của quân đội với Diệm, nhưng sự hiện diện của các sĩ quan Mỹ gần các nhân vật mưu mô và sự ngần ngại rõ rệt

⁽⁸⁸⁾ *Dữ kiện tiểu sử Trần Văn Đôn*. Điện tín A-158, Sứ quán SGòn 25-7-1974.

của đại sứ Mỹ không muốn ủng hộ Diệm khiến anh em Diệm nghi người Mỹ có dính líu. Diệm và Nhu càng chống đối lời khuyên của Mỹ. Tình trạng này dẫn đến rắc rối trong mối quan hệ Mỹ – Việt và đóng góp thêm vào nguyên nhân dẫn đến biến cố khủng khiếp của năm 1963.

Cuộc đảo chánh tháng 11 cũng trực tiếp ảnh hưởng kế hoạch của cộng sản. Bắc Việt mở cuộc họp Đại Hội Đảng lần 3 ở Hà Nội tháng 9-1960. Tại cuộc họp lớn này, Chính Trị Bộ thành lập một mặt trận đoàn kết tất cả lực lượng chống Diệm gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Tổ chức Mặt Trận sẽ che đậy bàn tay Bắc Việt trong cuộc chiến. Toan tính đảo chánh đã thuyết phục Chính Trị Bộ tiến hành nhanh chóng việc thành lập MTGPMN:

“Chúng ta cần trình diện Mặt Trận ngay với dân chúng, không cần đợi lúc đã có quyết định rõ ai là thành viên của mặt trận... Nhiều năm qua, nhược điểm của phong trào ở Miền Nam của chúng ta là không thu hút được sự ủng hộ từ các phần tử chống Diệm ở giai cấp thượng tầng, không thể thành lập một Mặt Trận thống nhất đoàn kết các phần tử chống Mỹ, Diệm và không có cái tên để công khai hô hào dân chúng, không có cái tên để dùng trong chiến lược cây mầm chia rẽ và tách biệt Diệm. Đây là cơ hội tốt để sửa các nhược điểm từ phong trào của chúng ta bằng cách thành lập Mặt Trận Giải Phóng cho Miền Nam Việt Nam.”⁽⁸⁹⁾

Toan tính đảo chánh tạo chia rẽ sâu đậm các sĩ quan Miền Nam. Giữa cơn biến động 1963 và 1964, chia rẽ đó lại trôi ra. Chẳng hạn chia rẽ trong nhóm Vương Văn Đông khi Cam Bốt đối xử với Nguyễn Chánh Thi và Phạm Văn Liễu khác với Vương Văn Đông. Sự chia rẽ này kéo dài tới nhiều năm sau. Ít lâu sau khi Thi và Liễu đến Nam Vang, tình báo Cam Bốt hỏi họ tin tức về nơi các đội quân VNCH trấn

⁽⁸⁹⁾ Điện tín số 20-NB của Chính Trị Bộ, ngày 12-11-1960 trong “*Văn Kiện Đảng, Toàn Tập, 21, 1960 – Bộ Sưu Tập Tài Liệu Đảng, Tập 21, 1960.*” Nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội 2002, tr. 1019-1021. Từ đây sẽ gọi tắt là Bộ Sưu Tập Đảng và năm.

đóng. Cả hai khước từ, không trả lời. Họ bị đưa vào tù, bị giam hơn một năm. Khi được thả ra, họ sống nghèo khổ. Trong khi đó Vương Văn Đông được Cam Bốt cho hưởng tự do nhiều hơn. Sau hai năm ở Cam Bốt, Đông sang Pháp. Theo Thi, “*khi sang Pháp, Đông làm cho nhóm chính trị ủng hộ Pháp như Trần Đình Lan, Nguyễn Văn Vỹ.*”⁽⁹⁰⁾

Hành động của Đông khiến Thi phẫn nộ. Về sau, tháng 1-1964 mới hận đó bùng phát. Nhiều năm sau, Đông phủ nhận việc có Pháp dính vào cuộc đảo chánh hoặc ông là người thân Pháp. Tuy thế Đông dần dần tham gia nhóm người Việt lưu vong ở Ba Lê kêu gọi Miền Nam Việt Nam trung lập.⁽⁹¹⁾

Đông không phải kẻ thù duy nhất của Thi trong cuộc đảo chánh 1960. Việc Khiêm đàn áp cuộc đảo chánh cũng khiến Thi căm hận. Mặt khác, cuộc đảo chánh hụt năm 1960 nối kết chặt chẽ thêm các quan hệ có ảnh hưởng sâu đậm đến những biến cố về sau. Quan hệ giữa Khánh và Khiêm, khởi đầu từ 1949, khi họ học trường chỉ huy ở Đà Lạt.

Cuộc đảo chánh 1960 đã nối kết mạnh mẽ thêm quan hệ này và mang lại thành quả cho cuộc đảo chánh ngày 30-1-1964. Phần thưởng cho hành động dẹp đảo chánh của Khánh trong cuộc đảo chánh hụt tháng 11-1960 là chức tham mưu trưởng Liên Quân, tư lệnh quân sự của Miền Nam Việt Nam. Khiêm cũng thăng tiến nhanh trong quân đội. Ngày 20-12-1962, khi Khánh được chỉ định làm tư lệnh Vùng II, Khiêm được thăng thiếu tướng và cử làm tham mưu trưởng thay thế Khánh. Ngoài Khánh và Khiêm, trong nhóm ủng hộ Diệm năm 1960 còn có Tôn Thất Đính. Sau đảo chánh 1960, Đính

⁽⁹⁰⁾ Thi, “*Một Trời Tâm Sự*”, tr.165. Liễu kể Trần Đình Lan bay từ Ba Lê qua thăm họ, nhưng đã nói trước với Đông. Khi gặp Liễu và Thi, Lan “*đeo phù hiệu đại úy quân đội Pháp*” và tuyên bố nhóm chống Diệm “*hết lòng ủng hộ cả chính quyền Pháp lẫn chính quyền Cam Bốt.*” Liễu, “*Trở Về Sông Núi*” tập 1, tr 429

⁽⁹¹⁾ Phạm Xuân Tịch, “*Vương Văn Đông và cuộc chính biến 11/11/1960*” trong Chính Đạo, “*Nhìn Lại Biên Cố 11-11-1960.*” Houston 1997, Tr.165.

trở thành tư lệnh quân đoàn III, gồm các tỉnh quanh Sài Gòn.

Thiệu cũng trung thành với Diệm. Việc Thiệu ủng hộ khiến Diệm tin tưởng. Ngày 1-10-1961, Thiệu được cử làm tư lệnh sư đoàn I ở Huế, thay vị đại tá năng nổ Nguyễn Đức Thắng. Thắng được cử làm tư lệnh sư đoàn 5, lúc đó đóng ở Biên Hòa, sát mé đông bắc Sài Gòn. Tuy xa Sài Gòn, sư đoàn 1 là sư đoàn quan trọng. Từ lâu được cho là thuộc các đơn vị tinh nhuệ nhất quân đội chính quy VNCH, sư đoàn I giữ trách nhiệm bảo vệ vùng phi quân sự giữa Bắc, Nam Việt Nam và Quảng Trị, Thừa Thiên, hai tỉnh xa nhất về hướng bắc Miền Nam. Vùng này tiếp giáp Lào với con lộ chính xâm nhập Miền Nam Việt Nam. Hiển nhiên, thời gian Thiệu làm tư lệnh sư đoàn 1 là thời gian thành công, vì ngày 20-12-1962, Thiệu được cử làm tư lệnh sư đoàn 5.

Nếu sư đoàn 1 quan trọng về quân sự thì sư đoàn 5 giữ vị trí cực kỳ quan trọng về chính trị. Vì là đơn vị gần thủ đô nhất, chỉ sĩ quan được Diệm tin tưởng mới được giao nhiệm vụ chỉ huy sư đoàn 5. Giai đoạn này, quân đội ngày càng bất mãn với anh em họ Ngô. Lúc này, người đứng về phe Diệm rõ rệt trong cuộc đảo chánh 1960 như Khánh, Khiêm, Tôn Thất Đính đã nhập bọn với Đôn, Minh, Kim chống Diệm.

Bên sự bất mãn anh em họ Ngô sôi sục trong quân đội, một nỗ lực có thể đoán trước lại bùng ra. Ngày 27-2-1962, hai phi công Nguyễn Văn Cử, Phạm Phú Quốc, cất cánh lúc 7g00 sáng từ căn cứ Không Quân Biên Hoà ngoài Sài Gòn. Cử là con một nhân vật lãnh đạo nổi tiếng đã bị Diệm bắt giam một thời gian vì “*hoạt động chống chính phủ*” trong khi Quốc tin tổng thống là một nhà độc tài. Sau khi cất cánh, họ lập tức bay đến dinh Độc Lập, tính giết anh em Diệm. Quả bom đầu tiên rơi vào phòng ông Diệm đang đọc sách, nhưng không nổ và ông thoát nạn. Sau khi thả thêm bom phá hỏng nặng một phía hông dinh, hai máy bay đổi hướng bay đi. Cử bay qua Cam Bốt được cho tị nạn, nhưng Quốc bị đạn phòng không từ hải quân Việt Nam bắn rớt xuống sông Sài Gòn và được cứu sống. Có thể đoán được phản ứng của

Diệm. Đồ lỗi cho giới truyền thông Mỹ, Diệm lập tức siết chặt truyền thông trong nước và đàn áp thẳng tay những kẻ bất đồng ý kiến chính trị.⁽⁹²⁾ Trong quân đội, tuy bất mãn về sự độc tài của anh em nhà Ngô vẫn tiếp tục nhưng tạm thời lắng xuống do kỹ thuật quân sự Mỹ với lượng cố vấn Mỹ gửi đến các đơn vị gia tăng và chương trình áp chiến lược mới.

**• Từ Khủng Hoảng Nay Đến Khủng Hoảng Khác:
Trận Ấp Bắc và Phật Giáo**

Năm 1963 bắt đầu bằng một hy vọng dâng cao về cuộc chiến. Năm 1962, viện trợ quân cụ của Mỹ bao gồm thiết giáp và quân xa cho phép quân đội VNCH lập hai đại đội pháo binh cơ giới. Một đại đội thuộc sư đoàn 7 với nhiệm vụ tuần tra quanh khu vực nam Sài Gòn. Đại đội cơ giới của sư đoàn 7 mau chóng chứng tỏ hữu hiệu trong chiến trận. Được đại úy Lý Tòng Bá chỉ huy, đơn vị mới này khiến các lực lượng Mặt Trận Giải Phóng chịu nhiều thất bại.⁽⁹³⁾ Ngoài ra, Mỹ bắt đầu viện trợ trực thăng để chuyên quân tới các vùng sinh lầy đồng bằng Cửu Long. Hai ưu điểm kỹ thuật này giúp quân đội VNCH vượt trội về khả năng di động và hỏa lực so với các đơn vị địch.

Để đối phó với loại vũ khí mới, các tư lệnh Mặt Trận Giải Phóng thay đổi chiến thuật. Thay vì bỏ chạy mỗi khi tiếp xúc, họ quyết định chuẩn bị các vị trí phòng thủ mạnh, dụ các đơn vị VNCH vào bẫy gây tổn thất nặng rồi dùng các tổn thất đó để tuyên truyền chiến thắng. Để thực hiện chiến thuật này, một lực lượng MTGP tổng cộng khoảng 350 lính tụ tập ở Ấp Bắc, một ấp cạnh Đồng Tháp Mười. Các đội quân MTGP dựng các vị trí phòng thủ vững vàng và chuẩn bị vùng hạ sát ở các nơi trực thăng đáp xuống. Khi tình báo

⁽⁹²⁾ Sau khi Diệm chết, Cử trở về Sài Gòn, tham gia Không Quân. Ông phục vụ đến khi cuộc chiến chấm dứt. Quốc bị giam đến sau cuộc đảo chánh, cũng trở lại Không Quân. Ngày 19-4-1965, Quốc tử nạn khi máy bay bị bắn rơi lúc ông đang chỉ huy một cuộc oanh tạc Bắc Việt.

⁽⁹³⁾ Lý Tòng Bá, “*Hồi Ký 25 Năm Khó Lửa*.” San Marcos, CA: 1999. Tr. 56.

Mỹ bắt được sóng điện đàm của MTGP ở Ấp Bắc, quân đội VNCH được lệnh tiêu diệt địch.

Chuẩn tướng Huỳnh Văn Cao, tư lệnh Vùng IV thay thế Khiêm cuối tháng 12-1962, tập hợp một lực lượng đặc biệt gồm nhiều tiểu đoàn.⁽⁹⁴⁾ Là người Công Giáo, sinh ở Huế, Cao nhập đảng Cần Lao và ủng hộ Diệm trong cuộc tranh chấp với Hinh năm 1954. Gần gũi hai anh em Diệm, Cao thành chỉ huy trưởng đơn vị cận vệ của Diệm. Tháng 1-1959, Cao được cử làm tư lệnh sư đoàn 7. Thi hành nhiệm vụ tốt, ông được cử làm tư lệnh quân đoàn IV. Tuy thế, cũng như nhiều sĩ quan VNCH, ông chưa được huấn luyện để đối phó với các khó khăn của việc chỉ huy quân đoàn.

Dù có quân số vượt trội, Cao không phối hợp được các mũi dùi tấn công do thời tiết xấu và chỉ huy kém. Bất ngờ về sự phòng thủ của địch, phe Miền Nam Việt Nam chịu 80 tổn thất ở Ấp Bắc. Ba lính Mỹ cũng tử trận và nhiều trực thăng bị bắn rơi. Tổn thất của địch không được biết rõ. Rủi thay, lúc này giới truyền thông Mỹ chỉ trích dữ dội chế độ Diệm đã phóng đại trở ngại chiến thuật thành cuộc thất bại lớn. Họ tả trận đánh cho thấy tình trạng chiến đấu kém cỏi của binh sĩ VNCH.⁽⁹⁵⁾ Cộng Sản cũng dùng trận Ấp Bắc để nâng cao tinh thần lực lượng của họ và tuyên bố họ đang thắng.

Một thời gian ngắn sau khi báo chí đăng tải thất bại Ấp Bắc, căng thẳng tôn giáo sôi sục ở Miền Nam bỗng bùng ra ở Huế. Căng thẳng này đã bắt đầu từ năm 1960 khi Ngô Đình Thục, anh ông Diệm, được chỉ định làm tổng giám mục ở Huế. Là người Công Giáo nghiêm khắc, thái độ khinh bỉ bất cần giấu giếm của Thục với Phật Giáo ở miền Trung, nơi

⁽⁹⁴⁾ Huỳnh Văn Cao, "*Trọn Một Kiếp Người*." San Jose, CA. 1993.

⁽⁹⁵⁾ Tháng 1-1965, binh lính sư đoàn 7 VNCH bẫy và diệt 1 tiểu đoàn MTGP, giết hơn 150 địch quân, số lớn nhất trong một trận kể từ khi cuộc chiến bắt đầu. Tổn thất của VNCH tương đối nhẹ và đây là một đòn phản công nổi bật cho sự thất bại 2 năm trước. Tuy trận Ấp Bắc đầu được đăng tải và phân tích rộng lớn, Ấp Bắc II, theo cách gọi của VNCH, chỉ được đăng tải rất ít trên báo chí Mỹ, lúc này đang chú tâm vào sự chao đảo ở Sài Gòn.

Phật Giáo mạnh, là đồng cỏ khô đang đợi mỗi lửa. Tháng 5-1963, mỗi lửa được châm ngòi khi tổ chức Công Giáo ở Huế treo cờ kỷ niệm 25 năm ngày Thực thụ phong giám mục. Ngày 6-5, tính ngăn ngừa mâu thuẫn tôn giáo, Diệm thi hành một luật đã có từ lâu, cấm các nơi không phải công sở treo cờ. Rủi thay, các nhân vật kích động Phật Giáo đã thảo kế hoạch mừng Phật Đản chống đối lệnh cấm treo cờ. nỗ lực thi hành luật cấm treo cờ của Diệm trở thành phản tác dụng. Ngày 7-5, hàng ngàn lá cờ Phật Giáo tủa ra ở Huế, dù chỉ để cảnh sát giật xuống theo thôi thúc của Thực. Thượng tọa Thích Trí Quang tuyên bố việc ông Diệm cấm treo cờ là đàn áp tôn giáo. Hôm sau, hàng trăm người chống đối tụ tập ở đài phát thanh ở Huế. Bị thôi thúc vì bài diễn văn kích động của Trí Quang, họ đòi cho Trí Quang phát biểu trên đài phát thanh.⁽⁹⁶⁾ Giám đốc đài phát thanh từ chối. Cuộc biểu tình trở nên sôi sục. Nhà chức trách địa phương dùng ống xịt nước để giải tán người biểu tình, không thành công.

Lập tức một toán lính xuất hiện. Thịnh linh, một tiếng nổ lớn bùng ra giữa đám đông, giết chết nhiều người. Phản ứng với sự náo loạn, toán lính nổ súng. Chín thường dân chết và 14 người bị thương.

Vụ tàn sát ở đài phát thanh đánh dấu bước ngoặt cho Diệm. Đa số học giả cho rằng lý do nổi loạn của Phật Giáo là sự đàn áp của Công Giáo. Tuy thế chính người Phật Giáo lại cho rằng động lực chính là phong trào phục hồi Phật Giáo. Để chống chủ nghĩa thực dân và văn hóa Tây Phương, từ thập niên 1930 các cộng đồng Phật Giáo Việt Nam đã khởi đầu “*một chiến dịch cải cách tôn giáo... thành Phật Giáo dân thân*” vận dụng hoạt động xã hội và nêu các bất công để chống thực dân Pháp.⁽⁹⁷⁾ Người Phật Giáo cố tìm “con

⁽⁹⁶⁾ Quang sinh năm 1922 ở Quảng Bình, tỉnh ngay phía trên vùng phi quân sự. Có học vấn cao, ông theo lớp tu Phật Giáo khoá 1936-1945 ở Chùa Bảo Quốc và là thủ khoa của khóa học đó

⁽⁹⁷⁾ Phạm Văn Minh, “*Phật Giáo Dân Thân – Phong Trào Tranh Đấu 1963-1966.*” Văn Nghệ, Westminster, CA: 2002, Tr. 164.

đường ở giữa” chủ thuyết chuyên chế Mác-Xít và chủ thuyết tư bản dân chủ. Ít lâu sau, nhiều ngôi chùa trở thành nơi họp bí mật của lực lượng chống thực dân. Pháp phản ứng bằng cách đưa ra sắc lệnh 10 chỉ coi Phật Giáo là một “*hội đoàn*” chứ không phải tôn giáo. Theo sắc lệnh đó, chỉ Công Giáo mới chính thức được nhìn nhận là tôn giáo. Sắc lệnh 10 khiến Phật Giáo rầm rộ lên tiếng về việc kỳ thị tôn giáo.

Một số người khác cho rằng MTGP giật dây và nghi ngờ Trí Quang là nhân vật kích động của Cộng Sản. Sự lên án đó chưa bao giờ có bằng chứng cụ thể. Sau khi Miền Nam sụp đổ, Trí Quang bị quản thúc tại gia. Việc Trí Quang bị quản thúc vẫn chưa tuyệt đối rửa sạch mọi chuyện. Nhiều cán bộ nằm vùng đã bị buộc phải đi học tập để gọi rửa hết thói hủ lậu Tây Phương đã tiêm nhiễm. Tuy chưa phải nhân vật kích động như Phạm Ngọc Thảo, hành động của Trí Quang cũng hoàn thành một mục đích: phong trào chống đối chột bùng chột tắt của Trí Quang trong 4 năm tiếp nối sẽ làm rung chuyển các chính quyền tiếp nối của Miền Nam.

Sau thất bại ở đài phát thanh Huế, để xoa dịu yêu cầu của Phật Giáo, Diệm chuẩn bị đưa ra một dự thảo thỏa thuận vào đầu tháng 6. Nhưng tai họa lại giáng xuống khi bà Nhu công khai lên án người Phật Giáo là các nhân vật kích động. Giới lãnh đạo Phật Giáo cảm thấy bị phản bội. Để phản đối chính quyền Diệm, họ tìm đến Thích Quảng Đức, vị hòa thượng lớn tuổi tự nguyện hy sinh. Ngày 11-6, Quảng Đức ngồi xuống ở một con đường Sài Gòn. Có người đổ xăng lên người ông, bật diêm. Vị sư vẫn ngồi yên lặng, khi lửa bùng lên quanh người. Ký giả Mỹ Malcolm Browne chụp một tấm ảnh. Không lâu sau tấm ảnh đó lan khắp hoàn cầu, một biểu tượng chống đối chính quyền đàn áp. Mọi hy vọng giải hòa giữa Diệm và những người Phật Giáo hiểu chiến đã chết cùng với Quảng Đức.

Suốt mùa hạ 1963, các cuộc biểu tình của Phật Giáo ngày càng dữ dội. Ít lâu sau lại có thêm các cuộc biểu tình của học sinh do Thích Thiện Minh, một lãnh đạo của cánh

thanh niên Phật tử đầy nhiệt huyết đứng ra hô hào. Nếu Trí Quang là vị sư trí thức cao sâu của Phật Giáo thì Thiện Minh là chiến thuật gia khôn khéo của Trí Quang. Tháng 5-1963, khi các cuộc biểu tình Phật Giáo bắt đầu, Thiện Minh lập tức xử dụng cánh thanh niên Phật tử để hô hào học sinh, sinh viên. Theo truyền thống, học sinh, sinh viên thường không dính vào chính trị. Lúc này, họ bị khuấy động vào cuộc. Các nhóm chống đối được thành lập ở 4 trường đại học chính của Miền Nam Việt Nam.

Khi quân đội càn quét các chùa ở Huế, Trí Quang rời Huế vào chùa Xá Lợi ở Sài Gòn để phối hợp các cuộc biểu tình, biến chùa Xá Lợi thành trung tâm hoạt động của Phật Giáo. Một người Phật Giáo đầu tranh viết rằng Trí Quang vào Sài Gòn vì *“đó là nơi ký giả và các nhà ngoại giao tụ họp... Đây là một chiến thuật khôn khéo vì nhờ kỹ thuật truyền thông đại chúng, hoàn cảnh khó khăn của Phật Giáo được loan tải bên trên biên giới Việt Nam.”*⁽⁹⁸⁾

Chiến thuật này hữu hiệu. Tháng 8, sau cuộc hy sinh của nhiều vị sư khác, Mỹ áp lực Diệm và em ông phải nhượng bộ Phật Giáo. Lúc đầu, Diệm hy vọng có thể điều đình với các vị sư, nhưng Nhu lại chọn cách cứng rắn hơn. Nhu bắt đầu nói công khai về việc đàn áp người chống đối bằng phản ứng mạnh của chính quyền. Vì Nhu đứng đầu Ủy Ban Quân Sự của đảng Cần Lao, với cách tổ chức tương tự hệ thống quân giai, sự đe dọa của ông là đe dọa thực sự. Tuy quân đội chỉ muốn chú tâm độc nhất vào việc chống Cộng, ngày 18-8, sau cuộc biểu tình khổng lồ 20.000 người ở chùa Xá Lợi, Trần Văn Đôn và Tôn Thất Đính xin được họp với Diệm, Nhu. Ngày 20-8, họ họp với cả hai để bàn luận sự lo lắng của họ trước tình hình ngày càng xuống dốc mau hơn.

Lúc này, không hiểu vì lý do gì Đôn lại có vẻ được lòng anh em nhà Ngô và Nhu dường như đang tìm cách để dùng ông. Đôn nêu ý kiến để dẹp các cuộc chống đối, Diệm nên

⁽⁹⁸⁾ *Sđđ*, tr.191

tuyên bố thiết quân luật. Nhưng Đôn nhấn mạnh giải quyết lộn xộn nội bộ là việc của cảnh sát, chứ không phải quân đội. Đôn một mực bảo quân đội phải chú tâm chống sự xâm lược của cộng sản và giải quyết các lộn xộn trong nội bộ Miền Nam không phải là việc của quân đội. Diệm đồng ý với đề nghị tuyên bố thiết quân luật và chỉ định Đôn làm Tham Muu Trưởng Bộ Tổng Tham Muu.

Nhu quyết định dùng lệnh thiết quân luật để bắt Trí Quang và diệt phong trào chống đối. Ông lệnh cho Lực Lượng Đặc Biệt và cảnh sát tảo thanh chùa Xá Lợi và các chùa khác. Nhu bị tố cáo đã dùng Lực Lượng Đặc Biệt để tấn công, nhưng điều này không đúng. Theo đại úy Phạm Duy Tất, chỉ huy Lực Lượng Đặc Biệt Nhóm 31 thì đại tá Lê Quang Tung, thượng cấp của ông đã ra lệnh cấm các đội quân của ông không được vào chùa. Tung họp với giám đốc cảnh sát, đại tá Nguyễn Văn Y. Họ cùng đồng ý lính của Tung sẽ giữ an ninh quanh vòng ngoài, trong lúc cảnh sát đặc nhiệm của Y tảo thanh các tòa bin-đinh. Tung cho lệnh Tất “*không được phép tiến vào hoặc đụng đến bất cứ ai. Vì thế, tôi chỉ giữ an ninh quanh chùa Xá Lợi trong khi thiếu tá Phạm Văn Phú, chỉ huy Nhóm 77 giữ an ninh quanh các chùa khác. Không một người lính nào của chúng tôi tiến vào các chùa.*”⁽⁹⁹⁾

Sau nửa đêm 21-8, một thời gian ngắn, cảnh sát tấn công các chùa và bắt hơn 14.000 người. Tuy nhìn nhận hoạt động “*thành công trên phương diện quân sự*”, Đôn phẫn nộ vì “*quyết định tấn công các chùa của Nhu với ngụ ý chính tôi ở cương vị cầm đầu quân đội, đã mở cuộc tấn công. Đây là lý do chính khiến anh em ông bị đảo chánh.*”⁽¹⁰⁰⁾

Tuy đề bẹp được sự chống đối của Phật Giáo, cảnh sát không bắt được Trí Quang. Ngoài chùa Xá Lợi, Tất ngồi

⁽⁹⁹⁾ *Phỏng vấn với Phạm Duy Tất, ngày 5-11-2017, Falls Church, Virginia.*

⁽¹⁰⁰⁾ Novato, CA: Presidio Press, 1978. Tr. 90. Đây là cuốn sách Anh ngữ của Đôn. Trần Văn Đôn, “*Cuộc Chiến Bất Tận của Chúng Tôi – Our Endless War*”

trong xe jeep phía theo dõi tin qua sóng radio. Một sĩ quan VNCH đến yêu cầu Tất cho phép di chuyển một nhân vật ẩn danh từ chùa sang tòa đại sứ Mỹ. Tuy khước từ, Tất đã để yên cho chiếc xe chở Trí Quang rời chùa. Tất nói *“Tôi có thể bắt Trí Quang dễ dàng, nhưng lệnh của Tung là không được đụng đến ai.”* Vị sư đã lọt qua khỏi mạng lưới của Nhu.

Cuộc tấn công giúp Nhu hoàn thành mục đích, chiến lược nhưng đã cùng lúc đẩy các tướng và Mỹ vào tay nhau. Cho là tai họa đang xuất hiện, chính quyền Mỹ phản ứng mạnh. Bộ Ngoại Giao Mỹ gửi một điện văn cho Henry Cabot Lodge, vị đại sứ mới của Miền Nam Việt Nam như sau:

“Dù quân đội có đề nghị hoặc bị Nhu lừa áp dụng thiết quân luật, việc vẫn rõ là Nhu đã lợi dụng thiết quân luật để tiêu diệt các chùa... Như thế đặt gánh nặng cho quân đội trong con mắt thế giới và người dân Việt Nam. Việc cũng đã rõ là Nhu vận động để đưa mình vào vị trí chỉ huy.

Chính quyền Mỹ không thể chấp nhận tình hình quyền lực nằm trong tay Nhu. Phải tạo cơ hội cho Diệm thay Nhu và thuộc hạ bằng các sĩ quan, chính khách ưu tú nhất. Nếu ông tận dụng hết khả năng mà Diệm vẫn bướng bỉnh từ chối thì chúng ta phải trực diện với việc có thể chính Diệm sẽ ra đi.” ⁽¹⁰¹⁾

Chọn lựa đã được quyết định.

⁽¹⁰¹⁾ *“Foreign Relations of the United States – Hồ Sơ Quan Hệ Ngoại Giao Hoa Kỳ”*, 1961–1963, Tập III, Vietnam, hồ sơ 281 từ đây sẽ viết tắt là FRUS, Năm, Tập Số và # cho số hồ sơ. Mọi trích dẫn đều theo các Tập số của các tập hồ sơ Việt Nam, trừ khi có chú thích khác.

03 – “DIỆM ĐỔI CHÍNH SÁCH, hoặc CHÚNG TA ĐỔI DIỆM.”

• Cái Chết của Diệm

Để tăng cường sức mạnh quốc gia trước cộng sản xâm lược và giải quyết các đầu đá nội bộ kinh niên của các nhân vật Quốc Gia, Diệm đã tạo một chế độ độc đoán. Rủi thay, thái độ gia trưởng, coi mình như nhân vật cứu tinh, đặc tính giúp ông thành công những năm đầu đã khiến ông tách biệt dần với người ủng hộ ông và trở thành mù quáng. Như mọi lãnh tụ khác, thời của ông đã hết. Trong giai đoạn tương đối an bình, đặc tính cá nhân giúp ông thành công trong giai đoạn cực kỳ chao đảo đã lỗi thời. Ngoài các cuộc độc thoại quanh co, dài dòng, ngoài thái độ bác bỏ, không chấp nhận chỉ trích, Diệm còn tin một quốc gia yếu đuối đang trong giai đoạn nội chiến như Việt Nam chưa thể có dân chủ. Tất cả yếu tố này đã khiến đa số người Mỹ dần xa ông. Năm 1963, nhiều nhân vật lãnh đạo chính trị và quân đội cũng sợ Diệm đưa quốc gia đến chỗ thua cuộc. Phải đối phó với sự thù nghịch tại Miền Nam ngày càng tăng, ông dùng các chính sách đàn áp mạnh hơn, buộc người Việt trong tầng lớp ưu tú phải vượt qua sự đàn áp đó bằng bạo lực.

Tuy nhiều người đổ trách nhiệm xúi giục cho Mỹ, động lực thúc đẩy các tướng đảo chánh khởi từ lý do nổi loạn thuần túy của người Việt. Một trong số lý do đó là nỗi sợ không lồ: Phải chăng Diệm, Nhu đang bí mật gặp Cộng Sản để trung lập hóa Việt Nam? Biết việc Diệm tìm cách gặp cộng sản và sợ hãi gần như hoảng hốt vì cho rằng tổng thống có thể toan tính trung lập hóa đất nước, các tướng đã quyết định lật đổ ông. Nhưng trước khi hành động, họ cần sự trấn an Mỹ sẽ không bỏ họ.

Chắc chắn việc Mỹ chấp thuận đã khiến quyết tâm của các tướng gia tăng, nhưng đảo chánh vẫn là việc do người Việt Nam khởi đầu, chứ không do người Mỹ. Tuy thế, sự đồng ý ngầm ngầm của Mỹ đã tạo hệ quả lâu dài bi thảm cho quan hệ chính trị Mỹ – Việt. Sự đồng ý ngầm ngầm này càng khiến người Việt tin CIA đã kiểm soát, hoặc đứng sau mọi biến cố. Họ tin nếu Mỹ không chấp thuận, khó có cuộc đảo chánh nào thành công. Chấp thuận của Mỹ về vụ đảo chánh Diệm trở thành con dao hai lưỡi. Tuy biết ơn sự hậu thuẫn của Mỹ, nghi ngờ từ các tướng về động lực thầm kín của Mỹ đã trở thành trầm trọng hơn và chưa bao giờ được xoa dịu.

Khi duyệt lại mọi lý do khiến các tướng quyết định tiến hành cuộc đảo chính 11-1963, một số điểm có thể gây tranh luận. Phải chăng các tướng đã nhận định sai suy nghĩ của dân chúng về Diệm, về các chính sách của Diệm? Phải chăng hành động của họ phát xuất đa phần là do động lực nhằm đem lại sự thăng tiến cho chính cá nhân họ? Tin rằng người Mỹ ủng hộ đảo chánh là một yếu tố quan trọng trong tính toán của các tướng và cuộc tấn công vào các chùa là khởi điểm của cơn sóng bất khả vãn hồi. Dù vậy, quyết định đảo chánh của các tướng khởi từ nhiều động lực. Các động lực khác biệt này đã hòa hợp tạo thành cảm tưởng chung: Cách duy nhất đổi ngược tình hình là quân đội phải hành động để cứu quốc gia, như các quân đội khác đã làm ở những quốc gia khác. Suy cho cùng, tuy Mỹ gánh chịu một phần trách nhiệm, cuộc đảo chánh vẫn là việc của người Quốc Gia do quân đội Miền Nam Việt Nam điều hành để đáp ứng các lý do đặc biệt của người Việt.

● Mưu Mô Đậm Nét

Nhiều người ủng hộ tổng thống cho rằng cuộc tấn công vào các chùa là điểm bất khả vãn hồi. Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu, một Phật tử, lập tức từ chức và cạo đầu để tỏ lòng ủng hộ các vị sư. Một số người ủng hộ Diệm mạnh nhất kể cả tư lệnh Vùng III, Tôn Thất Đính đã bí mật tham gia nhóm mưu

toan đảo chánh. Nhóm này tụ quanh ba vị tướng thâm niên là Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim, Dương Văn Minh. Một sĩ quan khác cũng mới tham gia nhóm là chuẩn tướng Mai Hữu Xuân, chỉ huy trung tâm Quang Trung bên ngoài Sài Gòn.

Một sĩ quan mà người mưu đảo chánh cần thuyết phục là thiếu tướng Trần Thiện Khiêm, phụ tá chính của Đôn và Tham Mưu Trưởng Liên Quân. Họ khó thể giấu Khiêm khi chuyển quân hoặc ra lệnh cho thuộc cấp, nhưng sự gân gù giữa Khiêm và Diệm trước đây khiến họ lo lắng. Giữa tháng 9-1963, sau khi cân nhắc, Minh được cử đến gặp Khiêm để thăm dò. Khi được Khiêm cho biết chính Khiêm và bạn cũ là tướng Khánh đang chuẩn bị kế hoạch lật đổ Diệm, Minh sửng sờ. Khiêm đồng ý tham gia và trở thành thành viên của nhóm. Nhưng Khánh không được mời, vì theo Đôn, nếu âm mưu bị bại lộ, một kẻ thời cơ như Khánh sẽ phản bội họ.

Ngoài các lý do thường, còn có sự sợ hãi khác dù ít khi được xét đến đã đóng vai trò chính. Mùa hè 1963, tin đồn lan tỏa là họ Ngô đã bí mật điều đình với Hà Nội. Nhiều sĩ quan cao cấp coi đó là sự thật. Tuy đa số học giả Mỹ xem nhẹ yếu tố sợ trung lập của người Việt và cho nỗ lực trung lập của Diệm – Nhu không thể là yếu tố đáng kể gây ra đảo chánh nên đã bỏ qua cảm tưởng của người Việt. Các câu chuyện được kể lại trước và sau cuộc đảo chánh thường nêu ra lo lắng quan trọng này. Trong bầu không khí chính trị căng thẳng của Sài Gòn, sự lên án Diệm, Nhu ngã theo trung lập góp phần thúc đẩy các tướng kiên quyết thêm. Nỗ lực của Diệm kẻ từ kế hoạch dụ dỗ nhằm khai mở lại quan hệ mật dịch với Bắc Việt đến những đề nghị hòa bình, đều chuyển dạng để trở thành âm mưu “*trung lập hóa*” Miền Nam Việt Nam. ⁽¹⁰²⁾ Tôn Thất Đính nói đây là “*lý do sâu kín nhất*” dẫn đến

⁽¹⁰²⁾ Mục “*French Writer Describes 1963 Peace Bid – Văn sĩ Pháp Tả Sự Trả Giá Hòa Bình 1963*” trên *Los Angeles Times*, 15-12-1968, trích bài của văn sĩ Pháp George Chaffard tả chính xác Nhu nỗ lực tìm cách liên lạc với Hà Nội. Bài báo cũng đưa ra nhiều chi tiết khác chưa được kiểm chứng.

cuộc đảo chánh.⁽¹⁰³⁾ Đại tá Đỗ Mậu, chỉ huy trưởng đơn vị phản gián của quân đội, cũng đồng ý. Ông nói “*kết quả quan trọng đầu tiên của đảo chánh là chặn anh em Diệm không để họ thi hành âm mưu ngu xuẩn, điên rồ, đi ngược với lý tưởng của Miền Nam Việt Nam và đưa Miền Nam vào tay Hồ Chí Minh.*”⁽¹⁰⁴⁾ Nguyễn Khánh cũng biết nỗ lực bí mật của Diệm. Ít ngày sau đảo chánh, ông nói với một nhân viên CIA rằng ông sợ “*chính quyền sẽ thỏa thuận với Bắc Việt thay vì chấp nhận áp lực Mỹ và nhân nhượng với Phật Giáo. Khánh nói, đến lúc đó ông và các bạn sẽ nổi loạn.*”⁽¹⁰⁵⁾

Tại cuộc phỏng vấn cuối năm 1969, Nguyễn Ngọc Thơ, cựu phó tổng thống của Diệm, xác nhận Diệm đã tìm cách thỏa thuận với Hà Nội. Theo Thơ, “*để thoát khỏi đòi hỏi nặng nề và mâu thuẫn của Mỹ rằng ông phải thắng cuộc chiến, đồng thời chuyển Miền Nam Việt Nam thành một quốc gia dân chủ kiểu Mỹ, Diệm đề ra ý kiến điều đình ngưng chiến với Bắc Việt, đề nghị một kiểu liên hiệp với Bắc Việt, dần dần tổ chức cuộc bầu cử toàn quốc như được đề nghị năm 1956 để thống nhất đất nước. Kế hoạch này đã châm ngòi cuộc đảo chánh 1963.*”⁽¹⁰⁶⁾ Trần Văn Dĩnh, lúc đó là đại sứ Miền Nam Việt Nam ở Mỹ đồng ý với Thơ. Dĩnh nhớ lại Diệm đã cho lệnh ông “*điều đình ngưng bắn với Hà Nội, đồng ý để lực lượng Mỹ rời Việt Nam, chấp nhận các đại biểu của MTGP tham gia chính quyền và cũng đồng ý với một cuộc bầu cử...trong đó MTGP có thể tham dự.*”⁽¹⁰⁷⁾ Lou Conein, nhân viên cao cấp của CIA, là trung gian giữa các tướng và tòa đại sứ, đồng ý. Lou Conein cho rằng “*Diệm*

⁽¹⁰³⁾ Tôn Thất Đính, “*Bình Nghiệp*”, Tr. 433.

⁽¹⁰⁴⁾ Đỗ Mậu, “*Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*”, Tr. 780

⁽¹⁰⁵⁾ Thomas L. Ahern, Jr., “*CIA and the House of Ngo: Covert Action in South Vietnam, 1954–1963.*” Washington, D.C.: CIA, 2000, Tr. 175.

⁽¹⁰⁶⁾ Tài liệu ghi cuộc nói chuyện với Nguyễn Ngọc Thơ, ngày 6-12-1969. Tác giả cảm ơn Bà Loan Dommen đã cho phép dùng các tài liệu của ký giả quá cố Arthur Dommen. Tài liệu không ghi tên người phỏng vấn ông Thơ.

⁽¹⁰⁷⁾ Nguyen Tien Hung and Jerrold Schecter, “*The Palace File.*” New York: Harper & Sons, 1986, Tr.76.

nghe ông... phải tìm cách thỏa thuận với... Bắc Việt. Đầu năm 1963, chính ông Ngô Đình Nhu, em ông, đã nói với tôi... rằng ông đang nói chuyện với... Bắc Việt.”⁽¹⁰⁸⁾

Chính việc điều đình với Cộng Sản nhằm chuyển Miền Nam Việt Nam thành quốc gia trung lập là sự đe dọa với tác động thúc đẩy quan trọng quyết định của các tướng. Tại sao họ quá lo lắng về vấn đề trung lập? Trong khối quốc gia đang phát triển, nhiều nước đã tính chọn con đường độc lập nằm giữa thế giới tự do và cộng sản. Tại sao Việt Nam không chọn cách đó? Câu trả lời nằm trong quá khứ đẫm máu của Việt Nam. Khi suy ngẫm về kinh nghiệm lịch sử của họ, người Quốc Gia Việt Nam và người Mỹ đã nhìn vấn đề trung lập khác hẳn nhau. Tuy đa số người Mỹ nhìn trung lập như một cá nhân hoặc một quốc gia đứng giữa, không nghiêng hẳn về khối nào trong cuộc đấu tranh của hai khối Quốc, Cộng, đa số người Quốc Gia Việt Nam định nghĩa một người trung lập là một người cộng sản ngầm.

Luật lệ ghi khắc của người Quốc Gia đã cả quyết rằng: Trung lập, với Chính Phủ Liên Hiệp theo sau, là nước cờ chính trị cổ điển dẫn đến chiến thắng của Cộng Sản. Bất cứ sự liên hiệp nào cũng là chiếc bẫy tử thần. Đây không chỉ là vấn đề lo lắng của các đảng đối kháng theo sau một cuộc bầu cử. Sự hãi này có gốc rễ xác thực. Thời điểm 1945-46, sau khi hợp tác với chính phủ liên hiệp của Hồ Chí Minh, các đảng viên Quốc Gia đã khôn khổ vì bị thanh trừng. Nhiều nhân vật Quốc Gia, và lãnh tụ của các giáo phái đều mất tích hoặc bị Cộng Sản thủ tiêu. Thập niên 1950, những vụ án giả tạo, những vụ hành hình theo sau chương trình Cải Cách Ruộng Đất ở Bắc Việt còn khiến người Quốc Gia chẳng nghĩ ngờ gì về số phận của họ, nếu Cộng Sản nắm quyền.

Cuối cuộc chiến Pháp – Việt, Pháp chủ trương trung lập hóa để chấm dứt chiến tranh. Ba Lê tin nỗ lực xây dựng một

⁽¹⁰⁸⁾“*Vietnam Hindsight. Part II: The Death of Diem,*” Bản sao của đài NBC ngày 22-12-1971, 11-12.

Miền Nam chống Cộng của Mỹ sẽ thất bại. Trong quan điểm căn bản của họ, Pháp cho rằng Hồ Chí Minh là lãnh tụ Việt Nam hợp pháp duy nhất và tin là Hà Nội sẽ dần dần kiểm soát toàn thể quốc gia. Những người Quốc Gia dĩ nhiên nghi ngờ ý định của Pháp. Sự nghi ngờ bắt nguồn từ quá khứ. Nhiều đảng viên Quốc Gia tin rằng trong các thập niên 1930, 1940, Pháp đã bí mật mượn tay cộng sản diệt trừ họ. Họ cho rằng phía sau chính sách Pháp chỉ là quyền lợi thương mại của Pháp và Pháp chủ trương giúp Hà Nội trung lập chỉ để bảo đảm quan hệ kinh tế Pháp-Việt trong tương lai. Vì vậy, Diệm đã bác bỏ mọi đề nghị trung lập của Pháp. Ông tin rằng chính sách đó chỉ là những sự liên hiệp nguy trang.

Mỹ cũng gạt bỏ đề nghị của Pháp về việc nên có một nước Việt Nam trung lập. Trục diện với sự bướng bỉnh của Mỹ, Ba Lê tìm cách xoa dịu lo lắng của Hoa Thịnh Đốn. Pháp nêu ý kiến cuộc chiến không thể thắng vì người Quốc Gia không được đại đa số dân chúng ủng hộ. Hơn nữa, một nước Việt Nam thống nhất dưới sự cai trị của Hà Nội sẽ không đe dọa quyền lợi của Tây Phương. Chưa kể, sự thù nghịch truyền đời giữa Trung Hoa và Việt Nam sẽ khiến Việt Nam không nằm trong tầm chế ngự của Trung Hoa.

Tuy đây là ý kiến gây tranh luận, chính lập luận này của Pháp về sau đã ảnh hưởng sâu đậm suy nghĩ của nhiều người Mỹ, nhất là những người Mỹ chống đối nỗ lực ủng hộ Sài Gòn.

Tuy thế, trung lập không phải kế hoạch của riêng Pháp và cũng không chỉ giới hạn ở riêng Việt Nam. Ở Lào, năm 1960, khi chiến tranh bùng nổ giữa lực lượng chính quyền, những người trung lập và cộng sản Pathet Lào được Hà Nội hậu thuẫn, cả Mỹ lẫn Nga đều nhanh chóng can thiệp. Để chấm dứt nội chiến Lào và phòng ngừa sự chạm trán Nga-Mỹ, cuối thập niên 1960, hoàng tử Norodom Sihanouk, quốc trưởng Lào đã đề nghị chấm dứt chiến tranh bằng một hội nghị tương tự hiệp định Geneva 1954. Kế hoạch đó nhanh chóng thành hình khi Mỹ đồng ý tham gia và một hội nghị

gồm 14 quốc gia khai mạc ở Geneva tháng 5-1961. Tất cả tham dự viên đều hiểu để hiệp định thành công, phải thành lập một chính quyền liên hiệp trung lập buộc Hà Nội rút khỏi Lào và ngừng xâm lược Miền Nam Việt Nam.

Dù vậy, Diệm một mực nói một chính phủ liên hiệp Lào chắc chắn dẫn đến việc “*cộng sản hóa Lào bằng phương tiện pháp lý.*”⁽¹⁰⁹⁾ Không chỉ có mình ông sợ. Theo sử gia Mark Moyar, trung lập hóa Lào “*khiến những người Mỹ có lập trường cứng rắn và các nhân vật lãnh đạo quốc gia không-cộng-sản ở Á Châu hết sức lo âu.*”⁽¹¹⁰⁾ Tuy nước Lào trung lập sống sót đến năm 1975, nhận định của tất cả về ý định của Hà Nội đều đúng. Cả trung lập lẫn liên hiệp chỉ là đòn lừa của cộng sản, một phương tiện đạt chiến thắng không cần đổ máu. Tháng 2-1962, Chính Trị Bộ thông báo với các cán bộ rằng đối với Miền Nam, “*Chúng ta vừa đánh, vừa đòi hỏi thành lập chính phủ liên hiệp, đòi hỏi có bầu cử, hòa bình và trung lập. Đòi hỏi này để tạo ra các bước chuyển tiếp cho phép phong trào của chúng ta tiến bước dễ dàng hơn, tách biệt kẻ hiếu chiến và lôi kéo người kêu gọi chấm dứt chiến tranh trong hàng ngũ địch về phía chúng ta.*”⁽¹¹¹⁾

Việc chuyển hướng chính sách bắt nguồn từ giao tranh với cộng sản ở Lào sang chấp nhận trung lập hóa Lào khiến chính quyền Diệm rúng động. Hội nghị Geneva 1961 tạo ra sự sợ hãi mới trong giới ưu tú Việt Nam, nhất là người Bắc đã trốn vào Nam. Họ cho đây là sự thỏa thuận của Mỹ và Hà Nội với cái giá phải trả là quyền lợi của Sài Gòn. Đã nghi ngờ ý định của người ngoại quốc và cộng sản, khi đại biểu Bắc Việt ở hội nghị Trung Lập Lào yêu cầu bàn luận đề tài trung lập Miền Nam Việt Nam, các viên chức Việt Nam còn nôn nao hơn. May cho Diệm, những đại biểu khác gạt bỏ dò

⁽¹⁰⁹⁾ *FRUS, 1961-1963, tập II, Hồ Sơ #239*

⁽¹¹⁰⁾ Moyar, “*Triumph Forsaken*”, Tr.163

⁽¹¹¹⁾ “*Hoạt Động Cách Mạng ở Miền Nam Việt Nam*” Nghị Quyết Chính Trị Bộ, ngày 25-27 tháng 2-1962, trong *Một Số Văn Kiện Của Đảng Về Chống Mỹ, Cứu Nước, Tập I, 1954-1965*. Hà Nội, Nxb Sự Thật, 1985, Tr. 157.

dẫn này khi Chính Trị Bộ Bắc Việt đề nghị một cách kiêu ngạo: Diệm phải từ chức trước khi Hà Nội đồng ý bàn luận về vấn đề trung lập Miền Nam Việt Nam. Nhiều năm sau, Hà Nội lại đòi hỏi Thiệu phải từ chức trước khi đàm phán hòa bình có thể bắt đầu. Đây là nước cờ ngoại giao khôn khéo: vừa loại trừ kẻ đối đầu chính, vừa gieo rắc nghi ngờ, căng thẳng trong hàng ngũ đối phương, chưa kể đạt thêm ưu điểm tuyên truyền chỉ có Hà Nội là phe tìm hòa bình.

Thi hành chiến lược của Chính Trị Bộ, MTGP tuyên bố ủng hộ trung lập để ngưng chiến. Đây có lẽ là nỗ lực ngoại giao công khai đầu tiên của cộng sản nhằm gây chia rẽ giữa Sài Gòn và Hoa Thịnh Đốn. Dịp kỷ niệm hiệp định Geneva 1954 lần thứ 8, ủy ban trung ương MTGP đưa ra tuyên bố 4 điểm. Họ tính toán một tuyên bố công khai chấm dứt chiến tranh sẽ thôi thúc người Miền Nam đã mệt mỏi với cuộc chiến, đòi hỏi Mỹ phải rời Việt Nam và như thế sẽ tiêu diệt chính quyền Diệm. MTGP đề nghị một phiên bản của kế hoạch trung lập Lào. Phiên bản này gồm sự liên hiệp để đòi lại sự loại trừ chính quyền Diệm và ngưng bắn nếu lực lượng Mỹ rời Việt Nam. Ngoài ra, MTGP yêu cầu được trở thành một thực thể chính trị hợp pháp có quyền tranh cử vào Quốc Hội. Sau bầu cử, chính phủ mới sẽ hoà hợp với Cam Bốt, Lào tạo thành một “*vùng trung lập*.”⁽¹¹²⁾

Không lâu sau Miền Nam Việt Nam tịch thu được chỉ thị bí mật của bộ chỉ huy cộng sản gửi các cán bộ mô tả mục đích thực sự phía sau tuyên bố ngày 20-7. Tuyên bố không phải lời kêu gọi hòa bình mà thực sự là “đòn tấn công chính trị lớn” để “*tách biệt để quốc Mỹ... chia rẽ nội bộ địch*.”⁽¹¹³⁾ Tài liệu mật được Trung Ương Cục Miền Nam soạn thảo lúc đó và xuất bản sau cuộc chiến xác nhận rằng đề nghị trung lập chỉ là đòn lừa: “*Chúng ta phải cho mọi người hiểu chúng*

⁽¹¹²⁾“*Four Urgently Needed Policies to Save the Nation - Bản Chính Sách Cấp Thiết Để Cứu Quốc*.” 20-7-1962, Hồ sơ #23119048001 Văn khố đại học TX.Tech

⁽¹¹³⁾“*On the Big Political Attack on the Occasion of July 20th - Về Đòn Tấn Công Chính Trị lớn dịp 20-7*.” 24-7-1962, Hồ Sơ #2310104013, VKĐH.TX.Tech

ta không hề đổi chính sách và đây chỉ là một mưu thuật.”⁽¹¹⁴⁾ Ngoài ra, Lê Duẩn, đệ nhất bí thư của đảng cộng sản ở Hà Nội, còn gửi thư đến Trung Ương Cục Miền Nam nói ông xem trung lập như thứ đầu hàng trả hình của Sài Gòn. Vì trong tương lai gần, MTGP khó thể đạt chiến thắng quân sự nên một thỏa thuận bằng đàm phán là chọn lựa tốt nhất để lật đổ Diệm. Lê Duẩn viết “Dựa trên sự cân bằng lực lượng của phía chúng ta và đối phương... mục đích của cuộc cách mạng ở Miền Nam Việt Nam là dân dần, từng bước, đẩy lui bọn đế quốc...lật đổ chính quyền bù nhìn và thay thế bằng một chính quyền độc lập, trung lập.”⁽¹¹⁵⁾ Với sự căm ghét chính phủ liên hiệp sẵn có cộng thêm hiểu biết về mục đích thực của cộng sản trong các tài liệu tịch thu, Diệm bác bỏ mọi đề nghị của MTGP.

Diệm cũng không tin Bắc Việt sẽ tuân thủ hiệp định trung lập Lào. Chẳng bao lâu sau sự thể cho thấy sợ hãi của ông không vô căn cứ. Như sử gia Pierre Asselin chỉ ra, Hà Nội “không muốn có trung lập thực sự hoặc trung lập vĩnh viễn ở Lào. Cái họ muốn là trung lập theo điều kiện của họ, và trung lập cho đến khi các điều kiện đó vẫn phục vụ mục đích của cuộc cách mạng Việt Nam...”⁽¹¹⁶⁾ Dù hội nghị ở Lào cấm xâm nhập và lệnh cho Hà Nội rút quân khỏi Lào, Hà Nội tiếp tục đưa người, vũ khí xâm nhập Miền Nam Việt Nam và không rút quân khỏi Lào như đã hứa. Không lâu sau người Quốc Gia đã mĩa mai gọi đường mòn Hồ Chí Minh là

⁽¹¹⁴⁾ “Trung Ương Cục Miền Nam, Ủy Ban Thường Vụ ban lệnh về Tuyên Truyền và Hướng Dẫn Khẩu Hiệu Chiến Thuật của Mặt Trận,” 10-7-1962, trong Lịch Sử Biên Niên Xứ Ủy Nam Bộ và Trung Ương Cục Miền Nam 1954-1975. Hà Nội: Nxb Chính Trị Quốc Gia, 2002, Tr.322-323. Từ đây sẽ viết tắt là Trung Ương Cục Biên Niên.

⁽¹¹⁵⁾ “Đồng chí Lê Duẩn gửi thư cho Trung Ương Cục Miền Nam đưa thêm suy nghĩ về Chỉ Huy những đối kháng chống lại chiến lược ‘Cuộc Chiến Độc Biệt’ của địch.” 18-7-1962, Trung Ương Cục Biên Niên, Tr. 324.

⁽¹¹⁶⁾ Pierre Asselin, “Hanoi’s Road to the Vietnam War – Con Đường dẫn đến Cuộc Chiến VN của Hà Nội.” 1954-1965. Berkeley: University of California Press 2013. Tr. 124.

“*Xa Lộ Harriman*”, theo tên Averell Harriman, điều đình viên chính của Mỹ trong hiệp định trung lập Lào. Pháp phản đòn rằng hiệp định trung lập đã loại trừ cuộc chạm trán Nga-Mỹ ở một tiêu quốc nghèo, và sự thất bại nếu có, là do cuộc chiến vẫn tiếp diễn ở Miền Nam Việt Nam. Ý kiến của Pháp chẳng thuyết phục được ai. Hà Nội đã đồng ý với các điều khoản của hiệp định, bất kể biến cố đang diễn ra, và rồi lập tức nuốt lời ngay sau khi ký kết. Tệ hại hơn, sự nuốt lời của Hà Nội là điềm báo trước hành động bất tuân các hiệp định quốc tế trong tương lai.

Diềm tin hiệp định trung lập Lào thuyết phục các quốc gia Đông Nam Á tìm cách trung lập hoặc có quan hệ ngoại giao với Hà Nội đã làm Việt Nam suy yếu. Tháng 8-1962, Sihanouk cũng yêu cầu hội nghị Geneva bàn luận vấn đề trung lập Cam Bốt, nhưng chẳng ai chú ý đến yêu cầu đó. Cuối tháng 9-1962, Diềm yêu cầu Lào không nhìn nhận Hà Nội. Khi Lào khước từ, viện dẫn sự trung lập của Lào dựa trên hiệp định Geneva, Diềm triệu hồi đại sứ Miền Nam Việt Nam ở Lào và cắt đứt quan hệ ngoại giao với Lào. Chính sách của Miền Nam Việt Nam thật rõ ràng: Sài Gòn sẽ cắt đứt quan hệ ngoại giao với bất kỳ quốc gia nào nhìn nhận Bắc Việt hoặc MTGP.

Rủi thay, bất kể nỗ lực quan trọng của Mỹ trong thập niên sau cố trấn an Sài Gòn là Mỹ sẽ luôn ủng hộ Sài Gòn, sợ hãi của những người Quốc Gia về việc Mỹ sẽ bỏ rơi họ chưa bao giờ biến mất. Sự sợ hãi này luôn đậm nét trong mọi phân tích của Miền Nam Việt Nam về động lực của Mỹ. Tuy thế trong cái nhìn của Mỹ thì tình hình ở Lào và Việt Nam khác nhau xa. Đối với Mỹ, ngày 23-7-1962 khi ký kết để trung lập hóa Lào, hiệp định Geneva được “*đặt căn bản trên một giả thiết là nếu các đội quân Việt Minh tiếp tục tự do hành động, quân đội Lào hoàn toàn không có khả năng ngăn cản cộng sản tràn sang Lào. Vì thế, chúng tôi đã tập trung nỗ lực vào một hiệp định quốc tế để buộc Việt Minh*

rút quân và thiết lập một chính phủ liên hiệp.”⁽¹¹⁷⁾ Người Mỹ thực sự nghĩ người Việt ở MNVN sẽ chiến đấu và người Lào sẽ không chiến đấu, nhưng thuyết phục các người Việt đang triền miên sợ hãi về sự khác biệt đó là vô cùng khó.

Tuy đã chìm lắng một giai đoạn, cuối tháng 8-1963, mưu toan trung lập của Pháp lại trời ra. Tổng thống Pháp Charles de Gaulle, phản ứng cuộc tấn công vào các chùa, binh luận rằng Pháp sẽ vui lòng “*hợp tác với người Việt trong nỗ lực thống nhất đất nước và vứt bỏ ảnh hưởng của người ngoại quốc.*”⁽¹¹⁸⁾

Tuyên bố của De Gaulle rớt vào một thời điểm đặc biệt khiến Hoa Thịnh Đốn ngạc nhiên và phẫn nộ, vì tuyên bố đó có vẻ như toan tính can thiệp vào nỗ lực của Mỹ buộc anh em họ Ngô phải thay đổi chính sách trên nhiều lãnh vực. Hơn nữa, chính quyền Mỹ lo lắng sâu xa đề nghị của De Gaulle có thể sẽ gia tăng chủ thuyết bài Mỹ của Nhu, hoặc Diệm có thể sẽ dùng đề nghị của Pháp như một tác lực đối trọng với áp lực đòi phải có cải cách của Mỹ.⁽¹¹⁹⁾

Khi các viên chức Mỹ lên tiếng khó chịu với tuyên bố của De Gaulle, các đại biểu Pháp gạt bỏ chống đối của người Mỹ. Họ bảo De Gaulle chỉ phát biểu giản dị quan điểm từ lâu của ông. Điều này hiển nhiên sai.

Đối với De Gaulle, đề nghị trung lập hóa các quốc gia là một phần nỗ lực tạo vai trò quốc tế cho Pháp, độc lập với Mỹ. Ông tin hai khối quyền uy Đông - Tây của quá khứ đang tách rời và Pháp có thể khai triển một hướng mới. Nếu nỗ lực đó khiến Mỹ khó chịu ở Việt Nam, nơi Pháp vừa mất mặt vì bị Mỹ thay thế thì càng tốt.

Với sự chống đối vấn đề trung lập hoặc chính phủ liên

⁽¹¹⁷⁾ *FRUS, 1961-1963, tập 24, “Khủng Hoảng Lào.”* Tài liệu #361.

⁽¹¹⁸⁾ “*De Gaulle Offers to Help Vietnam End Foreign Rule – De Gaulle mở lời Giúp VN Chấm Dứt Luật Lệ Ngoại Quốc.*” New York Times, 30-8-1963 tr.1.

⁽¹¹⁹⁾ Để hiểu rõ phản ứng của chính quyền Kennedy và Johnson với De Gaulle, xin xem “*Choosing War: The Lost Chance for Peace and the Escalation of War in Vietnam*” của F.Logeval. Berkeley: Uni. of Cali Press, 2001.

hiệp trong con người Diệm, có thể tưởng tượng suy nghĩ của Diệm khi bất thần chuyển hướng, khai mở các cuộc tiếp xúc bí mật với Hà Nội. Nhu hành động đúng như Hoa Thịnh Đốn đã lo: Ông bắt đầu dọ dẫm tìm liên lạc để bàn luận với cộng sản. Mục đích thực của anh em họ Ngô vẫn chưa rõ, nhưng ở một thời điểm trong mùa hè 1963, Roger Lalouette, đại sứ Pháp ở Miền Nam đã bắt đầu bí mật gặp Nhu để chuyển lời nhắn giữa Hà Nội và Sài Gòn. Mieczyslaw Maneli, đại biểu Ba Lan trong Ủy Ban Kiểm Soát Quốc Tế thành lập theo hiệp định Geneva 1954 để theo dõi ngưng bắn, cũng bắt đầu bí mật liên lạc với Nhu. Maneli báo với Hà Nội về cuộc nói chuyện đầu tiên của ông với Nhu ngày 4-9-1963, mục đích Nhu mời ông “*là để lập một mối liên lạc không buộc bất kỳ ai vào bất cứ điều kiện nào lúc này. Để tự vệ với Mỹ, Nhu tìm đến chúng ta đồng thời đưa ra hình ảnh ông như một chính khách có thể điều đình với Bắc Việt.*” (120)

Trong khi các cuộc nói chuyện với Maneli không đưa đến kết luận nào, quanh Sài Gòn bắt đầu có tin đồn Nhu bí mật gặp đại biểu cộng sản, và Hồ Chí Minh đang suy nghĩ về đề nghị của De Gaulle. Toan tính trung lập của Pháp, đi đôi với tin tức về những móc nối với cộng sản của Nhu, khiến các tướng lo lắng cao độ. Như đã ghi trong các chương trước, Tôn Thất Đính và Đỗ Mậu nêu chi tiết về nỗ lực của Nhu là một lý do khiến họ tham gia đảo chánh. Đây cũng là cảm tưởng của Trần Thiện Khiêm, người đã nói với một viên chức CIA rằng “*Các tướng, dù trong trường hợp nào, không bao giờ chấp thuận đi với Nhu nếu ông tiến về hướng bắt tay với Bắc Việt hoặc ngay cả về hướng trung lập hóa Lào.*” (121) Một thời gian ngắn sau đảo chánh, Lê Văn Kim cũng

(120) “*Điện tín mật của Maneli (Saigon) gửi Spasowski (Warsaw) – Điện tín Mã Hoá Số 11424.*” Ngày 4-9-1963, History and Public Policy Program Digital Archive, AMSZ, Warsaw; 6/77, w-102, t-625, bản dịch của Margaret Gnoinska. CWIHP Working Paper No. 45.

<http://digitalarchive.wilsoncenter.org/document/118971>.

(121) *FRUS, 1961–1963 tập IV, tài liệu #119.*

phát biểu cảm tưởng tương tự. Ông nói với một ký giả “*Chúng tôi biết Nhu có liên lạc với Bắc Việt. Đó là một lý do chúng tôi đảo chánh.*”⁽¹²²⁾ Ngoài nỗi sợ sâu xa về sự liên hiệp với Hà Nội, người tham gia đảo chánh còn tin Diệm đã đi vào con đường lâm lạc rời hẳn lý tưởng Quốc Gia. Dương Văn Minh và những người khác đặt tên cho cuộc đảo chánh là cuộc cách mạng, một nỗ lực để Miền Nam gạt bỏ cái gọi là “*gia đình trị.*” Cảnh sát bí mật, tai mắt của đảng Cần Lao và mất tự do chính trị khiến người đang đấu tranh chống lại các đàn áp tương tự ở Bắc Việt căm phẫn. Gọi đảo chánh là cuộc cách mạng có thể đơn thuần chỉ là nguy trang lớp vỏ bọc bên ngoài để che đậy một hành động ghê tởm. Lúc đầu, để xây dựng quốc gia, họ đã hoan nghênh hành động mạnh mẽ của Diệm, nhưng dần dà, chính đặc tính đã khiến Diệm được yêu mến — ý chí mạnh mẽ, viễn kiến bất khả lay chuyển, tinh thần quốc gia cao độ — đã chuyển thành thái độ cứng nhắc. Dù đúng hay sai, những người đảo chánh đã phán quyết Diệm và em ông phản bội, không phải các nguyên tắc dân chủ của Tây Phương mà phản bội chính tiêu chuẩn chủ nghĩa quốc gia và tự do chính trị của họ. Vì độc tài, Diệm đã để mất lòng dân và từ đó đưa cuộc chiến đến chỗ thua. Hạ bộ anh em Diệm trở thành khao khát chính trị để chinh Miền Nam lại đúng với cội nguồn Quốc Gia và ngăn ngừa cộng sản. Trong đầu họ, quân đội là lực lượng bảo vệ quốc gia và ngoài bốn phận, họ còn có trách nhiệm thiêng liêng bảo vệ Miền Nam. Đối với Trần Văn Đôn, “*Hoặc Diệm thay đổi chính sách, hoặc chúng ta thay thế Diệm.*”⁽¹²³⁾

Một vai trò khác trong đảo chánh cũng ít được xem xét là vận động bí mật của đảng Đại Việt. Hai đảng Quốc Gia Đại Việt và VNQDD vẫn là kẻ thù cay đắng của Diệm. Bị

⁽¹²²⁾“*Cautious Optimism for Vietnam’s New Regime – Lạc Quan Thận Trọng cho Chế Độ Mới của Việt Nam.*” Globe and Mail, Ngày 18-11-1963, 18.

⁽¹²³⁾ *Phỏng vấn Trần Văn Đôn trong “Vietnam: A Television History – Lịch Sử Việt Nam Qua Tivi .”* Ngày 7-5-1981

tổng thống cấm hoạt động, hai đảng này tìm cách lật đổ ông.

Sau khi bị cấm, hai đảng lui vào vòng bí mật và tiếp tục tuyển mộ, phần lớn là tuyển mộ sĩ quan quân đội và các nhân viên dân sự. Họ tương đối thành công. Một số đơn vị trưởng như đại tá Dương Hiếu Nghĩa, chỉ huy đơn vị thiết giáp Sài Gòn, là đảng viên bí mật của đảng Đại Việt. Các đảng viên Đại Việt nhắm vào Minh Lớn và đảng viên khiến Minh tin Đại Việt là đại tá Huỳnh Văn Tồn. Về sau, Tồn thuyết phục Minh có thể tin được Khiêm. Kế hoạch chuẩn bị của Đại Việt đem lại kết quả. Khi Minh bắt đầu mưu toan đảo chánh, lãnh tụ cao cấp Đại Việt Nguyễn Ngọc Huy tuyên bố Minh “*được mạng lưới của Đại Việt bên trong quân đội ủng hộ ngay.*”⁽¹²⁴⁾ Rủi cho Minh, việc cho phép Đại Việt giúp ông sẽ dẫn đến sự ngã quy của ông. Mưu mô của Đại Việt ngày càng quanh co và mưu mô thường xuyên của đảng viên Đại Việt sẽ khuấy động chính trị Miền Nam trong hơn một năm.

Mỗi lửa để Dương Hiếu Nghĩa và các đảng viên Đại Việt khác bắt đầu bí mật mưu toan chống chế độ Diệm là cuộc tự sát ngày 7-7-1963 của Nguyễn Tường Tam, một đảng viên Quốc Gia và một nhà văn được trọng vọng. Là đảng viên VNQDD, đảng tranh đua với Đại Việt, Nguyễn Tường Tam, một người Bắc đối thủ của Diệm, là nhà văn nổi tiếng Nhất Linh. Các tác phẩm của ông đã khích lệ nhiều người theo lý tưởng Quốc Gia. Cùng 20 người khác, Nhất Linh bị tuyên án dính đến vụ đảo chánh bất thành 11-1960. Trước khi bị đưa ra tòa án quân đội, ông tự sát. Cuộc tự sát của ông, chỉ một thời gian ngắn sau khi Quảng Đức tự thiêu và bức tuyệt mệnh thư ông để lại đã thôi thúc nhiều học sinh tham gia phong trào chống đối ngày càng lớn của Phật Giáo. Ông viết “*Đời tôi để lịch sử xử, tôi không chịu để ai xử cả. Sự bắt bớ và xử tội các phân tử đối lập Quốc Gia là tội nặng sẽ khiến mất nước về tay Cộng Sản. Tôi chống đối sự đó và*

⁽¹²⁴⁾ Nguyen Ngoc Huy and Stephen Young, *Understanding Vietnam – Tìm Hiểu Việt Nam.* Amsterdam: DPC Information Service, 1982, Tr. 95.

tự hủy mình như hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do.”⁽¹²⁵⁾

Khi linh cữu ông được đưa đến chùa Xá Lợi hỏa táng, cảnh sát chặn học sinh đặt biểu ngữ lên quan tài. Một cuộc xô xát đã xảy ra giữa cảnh sát và học sinh. Đàn áp sự tưởng niệm cái chết của Nhất Linh đã thôi thúc học sinh đấu tranh tham gia các cuộc biểu tình của Phật Giáo ngoài đường phố Sài Gòn. Sau cuộc tấn công các chùa, cấm phần giữa sinh viên, học sinh lan tràn như bệnh dịch, tạo chống đối lớn. Cảnh sát của Diệm phản ứng bằng cách bắt hàng trăm học sinh, nhưng đàn áp chỉ khiến học sinh thêm phần nộ, tạo thêm đổ vỡ xã hội. Và lại có thêm lý do để chống đối Diệm.

• Giờ Thứ Zero

Thuyết phục được Trần Thiện Khiêm vào nhóm đảo chánh là có quân cờ cần thiết cuối để tiến hành. Lúc này, các nhóm khác biệt đã tụ về một mối. Những người đảo chánh phân chia trách nhiệm. Minh là tổng tư lệnh. Việc của ông là thuyết phục các sĩ quan đã được tuyển chọn. Kim lo việc lập chính phủ tương lai, trong khi Đình thảo kế hoạch quân sự. Vai trò của Đôn là nối kết với người Mỹ, làm việc với 4 tư lệnh quân đoàn và các lãnh đạo quan trọng của quân đội.

Huỳnh Văn Cao ở quân đoàn IV một lòng trung thành với Diệm nên họ quyết định không liên lạc với ông.

Khánh ở Quân Đoàn II, ngoài cao nguyên Trung Phần, được giữ nằm ngoài vòng liên lạc chính. Đôn đợi liên lạc với Đỗ Cao Trí, tư lệnh Vùng I, nằm kế vùng phi quân sự.

Tuy gần gũi với Trí, Đôn không nắm được phản ứng của Trí. Trí được xem là trung thành với Diệm và cả hai cùng có lịch sử quá khứ lâu dài với nhau. Tháng 4-1955, Trí đã chỉ huy các đơn vị Dù đuổi bọn giang hồ Bình Xuyên ra khỏi Sài Gòn. Tuy thế, cuối tháng 4, sau một vụ tranh luận

⁽¹²⁵⁾ “*Văn thư tưởng niệm nhà văn Nguyễn Tường Tam,*” ngày 4-1-1964. Hiện vật số #2361205115, Văn khố đại học Texas Tech.

để chọn vị chỉ huy mới của quân đội, Diệm phần nộ với Trí. Ông bị thay bằng tư lệnh Dù Nguyễn Chánh Thi. Rồi Trí lại từ từ được lòng Diệm. Tháng 12-1962 Trí thay Thiệu làm tư lệnh Sư Đoàn I. Khi cuộc biểu tình Phật Giáo bùng ra ở Huế, Trí khoanh tay đứng ngoài, nhưng trong vòng 1 tháng, lập trường của ông cứng rắn hơn. Đầu tháng 6-1963, Trí đưa quân đội đi dẹp các cuộc biểu tình tại thành phố. 80 Phật tử bị thương ở các cuộc xô xát nổi sau và lãnh tụ Trí Quang của Phật Giáo phải vào Sài Gòn vì cuộc tấn công của Trí.

Ngày 1-7, Diệm thăng chức chuẩn tướng cho Trí. Trong một nỗ lực về sau, phối hợp với cuộc tấn công chùa ở Sài Gòn, các đội quân của Trí càn quét nhiều chùa ở cả Huế lẫn Đà Nẵng. Nỗ lực này khiến Trí được thăng tư lệnh Quân Đoàn I. Hành động đàn áp Phật Giáo và sự thăng thưởng của Trí khiến Đôn dè dặt. Ông không liên lạc với Trí đến mãi ngày 29-10. Do mối giao du quá khứ với Đôn, Trí đồng ý tham gia. Về sau, Đôn nói hết sức cảm ơn Trí đã không bắt ông, vì khi Đôn đến mời Trí tham gia, trong tay Trí đang có lệnh viết tay của Diệm cho lệnh Trí bắt bất cứ ai mời ông tham gia đảo chánh.

Một sĩ quan quan trọng khác là Nguyễn Văn Thiệu, chỉ huy sư đoàn 5, đơn vị lớn nhất gần Sài Gòn. Tuy kính trọng lập trường chống cộng của Diệm, Thiệu tình nguyện do sự đàn áp ngày càng tăng của tổng thống. Sợ sự độc tài của Diệm gây họa cho Miền Nam, phá vỡ mối quan hệ với đồng minh quan trọng nhất, Thiệu đồng ý đảo chánh. Lạ thay, không có hồi ký nào của Việt Nam hoặc báo cáo nào của Mỹ nêu chi tiết Thiệu tham gia đảo chánh và tham gia thế nào. Trực giác duy nhất về vấn đề này là theo lời kể của ông. Bà Thiệu nói Minh mời chồng bà và điều kiện duy nhất ông đòi là Diệm sẽ an toàn vô sự. ⁽¹²⁶⁾ Lần phỏng vấn sau cuộc chiến, Thiệu

⁽¹²⁶⁾ *Phỏng vấn Bà Thiệu, ngày 6-3-2013, Irving, CA.* Bà Thiệu nói điều kiện chính của chồng bà là “ông Diệm hoàn toàn vô sự. Đảo chánh và đưa ông Diệm lưu vong là cách chọn lựa tốt hơn.”

phát biểu tương tự khi nói Minh triệu ông “về Sài Gòn yêu cầu tham gia đảo chánh. Lý do Minh đưa ra là nếu Diệm tiếp tục làm tổng thống, Mỹ sẽ giảm viện trợ cho quân đội.”⁽¹²⁷⁾ Trong cuộc bàn luận duy nhất về đảo chánh, Thiệu nói đầu tháng 10-1963, Minh liên lạc với ông. Trước khi đồng ý tham gia, Thiệu nêu 4 điều kiện: chính phủ mới phải nãng nổ “*theo đuổi cuộc chiến chống cộng*”, phải được Mỹ yểm trợ, “*một chính phủ quân nhân phải được thành lập để sửa đổi vị thế ngày càng tan rã của chế độ Sài Gòn trong cuộc chiến chống Cộng và ông Diệm được hoàn toàn vô sự.*”⁽¹²⁸⁾ Theo Thiệu, Minh đồng ý mọi điều kiện ngoại trừ việc phải có sự hiện diện mạnh của quân đội trong chính phủ mới, vì Minh có ý nhanh chóng phục hồi vai trò chính phủ dân sự. Tuy nhiên trong các điều kiện của Thiệu, còn một yếu tố quan trọng chỉ một ký giả chú ý: chính phủ mới “*sẽ không chuyển hướng về phía chính sách trung lập.*”⁽¹²⁹⁾

Đa số các cuộc bàn luận về biến cố dẫn đến đảo chánh, và trong đảo chánh, đều chú tâm vào câu hỏi: trong việc thay đổi chế độ, Hoa Kỳ biết những gì và chấp nhận những gì? Ít ai biết rõ hoạt động quân sự thực sự diễn ra thế nào. Lý do chính là vì chi tiết về kế hoạch chuyển quân được Tôn Thất Đính giữ bí mật. Cái chết của Diệm đã phủ một tấm mạng lên biến cố đảo chánh, khiến chẳng ai muốn bàn luận vai trò của cuộc đảo chánh. Vì vậy, mãi nhiều năm sau, chỉ có vài viên chức công khai mô tả vai trò của họ.

Kế hoạch của Đính chỉ định Thiệu làm chỉ huy trưởng lực lượng bộ binh. Đính cũng cương quyết đòi hỏi Diệm phải được hoàn toàn vô sự. Ông cho lệnh Thiệu bao vây dinh Gia Long, nhưng không trực tiếp tấn công. Việc này cho

⁽¹²⁷⁾ Nguyễn Tiên Hưng, “*Tâm Tư Tổng Thống Thiệu*” tr. 372. Thời điểm này có lẽ đầu tháng 10-1963, sau khi Mỹ tuyên bố cắt viện trợ cho Miền Nam vì vụ tấn công các chùa.

⁽¹²⁸⁾ “*Thieu Defends Role in '63 Overthrow of Diem – Thiệu bào chữa cho Vai Trò Trong Cuộc Đảo Chánh 1963.*” Los Angeles Times, 20-7-71, tr. 10.

⁽¹²⁹⁾ *Sđđ.*

phép Diệm có cơ hội dàn xếp với người Mỹ xin tị nạn chính trị hoặc nếu chuyện đó bất thành, bảo đảm ông có đường thoát an toàn khỏi tay các tướng. Vì Thiệu là chỉ huy bộ binh đảo chánh, nhiều người — không được biết về các chỉ thị của Đính — đã cho rằng Thiệu cô tình án binh bất động để xem cuộc đảo chánh diễn ra thế nào trước khi quyết định tham gia. Họ cho rằng mục tiêu duy nhất của ông là Dinh Gia Long và vì ông không tấn công mạnh vào dinh đến sáng sớm hôm sau, lời kết án có vẻ đúng. Tuy thế, cả hai điều tuyên bố đều sai. Sứ mạng đầu của Thiệu là chiếm trại Cộng Hòa, nơi đơn vị bảo vệ Tổng Thống đóng quân. Mãi đến đêm 31-10, ông mới được chỉ định mục tiêu dinh Gia Long.

Trong một biến chuyển lắt léo bất ngờ, Nhu đã vô tình giúp người đảo chánh. Vì biết sự bất mãn khổng lồ của các sĩ quan cao cấp, ông đã lệnh cho Đính tổ chức một cuộc đảo chánh “giả” để dụ kẻ âm mưu đảo chánh lộ mặt. Để thuận tiện cho cuộc đảo chánh giả, Nhu đã chuyển sư đoàn 7, được chỉ định cho Quân Đoàn IV của Huỳnh Văn Cao, sang Quân Đoàn III của Đính. Ông cũng chỉ định 2 tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến cho Đính và quan trọng hơn, chỉ định hai nhóm Lực Lượng Đặc Biệt ở thủ đô trước đây thường trực tiếp dưới trướng Nhu, nằm dưới sự chỉ huy của Đính. Khi thực hiện thay đổi này, Nhu vô tình đưa vào tay Đính gần như mọi đơn vị Đính cần để mở cuộc đảo chánh.

Hiểu rõ lỗi lầm của cuộc đảo chánh hụt 1960, Đính dự định tấn công nhanh vào thành phố, nhưng hy vọng sẽ không có chạm súng lớn. Các lực lượng của ông sẽ bao vây dinh Gia Long và các trại lính bảo vệ Tổng Thống, chiếm các vị trí quan trọng trong thành phố, ngăn chặn các tư lệnh trung thành không cho họ đến giải cứu Diệm. Ông sẽ gửi Thủy Quân Lục Chiến đến chiếm đài phát thanh Sài Gòn và bộ chỉ huy Cảnh Sát Quốc Gia. Sau đó, một tiểu đoàn Dù và nhiều đơn vị thiết giáp, một đơn vị do thiếu tá Lý Tông Bá chỉ huy, sẽ chiếm trại lính bảo vệ Tổng Thống. Sau khi chiếm được các địa điểm này, Thủy Quân Lục Chiến, thiết giáp và các

đội quân của Thiệu sẽ chiếm dinh Gia Long. Diệm và Nhu sẽ rời khỏi nước. Tôn thất sẽ được giữ ở mức tối thiểu.

Cuộc đảo chánh sẽ bắt đầu lúc 1g30 trưa Thứ Sáu, ngày 1-11. Đa số công chức sẽ không có mặt trong văn phòng vì đang ra ngoài ăn trưa. Tôn thất dân sự sẽ ở mức thấp. Để bảo đảm không tự lệnh trung thành nào của Diệm có thể can thiệp, Khiêm mời nhiều sĩ quan cao cấp đến ăn trưa ở bộ chỉ huy Bộ Tổng Tham Mưu. Trong bữa ăn, lính gác sẽ vây quanh. Mỗi sĩ quan bị buộc phải tuyên bố ủng hộ đảo chánh hoặc chịu bị bắt như những người trung thành với Diệm. Trí và Khánh sẽ cắt đứt liên lạc với Sài Gòn, cấm binh lính không được di chuyển khỏi ranh giới quân đoàn. Đại tá Nguyễn Hữu Có được gửi đến sư đoàn 7 thay thế vị tư lệnh sư đoàn trung thành với Diệm. Việc của Có là ngăn cản không cho Huỳnh Văn Cao ở quân đoàn IV gửi quân cứu Diệm. Cùng lúc đó, 2 sĩ quan Không Quân, thiếu tá Nguyễn Cao Kỳ và Đỗ Khắc Mai sẽ bắt vị tư lệnh Không Quân Việt Nam và kiểm soát Không Quân.

Theo một tục ngữ cổ của quân đội thì “không có kế hoạch nào toàn vẹn trong cuộc đụng độ đầu tiên.” Kế hoạch đã được thảo kỹ lưỡng để lật đổ tổng thống Ngô Đình Diệm không nằm ngoài lệ đó. Sự lộn xộn đầu tiên của cuộc đảo chánh 1-11 xảy ra khi vị phó tư lệnh Hải Quân, thay vì cố tìm cách tạo chú ý để đánh lạc hướng vị tư lệnh, đã hoảng hốt giết ông vào gần trưa. Sợ Nhu được báo động, Minh lập tức ra lệnh cho các lực lượng đảo chánh di chuyển. Rời Biên Hòa, tiểu đoàn 1 và 4 Thủy Quân Lục Chiến chạy dọc theo xa lộ Sài Gòn – Biên Hòa. Tiểu đoàn 1 nhanh chóng chiếm đài phát thanh Sài Gòn lúc 1g00 trưa, trong khi tiểu đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến chiếm bộ chỉ huy Cảnh Sát. Hai tướng Trí và Khánh cắt đứt liên lạc giữa thủ đô và bộ chỉ huy các vùng. Sư đoàn 7 của đại tá Có cột hết các phà ở sông Mỹ Tho bằng qua mé sông phía ông để ngăn chặn bất cứ đội quân nào còn trung thành với Diệm muốn tiến về Sài Gòn. Kỳ, Mai bắt tư lệnh Không Quân và giữ an ninh căn cứ phi

trường Tân Sơn Nhất. Tất cả sự kiện này diễn ra êm thấm.

Cùng thời gian đó, 3 hàng quân thiết giáp bắt đầu tiến về Sài Gòn. Đại úy Phan Hòa Hiệp, phó tư lệnh trường Thiết Giáp lúc đó ở gần bờ biển Vũng Tàu, chỉ huy một lực lượng cơ giới. Trung tá Vĩnh Lộc chỉ huy một lực lượng đặc nhiệm gồm 6 tiểu đoàn Dù cộng thêm thiết giáp từ Phước Tuy, một tiểu kế cận Vũng Tàu. Hai hàng quân này sẽ nối với tiểu đoàn bộ binh sư đoàn 5 của Thiệu. Một hàng quân thiết giáp thứ 3 do Lý Tông Bá chỉ huy từ sư đoàn 7 sẽ từ đồng bằng Cửu Long di chuyển lên.

Quyết định ra tay sớm của Minh làm đảo lộn thời khóa biểu của Đỉnh. Kế hoạch của Đỉnh chỉ định Thủy Quân Lục Chiến, những hàng quân thiết giáp, và các đội quân của Thiệu tiến vào thành phố cùng lúc.⁽¹³⁰⁾ Hàng quân thiết giáp đi từ Vũng Tàu phải đi cả trăm cây số, bởi thế thời gian là yếu tố quan trọng. Cuộc đảo chánh phụ thuộc vào hai hàng quân gồm phần lớn các lực lượng đảo chánh, vào Sài Gòn để chiếm trại lính phòng vệ tổng thống phủ và dinh Gia Long. Tuy thế, hành động bất chợt của Thủy Quân Lục Chiến khiến vệ binh Phủ Tổng Thống biết trước. Họ nhanh chóng dựng chướng ngại vật tại một cầu lớn trên xa lộ Sài Gòn – Biên Hòa. Xe tăng của vệ binh lúc này chặn nhóm của Thiệu. Vì không muốn đánh mở đường để tiến vào thủ đô, Thiệu ngồi đó cho đến khi Vĩnh Lộc lừa vị tư lệnh Vệ Binh cho hàng quân đi qua bằng cách bảo họ đang tiến vào thủ đô để giúp Diệm. Sự nhanh trí của Vĩnh Lộc đã tránh được cuộc đụng độ lớn, và có lẽ đã giúp cuộc đảo chánh không thất bại. Đây là điều Thiệu không bao giờ quên.

⁽¹³⁰⁾Theo thiếu tá Nguyễn Xuân Tâm, phụ tá quân sự tương lai của Thiệu, vào ngày đảo chánh, Thiệu lừa vị cố vấn Mỹ bằng cách bảo ông đang về Bà Rịa, một tỉnh gần Vũng Tàu. Vị cố vấn phóng xe Jeep về Bà Rịa và Thiệu di ngược lại về Sài Gòn. Thiệu vẫn giữ liên lạc qua radio với cố vấn nói rằng ông “*đang ở ngay phía sau vị cố vấn.*” Hơn nữa, ông đã bí mật gửi chỉ huy pháo binh của sư đoàn vào Sài Gòn vài ngày trước để thám thính vị trí khai hỏa đại bác 105 ly. Thiệu để tham mưu trưởng của ông, thiếu tá Phạm Quốc Thuận, chỉ huy căn cứ Sư Đoàn 5 và cho người canh phó tư lệnh sư đoàn.

Sau khi vượt qua chướng ngại vật, đoàn thiết giáp của Vĩnh Lộc và tiểu đoàn 6 Dù bao quanh trại Cộng Hòa khoảng 3g00 chiều. Tiểu đoàn 2 và trung đoàn 9 của Thiệu chiếm các vị trí quanh dinh Gia Long để chặn bất cứ phần tử vệ binh nào tăng cường cho trại. Nghe tin trên đài phát thanh và biết các đội quân đang di chuyển, lúc này Diệm biết đây không phải cuộc đảo chánh giả mà là một cuộc đảo chánh thật. 3g30 chiều ông gọi Trần Văn Đôn ở bộ chỉ huy tham mưu liên quân, phản đối hành động của quân đội. Đôn tuyên bố họ đã cảnh báo Diệm nhiều lần là ông phải cải cách chính phủ. Đôn yêu cầu tổng thống đầu hàng và sẽ để ông rời Việt Nam an toàn. Minh cũng nói với Diệm và yêu cầu tương tự. Khi Diệm từ chối, không đầu hàng, Minh dọa sẽ dùng máy bay và đại pháo tàn phá dinh Gia Long. Diệm cúp máy, cắt đứt cuộc nói chuyện với Minh.

Sau khi nói với hai vị phản tướng, Diệm toan tính liên lạc với các sĩ quan trung thành như Huỳnh Văn Cao, lúc đó đang ở Cà Mau theo dõi nỗ lực giải cứu 3 cố vấn vừa bị quân du kích của địch bắt. Vì đường dây điện thoại không rõ, Cao không nghe được Diệm. Ông bay về Cần Thơ để liên lạc lại với vị tổng thống đang bị bao vây, nhưng không liên lạc được. Không lâu sau, Cao nhận được điện thoại của Đỗ Mậu và Khiêm ở bộ chỉ huy Liên Quân. Mậu nói với Cao rằng tuy đã theo tổng thống hơn một thập niên, lúc này ông chống Diệm “*vì Tổng Thống đã liên kết với cộng sản.*”⁽¹³¹⁾ Sau khi nói chuyện với hai người, Cao do dự nói ông sẽ tham gia đảo chánh với điều kiện Diệm và Nhu được vô sự. Khiêm đồng ý và khả năng ngăn chặn cuộc đảo chánh của Diệm nhanh chóng suy giảm.

Các lực lượng phòng thủ trại Cộng Hoà tương đối yếu vì đa số các đội quân Vệ Binh Tổng Thống Phủ đã chuyển đến đài phát thanh Sài Gòn và cầu. Trại Cộng Hoà là một bin-đình 2 tầng cũ, bằng gỗ ở cách xa dinh Gia Long khoảng

(131) Huỳnh Văn Cao, “*Một Kiếp Người.*” Tr. 103

2 cây số. Nếu tấn công mạnh, có thể chiếm trại dễ dàng, nhưng Thiệu chân chừ, hy vọng tránh đổ máu. Ông kêu gọi các đội quân Vệ Binh đầu hàng, nhưng họ từ chối. Khoảng 4g00 chiều đó, Đôn cho lệnh Nguyễn Cao Kỳ gửi đến 2 máy bay trong một cuộc tấn công ngắn để thuyết phục họ đầu hàng. Hiển nhiên, Đôn cố thuyết phục Diệm và Nhu rằng lời đe dọa của Minh là thực, nhưng các tướng vẫn hy vọng Diệm và Nhu sẽ đầu hàng êm ả và lên đường ra khỏi Việt Nam. Hai máy bay chỉ bay ngang, bắn nhẹ vào trại rồi bay đi. Nhưng đưa Kỳ vào hàng ngũ đảo chánh đã tạo ra hậu quả không thể lường trước. Khi biến Kỳ thành một nhân vật đảo chánh, Đôn và những người khác đã mở ra một chuỗi biến cố bất khả vãn hồi.

Vị sĩ quan trung thành nhất của Nhu là Lê Quang Tung, tư lệnh Lực Lượng Đặc Biệt. Tung bị bắt trong bữa ăn trưa ở bộ chỉ huy Tham Mưu Liên Quân để đề phòng ông can thiệp vào đảo chánh. Trước đây, tuy đã đưa Binh Đoàn 77 của thiếu tá Phạm Văn Phú ra khỏi thành phố để tránh Nhu nghi ngờ, Đính đã giữ lại Binh Đoàn 31 của Phạm Duy Tất.

Quyết định của Đính xem phá hỏng cuộc đảo chánh. Sau khi biết đảo chánh đã xảy ra, lúc 4g00 chiều, Tất tự đưa 4 xe tăng và lính của ông đến trại Tham Mưu Liên Quân. Chỉ có một nhóm lính gác hiện diện. Theo lời Tất, "*Giữa tôi và các vị tướng đảo chánh chỉ có vài lính gác. Tôi có thể dễ dàng tạt vào bắt họ.*"⁽¹³²⁾ Vì không có lệnh và không biết rõ điều gì đang xảy ra ở bộ chỉ huy Tham Mưu Liên Quân, Tất không thể tấn công căn cứ. Bởi thế ông để lính ở đó, và đi đến Bộ Chỉ Huy Lực Lượng Đặc Biệt. Vị Phó Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt lệnh cho Tất không được tấn công. Tất trở về với thuộc cấp và rút lui khỏi bộ chỉ huy Tham Mưu Liên Quân, không hề biết chỉ trong gang tấc, ông đã có thể đảo lộn mọi chuyện và thay đổi hướng đi của lịch sử. Sau đó, Tất được biết sự xuất hiện của đơn vị ông đã khiến Minh hoảng

(132) *Phỏng vấn Phạm Duy Tất*

hốt. Minh cho lệnh dí súng vào đầu Tung, và lúc 4g30 chiều, Tung cho lệnh các đơn vị Lực Lượng Đặc Biệt của ông đầu hàng.⁽¹³³⁾ Lúc 6g00 chiều, Nguyễn Văn Nhung, cận vệ của Minh, hành hình Tung. Lẽ ra, qua hành động này của Minh, Đôn và các nhân vật khác phải thấy trước rằng Minh khó thể giữ lời hứa không làm hại anh em Diệm. Ngạc nhiên thay, anh em Diệm vẫn khước từ, không đầu hàng. Cuối chiều đó, Đính bị áp lực của Minh thúc phải chiếm dinh Gia Long. Đính kể lại: “*Bộ Chỉ Huy Tham Mưu Liên Quân thúc tôi hành động nhanh chiếm dinh Gia Long, bảo nếu không thì Không Quân và đại pháo sẽ san bằng dinh Gia Long... Lúc đó, tôi đang chuẩn bị liên lạc radio để bàn với đại tá Thiệu về tiến triển các hoạt động. Mọi chuyện đều diễn ra như dự định. Không có trắc trở lớn nào. Tuy thế, cuộc tấn công dinh Gia Long tiếp tục bị trì hoãn. Tôi cảm thấy Thiệu vẫn thận trọng khi đối phó với lính phòng vệ. Nếu tình trạng này tiếp diễn, có thể sẽ có hậu quả không thể liệu trước.*”⁽¹³⁴⁾

Lý do trì hoãn là sự khước từ đầu hàng của đơn vị vệ binh ở trại Cộng Hòa. Thủy Quân Lục Chiến đã tấn công lấy lệ, nhưng rút lui sau khi bị bắn. Tuy có thể tràn vào trại, nhưng nếu tràn vào hai bên sẽ bị tổn thất nặng, Thiệu muốn tránh điều đó. Về sau Đính nhìn nhận “*Thiệu và tôi đồng quan điểm. Chúng tôi không muốn đẩy đối phương vào chỗ hết đường lui. Bởi thế, thấy tôi chưa ra lệnh, Thiệu tiếp tục trì hoãn để cho phép Minh và tòa đại sứ Mỹ tiếp tục điều đình với Diệm hy vọng họ sẽ có một đường thoát danh dự, và giữ được mạng sống!*”⁽¹³⁵⁾

Để thuyết phục Diệm đầu hàng, Đính gửi Thiệu đến dinh và gửi một sĩ quan khác, trung tá Lâm Văn Phát, chỉ huy cuộc tấn công vào trại. Khoảng 7g00 tối, Thiệu gọi điện thoại cho Tổng Thống. Một phụ tá của Diệm trả lời. Thiệu

⁽¹³³⁾ Tất nói vị Phó Tư Lệnh không nêu lý do khi ra lệnh không tấn công.

⁽¹³⁴⁾ Tôn Thất Đính, “*Bình Nghiệp*.” Tr. 448.

⁽¹³⁵⁾ *Sđđ*. Tr. 447.

hội thăm sức khỏe của Diệm, nơi ông ở và khuyến khích họ đầu hàng. Diệm và Nhu vẫn khước từ, nhưng việc không thể liên lạc với những đơn vị trung thành đã thuyết phục họ rằng họ phải ra đi. Khoảng 8g00 tối, Diệm, Nhu và nhiều phụ tá rời dinh, lên xe, đi theo hướng số mệnh đã định.

Không biết Diệm đã rời dinh và nản chí vì Diệm khước từ đầu hàng, lúc 8g20 tối, Minh cho lệnh Thiệu tấn công dinh Gia Long. Sau một loạt đại pháo ngắn, các đội quân của Thiệu tiến lên nhưng khi vệ binh Tổng Thống Phủ tiếp tục kháng cự, Thiệu cho lệnh ngưng tấn công. Quyết định này là lý do về sau khiến Minh tuyên bố Thiệu đã để anh em Diệm chạy thoát. Thiệu không tấn công mạnh vào các vệ binh vì vẫn hy vọng có thể giải quyết cuộc đảo chánh và giới hạn đổ máu. Sau đó, để thiết giáp của Vĩnh Lộc và tiểu đoàn 6 Dù ở lại đối phó với trại Cộng Hòa, Đinh gửi tiểu đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến đến dinh Gia Long tăng cường cho tiểu đoàn 2 của Thiệu. Để giữ tồn thất thấp, Phát mở cuộc tấn công vào đêm. Khoảng 9g30 tối, thiết giáp của Vĩnh Lộc phá công chính của trại. Tiểu đoàn 6 Dù tiến vào, từ từ tảo thanh trại. Đến nửa đêm, Vệ Binh ở trại Cộng Hòa đầu hàng.

Thiệu bắt đầu chuyển quân từ trại Cộng Hòa đến các vị trí quanh dinh Gia Long. Cũng quan trọng không kém, Lý Tông Bá và đội thiết giáp cuối cùng đã đến thành phố vào 11g00 đêm. Theo lời kể của một phụ tá quân sự của Diệm, khi vệ binh dinh Gia Long thấy các lực lượng và hỏa lực của phe đảo chánh ngày càng đông, ông gọi và “*thông báo cho tướng Khiêm rằng Tổng Thống Diệm đã rời dinh... Viên phụ tá yêu cầu Khiêm ra lệnh không tấn công dinh Gia Long để tránh giết thêm lính, nói rằng Tổng Thống đã trốn khỏi dinh Gia Long. Khiêm hỏi vị phụ tá Tổng Thống rời dinh khi nào và được cho biết vào khoảng 8g00 tối. Khiêm vội nói, được rồi, ông sẽ dàn xếp mọi sự.*” (136)

(136) Đỗ Thọ, “*Nhật Ký Đỗ Thọ: Tù Viên Một Tổng Thống Bị Giết.*” Garden Grove, CA: Nxb Đại Nam, 1982, tr. 219-220

Một thời gian ngắn sau cú điện thoại gọi Khiêm, cờ trắng bắt đầu xuất hiện ở nhiều cửa sổ dinh. Nghĩ rằng Vệ Binh đầu hàng, các lực lượng đảo chánh tiến lên. Thành linh Vệ Binh nổ súng giết chết một sĩ quan thiết giáp của Lý Tông Bá. Chuyện lừa đảo của Vệ Binh khiến Thiệu không còn đường chọn lựa. 3g00 sáng, ông nổ súng. Súng cối nổ hàng loạt, xe tăng và đại liên bắn phá. Các đội quân của Bá mở cuộc tấn công, nhưng các đơn vị Vệ Binh chống cự, bắn hạ nhiều thiết vận xa. 6g00 sáng, Thủy Quân Lục Chiến phá thủng một lỗ ở tường dinh, tiến vào trong. Theo lời Bá, “*Tôi và một tiểu đội Thủy Quân Lục Chiến là những người đầu tiên nháy qua lỗ thủng vào trong. Tôi hy vọng tiến vào trước để ngăn chặn cuộc đụng độ và đổ máu không cần thiết... Tôi tiến vào, chiếm chỗ cầu thang dẫn lên tầng trên của Dinh, hy vọng chúng tôi sẽ tìm thấy Tổng Thống.*”⁽¹³⁷⁾ Khi biết Diệm và Nhu đã rời dinh, đội quân đảo chánh bắt đầu cướp phá.

Thời gian ngắn sau đó, Diệm gọi Khiêm từ một nhà thờ Công Giáo ở Chợ Lớn, xin đầu hàng để an toàn rời Việt Nam. Khiêm nói với một ký giả Mỹ rằng tổng thống yêu cầu ông đến đón, nhưng “*Minh không cho tôi đi.*”⁽¹³⁸⁾ Khi được tin Diệm chịu đầu hàng, Thiệu gọi Minh, xin phép được đón anh em Diệm để có thể bảo vệ họ. Thiệu muốn đưa họ đi trên một xe Jeep mui trần, và đích thân ông sẽ đưa họ về bộ chỉ huy. Ông tin không ai dám công khai giết họ. Minh từ chối, nói với Thiệu là ông đã gửi các sĩ quan khác đi rồi. Cuộc tấn công cố ý chậm chạp, để tránh tổn thất và cho phép Diệm trốn đi, đã thành công. Theo Đính, phía Vệ Binh chỉ có 4 chết, 44 bị thương, phía Đính có 9 chết, 46 bị thương.⁽¹³⁹⁾

Tất cả tài liệu đều ghi sau cú điện thoại của Diệm, Minh họp các tướng ở ban công bộ chỉ huy Tham Mưu Liên Quân

⁽¹³⁷⁾ Lý Tông Bá, “*25 năm Khói Lửa.*” tr.98.

⁽¹³⁸⁾ Marguerite Higgins, *Our Vietnam Nightmare – Ác Mộng Việt Nam của Chúng Tôi.* New York: Harper and Row, 1965, tr. 217.

⁽¹³⁹⁾ Không rõ số thương vong Đính đưa ra chỉ nói riêng về cuộc tấn công dinh Gia Long hoặc tổng cộng tổn thất cho toàn thể cuộc đảo chánh.

bàn về sự đầu hàng của anh em Diệm. Đôn nói ông đề nghị để anh em Diệm rời Việt Nam, rời rời buổi họp đi xem xét việc chuẩn bị khi anh em Diệm được giải đến. Đỗ Mậu nói có một số bàn luận về việc đưa ông Nhu ra xét xử, nhưng có một tướng đề nghị giết cả hai.⁽¹⁴⁰⁾ Mậu nói ông phản đối, nhưng không ai hậu thuẫn ông. Cuối cùng, các tướng quyết định gửi chuẩn tướng Mai Hữu Xuân, thiếu tá Dương Hiếu Nghĩa, và đại úy Phan Hòa Hiệp trong đoàn công-voa gồm một trung đội Thiết Giáp của Hiệp và một số xe jeep để hộ tống Diệm và Nhu đến bộ chỉ huy Tham Mưu Liên Quân. Phút cuối, Minh chỉ định cận vệ của ông, đại úy Nguyễn Văn Nhung, người đã giết đại tá Tung, hộ tống Diệm và Nhu.

Đa số tin rằng trong một quyết định bất chợt, Minh đã cho lệnh giết Diệm và Nhu. Nhưng có lẽ là quyết định chung của một nhóm sĩ quan đã được chọn lựa. Điều này có vẻ hợp lý hơn. Các sĩ quan được chọn lựa đã đồng ý không công khai tiết lộ ai là nhân vật quyết định. Cả Nguyễn Khánh lẫn Lou Conein đều xác nhận đây là quyết định của cả nhóm, và nhìn nhận các sĩ quan Việt Nam trong nhóm đã thề không tiết lộ ai là người ra lệnh. Tuy thế, nhiều người ở Sài Gòn, từ ký giả đến các nhân viên cao cấp ở tòa đại sứ đều cố tìm xem ai là người ra lệnh giết anh em Diệm và họ đã chết thế nào. Dần dần, một số nhân vật tham dự đã cho ra các phiên bản biến cố của họ. Một số chi tiết khác cũng được ghi trong các báo cáo riêng của sứ quán Mỹ. Tuy thế, chuyện xảy ra vẫn là một huyền bí chìm trong lớp sương mù kẻ lên án, người chối bỏ của Việt Nam. Cái chết của Diệm lập tức tạo hồ sâu chia rẽ giữa các tướng. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến “cuộc chinh lý” của tướng Khánh ba tháng sau. Năm 1971, trong cuộc bầu cử tổng thống Miền Nam Việt Nam, dư âm cuộc

⁽¹⁴⁰⁾ Lou Conein xác nhận lời của Mậu về việc sĩ quan này với Jim Nach và Cal Mehlert, hai nhân viên chính trị cao cấp của tòa đại sứ, tại một buổi họp ở Sài Gòn năm 1970. Conein, tuy không hiện diện ở ban công nơi cuộc họp diễn ra, cũng nói quyết định giết Diệm và Nhu là quyết định chung của cả nhóm. Email của James Nach, ngày 14-6-2014.

ám sát còn vang vọng. Hiểu rõ tình cảnh cuộc ám sát sẽ giúp ta có cái nhìn thấu đáo hơn đối với vấn đề chia rẽ sau này.

Tuy hồi ký của Đôn ghi lại những gì đã xảy ra sau buổi họp ở ban công theo lời khai của nhiều kẻ đồng lõa, và cũng ghi lại lời khai của những người đã can dự vào cái chết của Diệm, rất ít tài liệu khác đồng ý với Đôn về điều được ghi lại. Đôn ghi rằng chuẩn tướng Mai Hữu Xuân và một phụ tá chính khác của Minh thông báo Nghĩa và Nhung bắn anh em Diệm trong xe thiết giáp. Phạm Ngọc Thảo cũng kể tương tự với người Mỹ. Ông nói với một viên chức sứ quán Mỹ rằng Nghĩa đã giết họ bằng tiểu liên. Xuân “*ra lệnh và buộc Nghĩa phải thi hành.*”⁽¹⁴¹⁾ Đa số các tác giả đã chấp nhận phiên bản ám sát này, nhưng đây không phải phiên bản hợp lý. Không quân nhân chuyên nghiệp nào có thể dùng tiểu liên khi ngồi trong thiết giáp. Xuân thực sự can dự sâu đến mức nào? Đây là điều chưa ai biết rõ. Nhung Đôn nói, khi từ nhà thờ trở về, Xuân đã đi vào văn phòng Minh và nói bằng tiếng Pháp “*Sứ Mạng đã hoàn thành.*” Điều đó chứng tỏ rằng Xuân đã thi hành mệnh lệnh của Minh.⁽¹⁴²⁾

Ít ngày sau đảo chánh, ký giả Mỹ Stanley Karnow phỏng vấn Nghĩa. Nghĩa nói, trong xe tăng M-113, vì ghét Nhu và phẫn nộ với cái chết của sĩ quan thiết giáp ở dinh Gia Long, Nhung bắt đầu cãi nhau với Nhu. Cuộc cãi vã càng lúc càng dữ dội và Nhung rút dao đâm Nhu. Sau khi đâm Nhu, Nhung rút súng bắn vào đầu Diệm, rồi quay bắn vào đầu Nhu. Bản ghi của Karnow cho thấy Nghĩa cũng ở trong xe.

Một lần nữa, trong câu chuyện sau cuộc chiến, Nghĩa lại nói Nhung giết anh em Diệm. Nghĩa nói rằng theo phụ tá chính của Minh, đại tá Dương Ngọc Lắm, nói với ông thì Minh đề nghị họ giết Nhu nhưng để Diệm sống. Nhung Lắm phủ nhận ông đã cho lệnh ám sát.⁽¹⁴³⁾ Nghĩa nói Nhung được

⁽¹⁴¹⁾“*Forces at Work in Generals Committee of Vietnam – Những Quyên Lực hoạt động trong Hội Đồng Tướng Lãnh Việt Nam.*” ngày 5- 11-1963.

⁽¹⁴²⁾Trần Văn Đôn, “*Việt Nam Nhân Chứng.*” Tr. 231.

⁽¹⁴³⁾ Higgins, *Our Vietnam Nightmare – Ác Mộng VN của Chúng ta.*” Tr. 218

chỉ định giết Nhu. Khi Nghĩa đến nhà thờ, Diệm và Nhu bị giải vào một chiếc thiết giáp dã đầu sắn ở sân theo lệnh Nhung. Nhung bảo hai người vào xe và ngồi chung để canh gác họ. Một lúc sau, công-voa lên đường đến Bộ Chỉ Huy Tham Mưu Liên Quân. Nghĩa nói, ông và Hiệp đi trong xe Jeep dẫn đầu. Nhung giết Diệm và Nhu, khi đoàn xe ngừng ở một đường rầy xe lửa cắt ngang. Theo Nghĩa thì Nhung kể ông đâm Nhu chết trước. Khi Diệm kháng cự, Nhung đâm luôn Diệm. Sau đó ông bắn vào đầu cả hai người. ⁽¹⁴⁴⁾

Năm 1971, đài NBC phỏng vấn nhiều nhân vật tham dự, kể cả Khánh và Nghĩa, để điều tra. Tuy có một số chi tiết mâu thuẫn, tin tức xác nhận kẻ sát nhân duy nhất là Nhung. Chương trình của đài NBC nói khi xe thiết giáp chở Diệm dừng ở ngã tư có đường xe lửa cắt ngang, Minh điện radio cho Lắm cho lệnh hạ sát, tuy Lắm lại một lần nữa phủ nhận điều đó.⁽¹⁴⁵⁾ Một sĩ quan Việt Nam, phụ tá quân sự của Kim thời gian đảo chánh đã nói chuyện với Nhung và Nghĩa sau khi chuyện xảy ra.⁽¹⁴⁶⁾ Theo lời Nhung kể với vị sĩ quan đó thì Minh đã quyết định giết cả Diệm lẫn Nhu. Theo Nhung, đại tá Lắm lệnh cho Nghĩa tách anh em Diệm riêng ra mỗi người một xe. Nhung sẽ giết Diệm và Nghĩa sẽ giết Nhu. Nhung khi họ đến nhà thờ, Nhu không chịu tách rời Diệm. Theo phụ tá của Kim, vì không muốn giết Nhu, Nghĩa đã lên xe Jeep của Hiệp, để Nhung hoàn thành sứ mệnh. Lúc đến ngã tư có đường xe lửa cắt ngang, lợi dụng tiếng xe lửa đang vang động, Nhung đã ám sát họ. Sau đó đoàn công-voa đi đến bộ chỉ huy Tham Mưu Liên Quân. Chính phủ Dương Văn Minh công bố anh em Diệm đã tự sát, nhưng sau đó rút lại lời công bố đó, nói họ bị giết khi cố chạy trốn.

⁽¹⁴⁴⁾ Dương Hiếu Nghĩa, “*Báo Cáo về cái chết của Tổng Thống Diệm.*” Cũng cần xét lại lời kể của Nghĩa. Trong không gian chật hẹp của xe tăng M-113, mà tác giả đã lái nhiều lần, xử dụng dao hợp lý hơn bắn súng tự động bên trong một cái hộp sắt kín mít như xe tăng.

⁽¹⁴⁵⁾ “*Vietnam Hindsight – Nhìn lại VN. Phần II: Cái Chết của Diệm.*”

⁽¹⁴⁶⁾ *Phỏng vấn Lê Minh Đảo, ngày 30-5-2014, Hartford, Connecticut.*

Lời công bố này chưa bao giờ thay đổi.

Khi nghe tin anh em Diệm bị ám sát, Đính, Thiệu, Khiêm và các tướng khác đều kinh hãi. Nhưng sau cuộc chỉnh lý của Khánh ngày 30-1-1964, câu hỏi ai sẽ gánh chịu tội giết Diệm phai tàn dần. Trong cuộc tranh cử tổng thống 1971, câu hỏi đó lại một lần nữa trỗi ra. Chuyện trở thành đề tài của dư luận lần đầu năm 1970, khi bác sĩ Trần Kim Tuyền, cựu trưởng phòng tình báo của Diệm, cho ra cuốn sách với nhan đề kinh ngạc: *Làm Thế Nào để Giết Một Tổng Thống?*⁽¹⁴⁷⁾ Để phản ứng, Thiệu lên tiếng về việc này trong cuộc phỏng vấn của một tờ báo nhỏ Canada qua đó ông đổ lỗi cái chết của anh em Diệm cho “*một nhóm bè phái quân đội*” mà người phỏng vấn cho là có ý nói Minh và Đôn.⁽¹⁴⁸⁾

Với chủ đề ám sát khai mở lại, hòa với sự quan hoài, chú tâm của người dân Miền Nam Việt Nam về chính phủ Diệm, Trần Văn Đôn, Đỗ Mậu, Tôn Thất Đính viết hồi ký đăng báo vào cuối mùa thu, đầu mùa hè 1971. Thời gian ngắn sau, một loạt mục tin bàn luận về đảo chánh và cái chết của Diệm xuất hiện trên báo Lập Trường của Nguyễn Cao Kỳ. Các bài báo, dần dần truy nguồn từ nhiều phụ tá của Đôn, dựng lại bóng ma của Diệm khi họ đăng tải các chuyện bịa đặt kê rằng Thiệu đã thuyết phục Minh giết tổng thống Diệm.⁽¹⁴⁹⁾ Vì đang ủng hộ Kỳ trong cuộc bầu cử, các thuộc hạ của Đôn đã đưa ra chuyện bịa đặt này để bôi nhọ Thiệu. Đôn có đồng ý với thuộc hạ không? Đây là điều chưa rõ, nhưng các sách bằng tiếng Anh và tiếng Việt của ông chỉ buộc tội một mình Minh về cái chết của anh em Diệm.

Minh vẫn im lặng về vụ ám sát Diệm cho đến khi tài

⁽¹⁴⁷⁾ Cao Thế Dung với bút hiệu Trần Kim Tuyền và Lương Minh Khai

⁽¹⁴⁸⁾ “*Thieu Accuses Junta Chiefs in Diem Death – Thieu tố cáo Thủ Lãnh Bè Phái Quân Đội về cái chết của Diệm.*” Los Angeles Times, Ngày 3-10-1970.

⁽¹⁴⁹⁾ “*Using History for Politics: The Case of Tran Van Don – Dùng Lịch Sử làm Chính Trị.*” Văn Bản sứ quán Sài Gòn, ngày 18-8-1971, RG 84, Saigon Embassy Mission Files, U.S. Consulate General Danang: Economic and Political Files, 1971–1973, Box 2. Từ đây sẽ ghi bằng tên cơ quan đưa ra tài liệu và mã số văn bản.

liệu Ngũ Giác Đài, một tài liệu mật của Mỹ xuất hiện. Tài liệu đó ghi lại chi tiết can dự của Mỹ trong cuộc đảo chánh 1963 buộc Minh phải giải thích vai trò của ông trong những ngày định mệnh đó. Giữa tháng 7, tại cuộc phỏng vấn với nhiều ký giả, Minh đổ lỗi cái chết của Diệm cho Thiệu bằng cách tuyên bố Thiệu đã trì hoãn không tấn công dinh Gia Long, cho phép anh em Diệm trốn thoát và từ đó dẫn đến cái chết của họ. Tố cáo của Minh là sự bôi nhọ trắng trợn.

Thiệu chỉ tham gia đảo chánh sau khi Minh hứa không giết Diệm và đã trì hoãn tấn công dinh Gia Long theo lệnh trực tiếp. Thiệu cũng xin được phép đích thân đưa anh em Diệm về Bộ Tổng Tham Mưu để giữ an toàn cho họ. Khi báo chí Miền Nam đăng tải những bình luận của Minh, Thiệu mở một cuộc họp báo để phản bác các tuyên bố của Minh. Trong buổi họp báo, Thiệu nói với ký giả hiện diện rằng Minh là một “*người hèn hạ và dối trá.*” Thiệu nói rõ mục tiêu đầu tiên của ông không phải dinh Gia Long và ông đã “*bàng hoàng khi biết tin*” Diệm bị giết. ⁽¹⁵⁰⁾ Đối với một xã hội có truyền thống tránh chạm trán công khai, việc tranh chấp giữa hai bên khiến dư luận bàn tán sôi sục.

Một ngày sau, Minh nhượng bộ, tuyên bố trong địa vị lãnh tụ của cuộc đảo chánh, ông chấp nhận mọi trách nhiệm về cái chết của anh em Diệm.

Vấn đề ngưng tại đây và chưa bao giờ tái xuất hiện.

⁽¹⁵⁰⁾“*Thieu terms Minh a Liar, and Defends Role in Diem Coup – Thiệu gọi Minh là Người Dối Trá và Bào Chữa Vai Trò của ông trong cuộc Đảo Chánh.*” New York Times, ngày 20-7-1971, tr.1.